

Trần Đăng Khoa

Chân Dung và đối thoại



WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Trần Đăng Khoa

Chân Dung và đối thoại

Bài 1

Tố Hữu và bài thơ Hoan hô chiến sĩ Điện Biên

I

Tố Hữu là một nhà thơ lớn. Nói đúng hơn, ông là nhà thơ lãng mạn cách mạng. Cả cuộc đời ông gắn bó với cách mạng. Thơ với đời là một. Trước sau đều nhất quán. Tố Hữu nhìn cách mạng bằng con mắt lãng mạn của một thi sĩ. Thơ ông dường như chỉ có một giọng. Đó là giọng hát tung bừng ca ngợi cách mạng. Đọc ông trong bất cứ hoàn cảnh và tâm trạng nào, ta cũng thấy phấn chấn, náo nức như đi trải hội. Đến đâu cũng nghe vang tiếng trống, tiếng kèn. Mà thơ ông đâu chỉ có trống phách linh đình như một đám rước, ông còn bắn cả 21 phát đại bác vang trời. Cho đến nay, chỉ có ông là nhà thơ Việt Nam duy nhất đã bắn đại bác trang trọng như thế. Trong tâm hồn lớn rộng gió của ông không có những góc khuất, những vùng tối, những ngõ đường hiu quạnh, những thành quách nhàn nhạt một màu rêu cô liêu. Nghĩa là không có chỗ nương náu cho những nốt nhạc lạc điệu, xa lạ và trầm buồn. Đôi khi, những nỗi niềm vu vơ có ở thời Từ ấy lại lần theo một con đường riêng nhuộm màu thiên nhiên, chìm đắm trong tiềm thức mà tìm về với

ông, thì ông lại tự xoa đi, để tiếng hát ông chỉ còn một âm hưởng chủ đạo. Âm hưởng vui bất tuyệt.

Nếu mỗi nghệ sĩ là một người thư ký của thời đại, theo quan niệm Balzac, thì Tố Hữu chính là người thư ký của cách mạng. Thơ ông là biên niên sử cách mạng. Có thể lần theo dấu vết thơ ông mà tìm những bước thăng trầm của cách mạng, của kháng chiến. Chính vì thế, trong những ngày cả nước long trọng kỷ niệm 40 năm ngày chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, tôi tìm lại thơ ông, tra cứu thơ ông, như tra cứu một cuốn tự điển cách mạng. Tôi lật trang Điện Biên Phủ và lập tức lại gặp ngay tiếng reo vui tung bừng quen thuộc của ông: Hoan hô chiến sĩ Điện Biên. Đây là bài thơ khá nổi tiếng của Tố Hữu. Bài thơ cung cấp cho ta nhiều con số và những tư liệu lịch sử. Qua thơ mà ta biết cuộc kháng chiến chống Pháp kéo dài ba ngàn ngày. Chiến dịch Điện Biên Phủ từ lúc mở màn đến khi kết thúc thắng lợi là 56 ngày đêm. Trong thời gian này, Bác Hồ kính yêu của chúng ta đang ở Việt Bắc. Trên bàn làm việc đã chiến của Người có bản đồ Điện Biên Phủ. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đi hội đàm với Chính phủ Pháp ở Paris. Trưởng phái đoàn ngoại giao của Pháp là Biđôn (Bidault). Trưởng phái đoàn ngoại giao của Mỹ là Smit (Smith). Còn đại tướng Võ Nguyên Giáp thì dàn quân ở giữa trận tiền. Và bạt ngàn bộ đội, dân công đi tiếp lương, tải đạn, kéo pháo, mở đường. Lương thực, đạn dược vận chuyển đến Điện Biên bằng hai phương tiện chính: thồ và gánh. Đời sống tinh thần của bộ đội và dân công ta ở cái thời ấy cũng được Tố Hữu ghi chép khá tỉ mỉ: người ta động viên nhau, thúc đẩy nhau bằng tiếng hát. Những điệu hò lơ, hấy lơ vang vọng khắp các triền đèo hiểm trở Lũng Lô, Pha Đin. Như thế, xem ra, việc chuẩn bị chiến đấu vất vả, gian khổ nhưng vui. Rõ ràng đi kháng chiến như đi trải hội. Còn khi đã chiến đấu thì thật ác liệt. Có thể nói đó là cuộc chiến đẫm máu. Người

khoét núi đặt bộc phá. Người bịt lỗ châu mai. Người lấy thân chèn pháo. Và máu người đã nhuộm đỏ cánh đồng Mường Thanh. Máu trộn với bùn đất. Chỉ một chi tiết này, ta biết chiến dịch mở vào mùa mưa. Đó là một thử thách không nhỏ đối với người lính Điện Biên Phủ. Tất cả những tư liệu lịch sử có tính thông tấn báo chí ấy, đã được Tố Hữu biến thành tình cảm, giai điệu. Và bao phủ lên nó là một bầu không khí hùng hực. Bầu không khí Điện Biên.

Tố Hữu có đi chiến dịch không? Ông viết bài thơ này trong trường hợp nào? Lúc ấy ông ở đâu? Ông đang làm gì, giữ những trọng trách gì? Chiến thắng Điện Biên đến với ông ra sao? Đây là những câu hỏi mà độc giả hôm nay tò mò muốn được giải đáp. Nhưng ai giải đáp nổi? Chỉ có thể là Tố Hữu. Và chúng tôi được giao một nhiệm vụ rất cụ thể: tìm đến gặp Tố Hữu, rồi lân la hỏi chuyện ông.

II

Chúng tôi tập kích vào nhà Tố Hữu, đúng theo cách tiếp cận của lính Điện Biên Phủ. Ngay lập tức nhà thơ lớn đã bị bốn anh em lính báo bao vây. Ngoài tôi và nhà phê bình Hồng Diệu, còn có thêm Khánh Chi, Trường Giang - hai phóng viên trẻ của báo Đại đoàn kết. Bây giờ thì Tố Hữu đã ngồi gọn giữa mấy anh em chúng tôi. Trông ông trầm tĩnh như một ngọn tháp cổ kính. Mà không, ông như một vị nguyên soái đã già từ vũ khí, già từ mọi thứ

xiêm áo lĩnh kính mà tạo hoá đã bốn cột khoác lên ông, nhiều khi che khuất cả chính ông, để ông chỉ còn lại là một già làng, có phần cô đơn, bé nhỏ, da mồi, mái tóc bạc trắng sương gió, dường như đã quá quen với trận mạc, với mọi biến cố, thăng trầm của cõi đời dâu bể. Lơ lửng ở đâu đó trong khoảng u u minh minh trên mái đầu ngả bạc của ông, hình như vẫn còn lung liêng, vẫn còn chao lắc cái con quay mờ mờ nhân ảnh của ông Trời. Ý nghĩ ấy đến với tôi khi tôi đang thành kính ngắm ông như ngắm một viện bảo tàng. Còn ông thì ngồi im lặng. Đôi mắt riu riu nửa thức, nửa ngủ, có lúc lơ đãng vô vi như một người đang nhập thiền, có lúc lại ánh lên, long lanh sáng như mảnh thủy tinh vỡ. Vào những giây khắc mong manh đó, tôi chợt thấy ông vẫn còn là một vị tướng soái, với đầy đủ mũ áo cân đai. Còn bây giờ, ông có vẻ như hơi ngõ ngàng. Ông đưa mắt nhìn lũ chúng tôi là mở chiến dịch rút lui quyết không dây với lũ trẻ ranh.

- Chuyện Điện Biên ấy mà, nói thực là mình biết không nhiều lắm đâu. Cái này các cậu phải đến gặp Hồ Phương, Hữu Mai, hay Từ Bích Hoàng. Các anh ấy đi chiến dịch Điện Biên, các anh ấy biết nhiều chuyện đấy.

- Chuyện Điện Biên thì bạn đọc cũng đã biết rồi, vừa qua mấy anh em làm báo đã sục vào hầm De Castries, còn lặn lội vượt đèo leo suối vào tận sở chỉ huy ta ở Mường Phăng. Anh Lê Lựu đã đến gặp đại tướng Võ Nguyên Giáp. Anh Hồng Diệu đã gặp ba thiếu tướng Hồ Phương, Chu Phác và Dũng Hà. Mấy anh em còn tham khảo cả tài liệu của Pháp nói về Điện Biên. Nghĩa là nhìn Điện Biên ở mọi góc độ khác nhau. Bây giờ, mấy anh em muốn hỏi anh về bài thơ Hoan hô chiến sĩ Điện Biên.

Tố Hữu cười:

- Bài thơ Hoan hô chiến sĩ Điện Biên thì cũng chẳng có gì phải nói thêm nữa. Mình đã viết cả ra rồi. Có gì cũng nói tuột ra hết. Thơ mình là thể, là cứ nói thẳng tuồn tuột, chẳng có gì khuất khúc cả.

- Vâng, bài thơ nói được nhiều điều lắm. Đây ấp tư liệu thông tin. Nhưng có thông tin mà bạn đọc bây giờ tò mò muốn biết thì bài thơ lại không nói đến. ấy là thông tin về tác giả. Khi viết bài thơ này, anh đang ở đâu?

Tố Hữu ngồi im lặng. ánh mắt bỗng xa vợi. Hình như ông đang lục trong trí nhớ, cố tìm một hình ảnh nào đó, một bóng dáng nào đó của kỷ niệm xa mờ.

- Chịu, không thể nhớ được. - Tố Hữu quay về phía tôi. - Mình già rồi, u mê rồi. Có lẽ các anh ở cục tác chiến, quân bưu, các anh ấy nhớ, chứ mình thì quên mất rồi. Cái bản ấy, nó có cái tên là khâu khâu gì đấy. Hồi đó, mình là trưởng ban tuyên truyền. Suốt ngày chỉ hong hóng chờ tin tức từ chỗ anh Trường Chinh, hoặc lại chạy sang bên Bộ Tổng, Quân uỷ trung ương, chỗ anh Văn, hỏi xem có đánh nhau ở đâu thì viết bài tuyên truyền. Mà viết xong cũng chẳng biết đưa cho ai nữa. Hồi ấy, phương tiện tuyên truyền của ta còn nghèo lắm, sơ sài lắm, đâu có được phong phú như hồi chống Mỹ. Công cụ tuyên truyền chỉ có mỗi tờ báo Nhân Dân với cái dài 500 oát. Còn thì phần lớn là tuyên truyền mồm quan cánh dân công. Mỗi trận đánh thắng, tự thân nó đã có sức tuyên truyền rồi. Nó lan xa lắm, lan nhanh lắm. Còn chuyện Điện Biên thì sau này mới rầm rộ. Hò kéo pháo. Điện Biên bây giờ im ắng lắm. Ta âm thầm chuẩn bị lực lượng. Không ai có thể nghĩ được rằng, ta lại có thể đưa được quân, đưa được pháo vào Điện Biên. Thực tế khách quan thì không thể làm được. Đường sá hiểm trở lắm, toàn những đèo dốc, vực thẳm.

Gay go nhất là việc vận chuyển lương thực, thực phẩm. Cái này, phải nói là dân mình ghê gớm thật. Chỉ có đôi vai, đôi bò, khá hơn cái xe đạp tổng tộc, mà rồi từ Thanh Hoá, từ đồng bằng Bắc Bộ mò mò đưa gạo lên. Hạt gạo nặng bằng hạt máu. Phải nói ý chí của dân mình rất ghê gớm. Họ nhịn đói, nhịn khát, ăn lá lẫu dọc đường. Dừng nghỉ thì nói chuyện thịt bò, nói chuyện nướng chả, làm thịt cày, cứ như mình đang liên hoan, đang ăn thịt, mà toàn ăn thịt... mồm.

- Vậy tin toàn thắng đến với anh lúc nào?

- Lúc ấy khoảng 5h30 hay 6h chiều ngày 7-5. Rừng đã nhá nhem tối mới có điện từ chỗ anh Trường Chinh xuống. Mình mừng quá. Cái chuyện Hoà tốc, hoà tốc - Ngựa bay lên dốc ấy là có thật. Đây là con ngựa của chú liên lạc ở chỗ anh Trường Chinh. Và cũng chỉ có mỗi con ngựa với chú liên lạc, chứ làm gì có Đuốc cháy sáng rừng, với Làng bản đỏ đèn đỏ lửa. Khi viết thì mình viết thế. Viết thế mới tạo được không khí, chứ làm gì có lửa mà đỏ rừng đỏ bản. Thực tế lúc ấy, nhìn ra xung quanh, rừng núi tối mù mù. Chỉ có vài ngôi nhà ở triền núi xa xa có ánh lửa le lói, chắc họ đang nấu cơm hay nướng sắn gì đó. Thế mà mình viết: Đuốc chạy sáng rừng - Loa kêu từng cửa. Cũng chẳng có loa đâu. Mà loa với ai. Dân ở xa. ở gần dân e bị lộ. Nguyên tắc là bí mật tuyệt đối. Cơ quan trung ương ở trong rừng, ở giữa lau tre. Mình ở nhà đất. Anh Trường Chinh cũng ở nhà đất. Chỉ có Bác ở nhà sàn. Ông cụ có đặc tính là thích ở nhà sàn, và ở bên suối. Ông cụ vốn là người yêu sơn thủy hữu tình. Cơ quan trung ương cũng đóng dọc bên suối, lán chìm trong cây lá. Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù mà. Bí mật là một nguyên tắc. Vậy thì loa với ai. Thế mà vẫn loa kêu từng cửa. Làng bản đỏ đèn đỏ lửa. Hầy, nghe vui hỉ, nghe cũng rậm rật đấy chứ hỉ - Rồi Tổ Hữu

quay lại mấy anh em, nheo nheo một bên mắt, vẻ trẻ trung, tinh nghịch - Này xem ra không thể tin cánh văn nghệ được đâu hỉ. Phía, toàn là phía. Chỉ có điều là mình phía như thật, nên người ta cũng tha cho.

Rồi Tố Hữu lại cười. Nụ cười thật hiền hậu. Trông ông lúc này có vẻ của một ông Phật, Hồng Diệu hỏi:

- Thế từ lúc mở màn đến khi kết thúc chiến dịch anh có lên Điện Biên bao giờ không?

- Không! Nào mình có biết Điện Biên ở đâu mà đi. Đi sao được. Mà ai cho đi cơ chứ.

- Tưởng anh là trưởng ban tuyên truyền, anh có thể đi khắp nơi chứ.

- Đâu có. Ông nói thế là nói cái anh tuyên truyền sau này, tuyên truyền bây giờ. Chứ lúc ấy, đi sao được. Mình cứ ngồi im chờ lệnh cụ Trường Chinh.

- Tưởng anh viết Mừng Thanh, Hồng Cúm, Him Lam...

- à, cái đấy mình hỏi. Mình hỏi mấy chú đã đến Điện Biên rồi. Hỏi xem ở đấy có những cái gì, mới biết mấy cái địa danh như thế đấy chứ, biết cả ở đó có cam, có mơ và rất nhiều hoa mơ. Chỉ mang máng thế thôi. Và rồi những cái mang máng ấy, cũng chẳng biết sẽ để làm gì. Sau này khi viết, mình mới lôi nó ra, đưa vào thơ, cứ nhét bừa vào. Nó mới thành: Mừng Thanh, Hồng Cúm, Him Lam / Hoa mơ lại trắng vườn cam lạ vàng. Đấy, đơn giản thế đấy.

Rồi Tố Hữu lại cười. Hoá ra ông Phật này cũng thích đùa lắm. Ông nói mà cứ như nói đùa, và tôi nghĩ, phải là người uyên thâm lắm, thông minh và lịch lãm lắm mới có thể nhìn mọi sự đơn giản như thế, mới có thể đùa được như thế. Đùa là một phẩm chất của trí tuệ. Thực tình, hai câu thơ mà Tố Hữu vừa nhắc đến, như nhắc đến một giai thoại vui kia, là hai câu thơ hay, nếu không nói là hay nhất trong bài. Đặt trong cái không khí của toàn bài, nó mới đặc địa, như người ta đang nghe một bản giao hưởng chát chúa toàn những kèn đồng, lại thấy vút lên mảnh mượt một tiếng sáo trúc đồng quê mát mẻ. Câu thơ ghép toàn những địa danh. Đưa địa danh vào thơ đâu có dễ dàng gì. Nhưng Tố Hữu có biệt tài trong cái kỹ nghệ này. Địa danh vào thơ ông thường rất nhuần nhuyễn. ở đây, dường như nó không còn là địa danh nữa, nó là kỹ nghệ chơi chữ cao, chơi chữ mà không thấy dấu vết của việc chơi chữ, chỉ có hai câu thơ với tên rừng, tên núi cụ thể mà Tố Hữu đã kết được thành một vòng hoa rực rỡ sáu màu. Đây là vòng hoa tưởng niệm các liệt sĩ đã hy sinh ở chiến trường Điện Biên lịch sử. Xuân Diệu là người đã có công trong việc phát hiện ra cái vòng hoa thâm lặng đó.

- Sau này, ông Diệu ông ấy có khen tôi. Ông ấy tán ra thế, tôi mới biết nó như thế đấy chứ. Thực ra, đó là mấy cái địa danh có sẵn, địa danh có màu, dưới lại có trắng, có lam, có vàng. Cũng lại là màu nữa. Nó mới thành tám phẩm nhiều màu. Cái này, những anh em lý luận họ gọi là gì hí? Là tiềm thức à? Nghĩ cũng có lý hí?

Ngừng một lát, Tố Hữu tiếp:

- Bài thơ Điện Biên được viết nhanh lắm. Sau chiến thắng, tôi lên Bác ngay. Lên xin ý kiến Bác xem cần tuyên truyền thế nào. Có điều lạ là Bác rất bình

thần. Bác bảo: Đây chỉ là chiến thắng bước đầu thôi. Sao các chú cứ rối lên thế. Ta đánh thì tất nhiên là sẽ thắng. Quân đội ta là quân đội quyết chiến, quyết thắng cơ mà. Bác khen các chú đánh giỏi. Nhưng đừng rối lên. Phải cảnh giác. Hết sức cảnh giác. Chiến tranh chưa kết thúc đâu. Kẻ thù ta bây giờ không phải là Pháp nữa, mà là Mỹ. Không khéo chuyển này, ta phải đánh nhau với Mỹ, còn lâu dài đấy, gian khổ đấy, đừng có tếu. Điều đáng kinh ngạc là Ông Cụ lại nói chuyện ấy ngay trong ngày chiến thắng Điện Biên. Tôi đã đọc một loạt những hồi ký viết về Ông Cụ ở thời điểm này, nhưng không thấy ai nói đến chuyện đó. Cũng trong cuộc gặp ấy, Ông Cụ bảo tôi làm tuyên truyền. Ông Cụ có bảo tôi làm thơ đâu, làm tuyên truyền động viên bộ đội đấy chứ. Tuyên truyền làm sao cho dân vui là được rồi. Tôi về, suốt đêm không ngủ được, cứ vẩn vơ mãi. Tôi nghĩ: tuyên truyền bằng thơ là tốt nhất. Thơ dễ phổ biến, dễ nhớ, dễ thuộc. Mình không nhận ra trận, nhưng cũng nghe lỏm được khối chuyện. Chỉ tội, chẳng biết Điện Biên ra sao. Rồi thì đèo Pha Đin, đèo Lũng Lô cũng chẳng thể hình dung được. Tôi bèn đến hỏi Bác, Bác ngửa cái mũ lá ra: Điện Biên nó như thế này này. Nó là một lòng chảo. Đấy, cũng chỉ mang máng thế thôi. Thế rồi thì tôi viết, viết nhanh lắm, viết không đến hai ngày. Những gì mình nghe được về Điện Biên, mình cho vào thơ hết, cho nó có vần có điệu, vì nhịp thơ nó đi như thế. Lục bát thì còn phải cò cưa ký cưa, chứ ở đây, mình cho nó nổ lung tung lên, chẳng việc gì phải giữ đúng khuôn khổ. Có lẽ đây là bài thơ tự do nhất, viết sáng khoái nhất. Hồi Cách mạng tháng Tám, mình cũng có bài thơ sáng khoái như vậy. Bài thơ nói về cái con chim gì ấy nó hót hót ấy...

- à, đây là bài Huế tháng 8 - Hồng Diệu chợt như bừng tỉnh - Có con chim nào trong tóc, nhảy nhót hót chơi. Ha! Nó hót cái gì vui vui nghe thiệt ngộ.

- ờ, đại khái là như vậy.

Tố Hữu cười. Mấy anh em cùng cười. Không khí trong căn phòng thật ấm cúng vui vẻ. Tố Hữu tiếp tục câu chuyện và Hồng Diệu lại làm bà Trần Thị Tuyết minh hoạ thơ cho ông. Phải nói trí nhớ của nhà tằm chương trích cú này cũng đáng hãi thật. Hầu như anh thuộc hết thơ Tố Hữu, kể cả những câu thơ trong quá trình sửa chữa, ông đã vớt rồi, mà Hồng Diệu vẫn còn thuộc. Anh đọc cho Tố Hữu nghe bằng một giọng von vót nửa kim, nửa thô. Tiếng reo núi vọng sông rền...

- à , cái đó mình cũng phịa đấy. - Tố Hữu cắt ngang giọng đọc đầy hào hứng của Hồng Diệu. - Hồi đó, đang phải bí mật, có ai dám reo hò đâu. Nhưng phải viết thế, phải tạo không khí như thế mới có cơ mà hoan hô chứ. Mình hoan hô chiến sĩ Điện Biên, hoan hô ông Giáp. Lúc ấy, đại tướng võ Nguyên Giáp oanh liệt lắm. Người ra trận cơ mà. Một ông Tổng tư lệnh ra trận...

- Thế sao sau này, trong những tập tái bản gần đây, anh lại cắt câu ấy đi?

- Đâu, mình có cắt đâu - Tố Hữu ngạc nhiên. Mình chẳng biết gì đến chuyện ấy cả. Mình vẫn giữ đấy chứ, mà mình thấy cũng không có gì phải cải chính.

- Bài thơ này khi anh viết xong rồi, Bác Hồ có đọc không?

- Có chứ - Tố Hữu cười - Khi in ra, chắc Ông Cụ có đọc.

- Thế Ông Cụ nói sao?

- Ông Cụ chẳng nói sao cả. Chưa bao giờ Ông Cụ khen thơ tôi. Chỉ có anh Trường Chinh thì có khen, ví tôi với ông này, ông khác, nhưng anh ấy cũng nói tào lao cho vui thể thôi, còn Bác thì chưa bao giờ khen thơ tôi cả. Sau Hoan hô chiến sĩ Điện Biên, tôi viết tiếp Ta đi tới và Việt Bắc...

Đây là thời kỳ sáng tác sung sức nhất của Tố Hữu. Trong ba bài thơ viết cùng một giai đoạn ấy, Việt Bắc là một kiệt tác, dù còn lẫn mấy câu vè. Hai bài thơ còn lại cũng như phần lớn thơ Tố Hữu, sẽ bắt tử nhờ lịch sử. Bởi nó đề cập đến những cái mốc lịch sử. Mỗi bài là một trang biên niên sử. Mà đề cập đến lịch sử, viết về lịch sử thì không ai bằng được ông. Chiến thắng Điện Biên đã qua 40 năm rồi, đã có hàng trăm bài thơ viết về sự kiện này, nhưng cho đến nay, quả thật vẫn chưa có bài thơ nào viết về Điện Biên vượt bài thơ ông. Cái hay của bài thơ không nằm trong câu chữ cụ thể mà nằm trong cái hơi chung của toàn bài.

- à, lại nói về cái tên bài thơ. - Tố Hữu tiếp tục tâm sự - Lúc đầu mình lấy tên là Điện Biên Phủ. Nhưng sau nghĩ thấy không ổn. Điện Biên Phủ chỉ là một cái địa danh. Mình đổi thành Chiến thắng Điện Biên, cũng lại thấy vô duyên. Nghe nó như tên một bài báo. Mình đọc lại bài thơ, thấy có câu Hoan hô chiến sĩ Điện Biên. Thôi, lấy té luôn như thế cho rồi. Cái tên ấy hợp với không khí toàn bài - Tố Hữu nhìn sang tôi, sáng khoái như một người vừa thắng xong một trận đánh hóc hiểm - Thơ Khoa có lẽ chẳng bao giờ có hoan hô đâu nhỉ. Còn tôi thì tôi cứ hoan hô. Tôi còn hô cả khẩu hiệu nữa cơ. Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Muôn năm, muôn năm Mác - Lênin. Đây, tôi hô khẩu hiệu đây, tôi chả sợ. Tôi muốn nói rằng: Không có cái gì là không thành thơ được. Tôi cho cả Nguyễn Văn Trỗi hô: Hồ Chí Minh muôn năm. Mà hô những ba lần kia.

Tất nhiên, sau ba câu khẩu hiệu Hồ Chí Minh muôn năm, Tố Hữu đã hạ một câu thơ thật là thần tình: Phút giây thiêng anh gọi Bác ba lần. Và thế là ngay lập tức, mấy câu khẩu hiệu khô khốc trên kia đã không còn là khẩu hiệu nữa, nó đã thành tình cảm, xúc cảm, thành nỗi niềm thiêng liêng của cả một đời người ở cái giây phút hiếm nghèo nhất. Và người đọc bỗng ứa nước mắt. Đây là tài nghệ của một bút pháp lớn. Bút pháp bậc thầy.

Câu chuyện Điện Biên tạm thời kết thúc. Tố Hữu quay sang hỏi Khánh Chi và tôi, cũng vẫn những chuyện văn chương. Khi chia tay ông, Khánh Chi mới rụt rè đề nghị:

- Bác Tố Hữu ơi, bạn đọc ở báo Đại đoàn kết lại còn có yêu cầu này nữa. Họ muốn có mấy dòng chữ và chữ ký của bác. Bác chép cho một đoạn thơ nào đó trong bài Hoan hô chiến sĩ Điện Biên.

Tố Hữu vui vẻ:

- Ờ thì đưa sổ đây, có bút không?

Nhưng khi đặt cuốn sổ của Khánh Chi lên đầu gối rồi thì Tố Hữu lại lưỡng lự. Hình như ông đang tính xem nên chọn câu thơ nào. Hồng Diệu liền tham mưu:

- Xin anh chép đoạn này: Điện Biên với vợi nghìn trùng / Mà lòng bốn biển nhịp cùng lòng ta...

- Không, không được. - Tổ Hữu lắc đầu - Phải chọn đoạn khác. Cái đoạn nói về huân chương. Ờ, mà tại sao bây giờ, người ta lại không thích đeo huân chương nhỉ. Đối với tôi, huân chương bao giờ cũng có ấn tượng rất mạnh.

Rồi ông cúi xuống viết vào cuốn sổ tay của Khánh Chi:

Kháng chiến ba ngàn ngày

Không đêm nào vui bằng đêm nay

Đêm lịch sử. Điện Biên sáng rực

Trên đất nước, như huân chương trên ngực

Dân tộc ta, dân tộc anh hùng...

Tổ Hữu chép rõ từng nét chữ. Hồng Diệu đọc cho ông chép. Thỉnh thoảng, ông lại ngẩng lên, âu yếm chờ Hồng Diệu đọc tiếp. Tôi nhìn ông, ngỡ ngàng. Một nhà thơ lớn, nổi tiếng vào loại bậc nhất của nền thơ đương đại Việt Nam ngồi chép lại thơ mình, chép từ trí nhớ của một độc giả. Thật chẳng có gì sung sướng hơn được nhân dân thuộc thơ mình. Đây chính là tấm huân chương cao quý nhất mà nhân dân đã trao tặng thi sĩ. Hạnh phúc lớn lao ấy, tạo hoá đâu có ban phát cho nhiều người.

Tháng 5-1994

Trần Đăng Khoa

(trích Chân dung và đối thoại)

Trần Đăng Khoa

Chân Dung và đối thoại

Bài 2

Xuân Diệu

I

Những năm cuối đời, Xuân Diệu hay nghĩ đến thời gian. Ông chợt hỏi tôi:

- Nay, năm nay, Khoa bao nhiêu rồi nhỉ?

Câu hỏi như một thoáng thẳng thốt, chứ Xuân Diệu còn lạ gì ngày sinh, tháng đẻ của tôi nữa. Và khi tôi nói tuổi mình thì ông nhìn tôi, thần thờ.

- Cậu còn trẻ quá. Còn mênh mông thời gian ở trên đầu. Muốn làm gì mà chẳng được. Khoa còn đến nửa thế kỷ nữa để sáng tạo, để vượt lên...

Quả là tôi còn nhiều thời gian. Đó là một may mắn, nhưng biết đâu đây

chẳng là bi kịch? Người bộ hành bé nhỏ đứng trước một con đường ngút ngát, phải lặn lội nửa thế kỷ nữa. Vượt như thế nào đây. Tôi ngẩng lên nhìn người đồng hành gần gũi nhưng cũng thật xa vời. Bởi ông đã xuất hành trước tôi đến gần nửa thế kỷ.

- Quỹ thời gian của mình còn ít quá. Cứ theo cái thước Đặng Thai Mai thì mình còn vài nấc nữa. Mà theo cái thước Xuân Thủy, Nguyên Hồng thì mình đã quá mấy tấc rồi.

Nguyên Hồng mất đột ngột ở tuổi 65. Xuân Diệu đã ở cái tuổi 69. Ông như người chạy việt dã, đua với thời gian. Xuân Diệu tiết kiệm từng tích tắc. Nếu đi đâu về, thường thì ông treo áo lên mắc luôn chứ không vắt ở ghế, để khỏi phải mất một khoảng thời gian treo nó lên mắc áo. Có lần, Xuân Diệu mời tôi đến nhà để chuẩn bị cho cuộc hội thảo thơ ở trường Nguyễn Du. Ông hẹn chính xác tới từng phút. Tôi đến trước hẹn chừng nửa tiếng, Xuân Diệu kéo cái ghế mây mời tôi ngồi, rồi đưa cho tôi mấy tập bản thảo thơ tình chép tay của ông, để tôi đọc. Còn ông lại tiếp tục làm việc nửa tiếng nữa trên cái bàn cũ kỹ có lót một tấm kính cũng rất cũ kỹ. Dưới tấm kính là những bức ảnh ông chụp ở nước ngoài. Ông quên bém nhà đang có khách, quên cả cái nóng ngun ngút của Hà Nội mất điện và tiếng ồn ào náo động của đường phố tan tằm. Xuân Diệu như bò xoài trên trang giấy. Có lẽ bỏ tôi cày ải, chạy bão cũng không cực nhọc, khốn khổ như Xuân Diệu cày trên cánh đồng giấy của mình.

- Có lẽ mình đến đứt mạch máu não mất. Buốt óc quá!

- Chú mệt thế thì cứ nghỉ cho khỏe. - Tôi thành thực thương ông.

- Nhưng các báo yêu cầu mình. Xã hội còn com mắng mình. Thế nghĩa là mình vẫn còn có ích. Sợ nhất là thành gái già. Chả ai còn ỏ ê đến nữa. Và lại cứ phải viết, viết nhiều. Nhà văn tồn tại ở tác phẩm. Không có tác phẩm thì nhà văn ấy coi như đã chết. Thế nên cứ phải viết. Viết hàng ngày. Nhiều khi phải có người thúc mới ra được tác phẩm. Mình nhận bài và yêu cầu người đặt cứ phải thúc mình. ấy thế rồi có sách đấy. Còn cứ chờ cảm xúc đến mới viết, thì muôn năm cảm xúc cũng chẳng đến cho. Nhà văn là ngồi vào bàn làm việc. Cứ làm việc, rồi sẽ tạo được cảm xúc.

Rồi như thể tiện tay, Xuân Diệu với tờ báo nước ngoài, giới thiệu cho tôi hai bài thơ rất hay của một nữ thi sĩ mà ông vừa đọc được. Cả hai bài thơ viết bằng một giọng điệu. Đó là sự chiêm nghiệm của con người trước thời gian. ở một bài, nữ thi sĩ nói rằng bà đang làm việc hết mình, có chút sinh lực gì, bà trao tặng hết độc giả để đến lúc thần chết gõ cửa, bà sẽ đi theo hắn với hai bàn tay không. Còn bài khác là lời tâm sự của bà: Bạn bè ơi, ngày mai nếu phải giã từ cõi đời này, tôi sẽ yêu các bạn thắm thiết, tôi vẫn quay quanh các bạn như một vệ tinh, tôi vẫn nhìn thấy các bạn. Nhưng các bạn thì chẳng bao giờ còn thấy tôi đâu. Xuân Diệu bùi ngùi:

- Đấy, hay không? Sâu sắc không? Nghĩ được đến thế là xuất sáo(*) lắm. Đôi lúc mình cũng có ý nghĩ như thế. Hỡi các ông trẻ, hãy đến với tôi. Tôi còn nhiều kho báu lắm. Tôi sẽ trao hết cho các ông trẻ, để đến lúc cái chết gõ cửa, kéo đi, tôi chỉ là một cái vỏ cam đã vắt hết, là thằng kiết xác chỉ có hai bàn tay không...

- Ôi, chú cứ lo xa. Chú chú khoẻ lắm. Cháu trông chú đang vượng đấy!

Tôi cười xuề xoà. Không ngờ câu nói đùa ấy lại làm Xuân Diệu rất vui! Ông đứng dậy pha trà, rồi mở tủ lấy ra một cái kẹo đưa cho tôi. Kẹo sôcôla Pháp, Huy Cận mang từ Paris về...

- Cái tuổi của mình cũng không biết thế nào đâu. Nhưng dù thế nào mình cũng phải viết chục cuốn sách nữa, mình mới đi Văn Điển.

II

Lần đầu tiên tôi gặp Xuân Diệu vào quãng cách đây hơn ba mươi năm. Đạo ấy, Xuân Diệu còn trẻ, mà tôi cũng chỉ là chú bé lên chín, lên mười, vừa lẫm chẫm bước chân vào làng thơ. Nói thể cho sang, cho oai, chứ thực tình lúc ấy, tôi chẳng có ý thức gì hết.

Tôi đến với thơ hồn nhiên như em bé đến với trò chơi. Nhưng khi gặp Xuân Diệu, thì tôi hiểu được rằng, thơ ca không bao giờ là trò chơi cả. Nó là một công việc sáng tạo cực nhọc. Có thể nói may mắn cho đời tôi là tôi đã sớm gặp Xuân Diệu. Không phải tôi đến với ông mà chính ông tìm đến với tôi. Trong quan hệ, ông đối xử với tôi rất bình đẳng. Nhưng trong sáng tác, ông coi tôi như một người bạn đồng nghiệp. Còn tôi thì luôn biết mình là một người học trò nhỏ bé của ông.

Xuân Diệu về nhà tôi vào năm 1968. Ông cùng Huy Cận dự Đại hội cháu ngoan Bác Hồ ở Nam Sách. Và trong đại hội ấy, tình cờ ông gặp tôi. Mãi sau

này, tôi mới biết đó là cách sắp xếp, bố trí của các anh chị huyện Đoàn. Họ sợ tôi tự kiêu trước sự kiện hai nhà thơ lớn tìm đến nhà. ở cái thời ấy, người nào mang tiếng là tự kiêu thì coi như kẻ vô dụng, là đồ bỏ đi rồi. Xuân Diệu cùng tôi chơi trò đóng kịch dưới sự dàn dựng của các nhà đạo diễn không chuyên ở huyện Đoàn. Nhưng về đến Nam Sách, thì ông quên mất cái đại hội âm ỉ tiếng trốngếch ấy. Nửa đêm ông lần về nhà tôi. Theo lời mẹ tôi kể, thì bác nhà báo đã mượn cây đèn bão, xách ra vườn, soi từng giàn trầu, gốc cau, luống mía và mấy cây bưởi. Xuân Diệu tìm gặp những nhân vật thân thuộc của tôi. Bác ấy kiểm tra xem mày nói có đúng không. Khổ, có thể nào thì cứ nói như thế, đừng đặt điều thêm ra, kéo lại mang tiếng là mình ăn ở không thật thà. Thấy bác ấy kiểm tra, tao lo quá. Thế có làm sao không, hả con? Mà thôi, đừng có thơ phú gì nữa cho rắc rối ra. Cứ đi cày như bố mày là yên chuyện .

Mẹ tôi vẫn băn khoăn, lẩn mẩn không yên, cho mãi đến chiều hôm sau, Xuân Diệu cùng Huy Cận vui vẻ kéo tôi trở lại nhà. Lúc ấy đã xế chiều. Dân làng đổ đến nhà tôi để xem hai ông Tây. Trong lúc Huy Cận nói chuyện với bà con xã viên, thì Xuân Diệu kéo tôi ra ngoài. Ông ngồi bệt xuống góc sân trước cửa chuồng gà và bắt đầu chất vấn tôi. Mồ hôi ông vã đầm đìa, ướt đầm cả cái áo sơ mi kẻ sọc. Xuân Diệu mở cuốn sổ thơ tôi mà ông chép tay, rồi bắt đầu đánh dấu, ghi chép. Tôi không biết ông có nghe tôi không. Thỉnh thoảng, gương mặt ông lại ngẩn ra, nom xa vợi như ông đang nghĩ đến một chuyện nào khác. Rồi ông thay kính liên tục, mỗi khi mồ hôi làm mờ mắt kính. Ông có đến hai cái kính để hai túi áo khác nhau. Cứ sau năm bảy phút, ông lại thay kính. Xuân Diệu dường như không có thói quen lau kính.

Trong chùm thơ tôi, ông đặc biệt chú ý bài Mưa.

- Sao cháu lại chọn thể thơ này, mà không phải là lục bát?

- Vì cháu muốn diễn tả cơn mưa. Con mưa rào dồn dập, hối hả, lúc mau, lúc thưa, nên phải dùng loại thơ tự do có những câu dài ngắn không đều. Còn nếu diễn tả cánh còn bay chẳng hạn, thì cháu mới làm lục bát.

Xuân Diệu mỉm cười, nhìn xéo vào mặt tôi:

- Tại sao thế?

Tôi không trả lời được câu hỏi ấy của ông. Tôi chỉ biết con cò bay thì cánh vươn nhịp nhàng hợp với thơ lục bát. Xuân Diệu cười vang lên.

- Thế còn: Ông trời - mặc áo giáp đen , sao cháu lại viết thế?

- Vì cháu nghĩ đến Thánh Gióng. Ông Thánh Gióng ra trận. Thế bác có biết ông Thánh Gióng không?

Đến đây thì tôi biết mình thật ngớ ngẩn. Làm sao Xuân Diệu lại không biết Thánh Gióng? Cũng may lúc ấy, ông không để ý đến câu hỏi của tôi. Ông tiếp tục quay tôi.

- Tại sao lại đội sấm - đội chớp? Ông sấm ông ấy đánh cái xoẹt. Thế cậu muốn bố cậu chết hay sao mà bắt ông ấy đội sấm?

Tôi không dám cãi Xuân Diệu, chỉ cười trừ. Xuân Diệu cũng cười. Nhưng mấy ngày sau, vào lúc mười giờ đêm ngày 1-6-1968, cái làng quê hẻo lánh, yên tĩnh của tôi đã vang lên giọng bình thơ của ông Tây qua các loa công cộng, trong buổi phát thanh Tiếng thơ. Giọng Xuân Diệu sang sảng:

Bố em đi cày về

Đội sấm

Đội chớp

Đội cả trời mưa...

Thế là từ đây, Xuân Diệu trở thành người thầy dạy nghề nghiêm khắc, gần gũi, thân thiết của tôi. Không phải chỉ trong nghề nghiệp, mà kể cả cách ứng xử hàng ngày. Ai đó tiếp xúc với tôi, có điều gì đó phật ý, họ lại mách Xuân Diệu. Ví như chuyện tôi thật thà chê thơ ai đó. Xuân Diệu chân tình khuyên tôi:

- Cháu cố gắng đừng để mọi người khó chịu với mình vì những cái vặt vãnh xã hội. Cháu không phải Xuân Diệu, nên cháu không được chê như thế. Cái gì hay thì khen. Không hay thì im lặng. Im lặng cũng là một lời chê đấy.

III

Xuân Diệu không thích trường ca. Đôi khi, ông còn nhìn thể loại văn học này bằng con mắt lạnh lùng, cay nghiệt. Tôi không hiểu tại sao lại thế. Cũng có thể ông chỉ là nhà thơ, mà còn là nhà phê bình. Trong lĩnh vực phê bình, Xuân Diệu thường quyết liệt, không khoan nhượng và nghiêm khắc đến nghiệt ngã, mà trường ca lại là một thể loại khó viết và có viết được cũng rất khó hay. Nhưng thói đời, những gì khó chiếm lĩnh thường lại có sức hấp dẫn mãnh liệt những kẻ đi chinh phục. Rất nhiều tác giả xông vào thể loại hiểm hóc này, đặc biệt là những cây bút trẻ sung sức. Có người viết cùng lúc hai, ba cái trường ca. Viết đề thể nghiệm. Viết đề thử bút lực. Bản thân tôi, ở cái thời trẻ con ngông cuồng và rồ dại, cũng không phải chỉ một lần, mà có tới bốn lần nhắm mắt, lao đầu vào cái vành đá răng ngựa này. Bản trường ca đầu tiên tôi viết là khi đang học lớp bốn. Hồi ấy, Johnson vừa tuyên bố tạm ngừng ném bom miền Bắc. Trường ca diễn tả đoàn người nghèo khổ, đói rách, sắp chết lả vì khát, bước lên lưng của thần, bay lên trời, đánh nhau với Thần Hạng. Thơ viết theo thể tự do, vần điệu phóng khoáng, mang hơi hướng của những bản trường ca cổ đại và những truyện thần thoại dân gian. Tôi đặt tên là Trường ca giông bão. Tôi chép thành hai bản sạch sẽ. Một bản gửi nhà thơ Phạm Hồ, ông Marshac của Việt Nam, lúc bấy giờ đang cai quản phần thơ tuần báo Văn nghệ. Gửi là gửi chơi, để ông đọc chơi, vì tôi rất quý Phạm Hồ, rất yêu những câu chuyện đồng thoại của ông viết cho trẻ con, chứ không nghĩ đến việc in báo. Bởi trường ca quá dài, nhùng nhằng đến ngót ngàn câu, làm sao báo tải được. Còn một bản tôi gửi nhà thơ Xuân Diệu, gọi là để xin thầy mấy lời chỉ bảo. Xuân Diệu im lặng. Ông chẳng ỏ ê gì. Mọi lần nhận thư và thơ tôi, bao giờ ông cũng trả lời, và trả lời ngay tắp lự.

Trong thư ông nhận xét và góp ý rất cụ thể. Ông không phân tích, bình luận dông dài, mà thường chỉ đưa ra cái kết luận ngắn gọn có tính tổng quát. Đại loại như bài Bến đò, ông bảo: Hay, sâu sắc (sau này ông có dịch bài thơ này sang tiếng Pháp in trong tập Văn học Việt Nam, Nhà xuất bản Ngoại Văn Hà Nội). Bài Tiếng nói, chỉ có sáu câu lục bát ngắn gọn diễn tả một ngày làng quê, qua những âm thanh thiên nhiên, ông bảo: Hai câu cuối sáng tạo. Còn bốn câu trên cộc cạch. Nhưng cộc cạch như thế nào, vì sao lại cộc cạch thì ông không nói rõ. Đây là phần việc của tôi. Tôi phải tự nghiên cứu, tự khám phá lấy. Vì vậy, đọc thư Xuân Diệu thường là rất mệt. Đạo ấy tôi còn viết một bài thơ nho nhỏ tặng ông. Biết Xuân Diệu nồng nhiệt, tha thiết sống, sống hồi hả, sống cuồng quýt, và với ông thì sự sống chẳng bao giờ chán nản, Xuân Diệu muốn trẻ trung, trẻ trung mãi mãi, để chống cái già cứ xồng xộc đến, ông làm thơ tình, ông nhuộm tóc cho xanh lại. Rồi ông yêu cầu mọi người gọi ông bằng anh. Có cô gái trẻ mê thơ ông, gọi ông bằng bác, ông đã khó chịu, Bác gì? Bác phó cối ấy à? , đến khi cô ta lại còn hỏi tuổi nữa, thì ông bực mình thực sự: O sao mà em vô duyên thế, em. Nhà thơ làm gì có tuổi. Và tôi viết tặng ông bài thơ, nói cái sự trẻ trung của Xuân Diệu. Đến cả bài thơ ấy Xuân Diệu cũng vẫn không quên có lời nhận xét. Ông nói một câu mà lại như là chẳng nói gì cả: Cảm ơn Khoa đã có bài thơ về chú Xuân Diệu. Vậy mà đến cái vụ trường ca này thì không hiểu sao, ông lại im lặng, đến cả một câu xã giao chung chung nhất cũng không có nốt. Hay là thất lạc? Sau đó mấy tuần, bản thảo cùng gửi với bản gửi Xuân Diệu đã được in trên tuần báo Văn Nghệ. Đây là điều tôi không thể ngờ được. Toà soạn chỉ cắt mấy câu mở đầu miêu tả Thần Hạng bay lượn trên vùng đất khô xác, hoang rợn, trường ca bắt đầu từ đoạn miêu tả bữa tiệc nhà trời với cái tên rất dung dị: Đi đánh Thần Hạng.

Sau đó là một mùa hè thú vị. Tôi rời làng quê ra vùng biển Quảng Ninh thăm người anh ruột là nhà thơ Trần Nhuận Minh đang công tác tại vùng mỏ. Khi về, mẹ tôi kêu lên từ cổng: ối giời, sao mày về muộn thế con? Hôm qua có mấy bác ở Hà Nội cưỡi ô tô về nhà mình chơi, tao giữ lại ăn cơm canh cua, nhưng chả có bác nào chịu ở, bảo phải đi Hải Phòng. Có bác gì ấy gửi cho mày quyển truyện. Mẹ tôi lúi cuội vào buồng, lôi từ cốt thóc ra một cái tay nải đã cũ. Đây là cái kho sách lưu động của mẹ tôi mà con cái không được phép lục lọi. Trong đó lỏng chỏng mấy cuốn Trê cóc, Hoàng Trừu, Thạch Sanh, Kiều và mấy đồng bạc trắng, mấy đồng kẽm lỗ vuông, không biết tiền từ đời nào, đời nào. Loay nhoay một lúc, mẹ tôi mới tìm được một cuốn sách dày dặn. Hoá ra tập Đối thoại mới của Chế Lan Viên. Ngay sau bìa sách là mấy dòng chữ viết cheo chéo. Nét chữ trông rất rối: Khoa ơi, chú qua thăm, tiếc Khoa đi Hồng Quảng không gặp. Cái Đi đánh Thần Hạng hay lắm. Chú có Đối thoại mới, tiện đây gửi Khoa đọc đại khái - Chế Lan Viên. Tôi ngẩn người, không tin ở mắt mình nữa. Trước đây tôi cũng đã vinh hạnh được gặp Chế Lan Viên. Nhưng chỉ gặp một lần, và lần ấy cũng loáng thoáng vài ba phút. Tôi không kịp nhớ gương mặt ông. Xuân Diệu tiễn tôi ra cổng thì ông đến. Trông ông không có gì là to lớn, bệ vệ. Cũng không có dáng vẻ lơ mơ thi sĩ - một gương mặt rất hoạt. Cặp mắt sắc, nhanh nhẹn và hết sức thông minh, nhưng là cái thông minh của một nhà thông thái hơn là một thi sĩ tài ba. Xuân Diệu gọi ông là Hoan. Trong lúc trò chuyện với Xuân Diệu giới thiệu tôi với ông. Ông chỉ cười, rồi nhắc bổng tôi lên. ối chà! Thi sĩ gì mà bé như cái kẹo thế này! .

Bây giờ đọc mấy dòng viết vội của Chế Lan Viên, tôi cứ băng khuâng mãi. Rồi nhân đà hứng khởi ấy, tôi lại viết tiếp một trường ca nữa. Tựa vào một cốt truyện đơn giản: Một cậu bé thành phố sơ tán về nông thôn trong thời

gian chiến tranh, rồi qua con mắt của cậu bé mà nhìn người quê, cảnh quê, những phong tục tập quán nơi thôn dã. Tôi lấy tên là Làng quê. Sau đó, Nixon trở lại ném bom miền Bắc tàn bạo hơn, khốc liệt hơn. B.52 rải thảm Hà Nội, Hải Phòng. Quê tôi cũng bị oanh tạc dữ dội. Cái làng nhỏ bé yên tĩnh nằm bên đường 5, con đường chiến lược nối Hà Nội, Hải Phòng, dường như bây giờ mới thực sự bước vào cuộc chiến. Không ngày nào không có tiếng gầm rít của bom đạn. Đêm cũng không yên, vì tiếng bom rền không ngớt ở cả hai mạn Hà Nội, Hải Phòng. Thỉnh thoảng khu vườn và mảnh sân lại nhào lên trong ánh sáng ma quái của những vệt tên lửa khắp bốn phía trời bay qua chỉ viện cho Hà Nội. Mẹ tôi rên rảm: Giời ơi, thế này thì còn gì là người nữa, hả giời. Cứ đánh nhau mãi thế này. Thót trên mồn thì thót dưới cũng mồn ... Mẹ tôi hình dung cuộc chiến tranh như cái cối xay lúa. Tôi che ngọn đèn dầu bằng lá khoai nước, hì hục viết trường ca Trùng phạt. Tôi viết như bị ma ám. Viết liền một đêm ngót ngàn câu thơ, dựng cảnh âm ti, địa ngục, những bà mẹ mang thai, những em bé chưa biết lẫy, những búp bê, ngựa gỗ, những bà cụ mù loà, một đoàn người mất đầu, cụt chân, cụt tay, đi lang thang trong chiều âm ti, tìm đến điện Diêm Vương, đập cửa đòi xử bọn giết người. Một ngày sau, tỉnh táo ngồi lạnh lùng đọc lại, vẫn thấy không có gì phải sửa chữa thêm, tôi bèn chép gửi thầy Diệu. Và rồi cũng như mấy lần trước đó, Xuân Diệu vẫn im lặng như một vách đá bí hiểm, không dội lại một tiếng vọng nào.

Sau này có dịp về Hà Nội, tôi ghé thăm Xuân Diệu. Ông mở cửa đón tôi, vẻ mặt hồ hởi. Rồi ông kéo ghế mây, mời tôi ngồi và bắt đầu nói. Ông nói to như diễn thuyết. Cảm giác trước ông không phải cậu bé nhà quê 14 tuổi, mặt mũi đen nhem, xấu xí, áo quần nhếch nhác, nhem nhuốc, mà là một quảng đại quần chúng. Xuân Diệu nói về việc sinh đẻ có kế hoạch. Gương mặt ông

bùng bùng xung động. Tôi ngồi ngẩn người chẳng hiểu ra làm sao cả, rồi thì thấy run, rồi thì thấy hoảng, rồi thì thấy mình đầy tội lỗi, như thể mình là một tội phạm, đang chịu sự đày tớ. Thế mới biết bố già thâm thuý thật. Bố ấy ám chỉ mình đẻ vô tội vạ đây. Ca với chả kiếc. Mà thực ra mình cũng quá đáng lắm, đã biết tính ông cụ thế, còn gửi trường ca đến trên người làm gì. Tôi cứ thâm rửa xả mình thế. Sau mới biết nhầm. Xuân Diệu hoàn toàn không có hàm ý ấy. Bởi những lần gặp sau, ông vẫn nói chuyện đó, chuyện sinh đẻ có kế hoạch. Dường như ông quên lần trước ông đã nói gì, hoặc giả ông tưởng tôi ở đâu mới đến lần đầu, chưa từng được nghe ông nói. Ông bảo mình khổ, mình nghèo đói, nhếch nhác là vì mình đẻ nhiều quá. Cả nước thành một trại gà công nghiệp. Cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, rồi túng quẫn đâm ra cắn xé lẫn nhau. Cả đời chỉ cắm mặt xuống đất, bởi cái ăn, chẳng hiểu gì xung quanh, chẳng biết Bach, Beethoven, Hugo, Sheakerspeare, những vẻ đẹp mà cả nhân loại ngưỡng mộ, sùng kính. Tôi chỉ im lặng nghe, rồi cười trừ. Vì mình trẻ con, lại ngu đần, biết gì mà nói cơ chứ!

- Mà đẻ vô tội vạ như thế là ngu, là rất ngu. Cậu có thấy ngu không?- Xuân Diệu đột ngột hỏi tôi- Bọn đàn ông chúng mình nói chung là ngu lắm. Đẻ thế, vợ nó yêu con nó, chứ nó yêu đêch gì mình.

Tôi bật cười trước ý nghĩ ngộ nghĩnh đến lạ lùng của Xuân Diệu. Tiếng cười không thể nén được của tôi dần lây sang ông. Ông cũng cười. Nụ cười làm gương mặt Xuân Diệu dịu hẳn lại. Thế rồi đang nói chuyện sinh đẻ kế hoạch, Xuân Diệu đột ngột quay ra Trần Nhuận Minh:

- Này, dạo này Minh viết lên tay đấy, cứ làm lụi mà đi được bền. Ờ, mà cậu ấy mấy con rồi nhỉ?

- Ba đùa chú ạ!

- Ba đùa? - Xuân Diệu bỗng trợn mắt lên. - Thế thì còn làm thơ làm quái gì nữa. Để thế là thành con vẹt rồi.

Nói đoạn, Xuân Diệu lắc đầu, nhắm tịt hai mắt lại, rồi chọc một ngón tay lên giờ. Trên ấy là gia đình Huy Cận. Rồi ông lè lưỡi, rứt cổ, tựa hồ đang phải mang vác một cái gì nặng nề lắm lắm. Lúc ấy trông ông như một diễn viên kịch câm.

Khi Xuân Diệu tiến tới ra cửa, làm ra vẻ tỉnh cờ, tôi mới rụt rè hỏi:

- Bữa trước, cháu có gửi chú mấy trường ca...

- Ờ, có, có. - Xuân Diệu cướp lời, - kia, chú để hết cả trong thùng sắt kia kìa.

Xuân Diệu chỉ vào buồng xép. ở đấy có cái giường đơn, sách vở và đồ đạc linh tinh. Dưới gầm giường là một cái hộp nhỏ, dạng vali trông hao hao như cái tráp đồ lễ của mấy ông thợ cạo nhà quê.

- Đấy, bảo tàng của Khoa đấy nhé!

Xuân Diệu tủm tủm cười. Rồi để khỏi phải nhận xét lằng nhằng về trường ca, cái thứ ông chẳng thấy thú vị gì, ông nói ông quý mến tôi như thế nào. Thư từ, bài vở của tôi gửi ông, ông đều cho hết vào thùng sắt.

Sau này, khi tôi viết thêm trường ca Khúc hát người anh hùng, ông mới chính thức lên tiếng. Trước đó, ông có thư cho tôi: Này, chú Tố Hữu gửi lời chê Khoa đấy nhé. Chú ấy bảo Khoa dạo này oai lắm, Khoa đang múa giáo giữa đường đấy! Rồi Xuân Diệu chân thành phán xét tôi. Sau khi khen vài câu, một số đoạn thơ, câu thơ hàm súc, có phong cách cổ điển, ông chê tôi đã viết bằng sự thông minh, viết khéo quá, kỹ xảo quá, mà thơ thì lại đòi hỏi phải chân chân chân, thật thật thật. Ngôn ngữ và kỹ xảo phát triển vượt bậc, nhưng trường ca thì dường như đã lạc mất đường thơ. Thơ cốt gợi, chứ không phải kể. Tôi đã viết thư cảm ơn ông. Những điều ông nói, tựu trung là chính xác, không ai có thể cãi được. Cố nhiên đó là quy luật chung của thơ, là thơ nói chung. Còn ở một người anh hùng với những trận đánh cụ thể, những kỳ tích cụ thể, cũng khó mà áp dụng được quy luật ấy.

Tôi già từ trường ca, vì không có nhu cầu viết dài nữa. Khi đó trường ca lại rộ lên, lại được mùa lớn. Một loạt trường ca ra đời, thành sự kiện văn học những năm bảy mươi. Nhiều toà báo, nhiều thư viện, tạp chí tổ chức hội thảo về trường ca. Xuân Diệu không tham gia cuộc hội thảo nào. Tôi nghĩ có thể ông không thích trường ca, nên không để ý tới các hoạt động văn hoá rất sôi động ấy. Nhưng thực chất đâu phải. Xuân Diệu theo dõi rất sát các cuộc hội thảo, ông đọc rất kỹ những bài viết về thể loại văn học này. Ông còn tỉ mỉ gạch chân, đánh dấu những chỗ viết không đúng văn phạm của mấy nhà phê bình, nghiên cứu. Tôi mạnh dạn đề nghị:

- Chú Diệu ơi, nếu chú rỗi thì bớt chút thời gian, cho anh em một số ý kiến...

- Về cái gì? - Xuân Diệu hỏi lại. - Về trường ca ấy à? Thế cậu có biết trường ca là cái gì không? Ca ca, tiếng Tây nghĩa là gì, cậu biết không? Ca ca là cút cút! Đây, tôi xin mời các ông trẻ, các ông cứ ca đi, chứ Xuân Diệu không có ca đâu nhé.

- Nhưng chú cũng đã ca rồi đấy chứ. Hội nghị non sông, Ngọn quốc kỳ, Mỹ Châu Trọng Thủy...

Tôi kể tên mấy trường ca của Xuân Diệu. Ông ớ ra một thoáng, rồi ngay lập tức, ông bảo:

- à , cái đó tớ viết bằng hồn. Còn các cậu, các cậu viết bằng gì? Toàn là những sự kiện. Những thông tấn báo chí. Cái đó không phải thơ đâu nhé! Tớ chẳng nghĩ thấy gì cả.

Còn nhớ dạo ông tặng tôi tuyển tập thơ, tôi đọc và quả thật, rất kính phục ông. Khi gặp ông, tôi thú thực:

- Trong này có mấy bài thơ tứ tuyệt, cháu thuộc từ đời nào, đời nào, thuộc thơ, rồi lại quên mất tác giả, lại tưởng thơ Đường, cứ định ninh thơ Đường mới chết chứ!

Xuân Diệu cười, tỏ ra rất tâm đắc. Ông cảm ơn tôi và khen tôi có con mắt xanh. Rồi ông đứng dậy pha cà phê. Thấy ông vui, tôi lại càng chân thật:

- Cháu rất thích tập thơ này. Nhưng không hiểu sao, vẫn cứ tiêng tiếc. Cháu thấy có nhiều bài dở, chú ạ.

- Ô, cái cậu này hay chữa? - Xuân Diệu trợn mắt lên. - Thế cậu tưởng đây là tuyển thơ à? Còn phải sàng sảy chán. Đòi sau, người ta sẽ tuyển lại chứ! Còn bây giờ có cái gì, cứ phải quăng ra đã. Nhà đang cháy thì cái thúng, cái mẹt, cái váy đụp gì thì cũng cứ vứt ra, rồi sau sẽ nhặt nhanh, chọn lọc lại, cái gì dùng được thì giữ, cái gì không dùng được thì vứt đi. Mà thời gian nó sẽ vứt hộ. Nhà cậu đang cháy, mà cậu còn ngồi chọn lọc của nả à?

Tôi im tịt chẳng nói được gì. Đầu óc dường như mù mịt. Đúng thật. Sao mình lại ngu thế nhỉ. Ai lại đi chọn lọc của cải khi mà nhà đang cháy. Mãi đến lúc thoát khỏi cái mê cung của Xuân Diệu rồi, đạp xe đi một quãng xa rồi, tôi mới sực tỉnh, mới chợt nhận ra một điều quá ư là đơn giản: in thơ tập và cháy nhà là hai việc rất khác nhau.

Lại một lần khác nữa, tôi đến thăm Xuân Diệu. Ông đưa tôi đọc bản thảo chép tay mấy bài thơ mới của ông. Ghe lui để lại dấu dằm - Người yêu dấu vắng dấu nằm còn đây. Dựa vào hai câu ca dao Nam Bộ, Xuân Diệu xây dựng cấu tứ bài thơ tình Dấu nằm. Người yêu đã đi xa, dấu nằm còn ở lại. Đáng chân thế nào, nét tay ra sao? Xuân Diệu miêu tả rất đậm thắm. Bài thơ khá xinh xẻo.

- Thơ chú hay lắm, nhưng cái cô gái này rất dở. Không thể mê được.

- Sao, cậu nói sao?

- Cháu nghĩ, con gái phải gọn ghẽ, kín đáo. Con gái mà nằm ngủ tênh hênh ra là hồng rồi. Em gái cháu mà như thế thì mẹ cháu giết. Cái cô gái này đã đi xa rồi, mà còn để nguyên dấu vết của mình bẽ bộn trên giường, thế là cô gái vô ý, là đoảng, chú ạ!

- Cậu chả hiểu gì cả. Yêu nhau rồi, say đắm nhau rồi thì còn gì là đoảng nữa. Đến cái mùi hôi nách của nó cũng thành hương nhài, hương huệ. Lỗ mũi mười tám gánh lông - chồng yêu chồng bảo tơ hồng trời cho. Đấy, lấy nhau rồi mà còn thế, huống hồ nữa là đang yêu. Mà cậu đã yêu chưa?

Xuân Diệu đột ngột hỏi. Tôi lúng túng:

- Dạ, chưa, cháu... chưa...

- Thế thì cậu hiểu làm sao được Xuân Diệu cơ chứ? Bằng tuổi cậu, mình đã yêu nhiều rồi, đã biết Yêu là chết ở trong lòng một ít. Thế mà dạo ấy mình còn chưa hiểu được hết Xuân Diệu kia. Cậu đã bằng được mình dạo ấy đâu, mà cậu đòi hiểu Xuân Diệu. Lại còn cái cậu Trần Đăng Xuyền này nữa chứ, - Xuân Diệu lật tìm tờ Văn Nghệ - Mà cậu Xuyền ở đâu nhỉ? Trường đại học sư phạm à? Làm ông giáo à? Cậu ấy là nhà phê bình mà chẳng hiểu cái quái gì cả. Lại bảo thơ tình của mình cổ, xa lạ với bạn đọc trẻ tuổi nữa chứ. Gớm, mình mong cổ điển còn chẳng được đây. Mà tình yêu thì làm gì có cái chuyện cổ hay không cổ? Giả sử bây giờ chúa Chè bà ấy sống lại, bà ấy mặc cái yếm nhuộm vỏ xó, đi thườn thẹo trước mặt các cậu, liệu các cậu có ngấm

không? Có mê tí đi không? Thế mà lại còn chê người ta cổ!

IV

Xuân Diệu thích nhà phê bình nào nhất? Có lần tôi đã tò mò hỏi ông câu hỏi ấy. Xuân Diệu không trả lời. Ông đắm đắm nhìn tôi như nhìn một thằng dở người. Tôi chờ đợi một lời quở mắng gì đó. Nhưng đột ngột, Xuân Diệu tránh miệng ra, trông như cười. Nhưng lại không phải cười. Ông như chú bé con đang làm xấu. Nhưng ông lại không phải chú bé con, nên trông rất kỳ quái. Thế là tôi cười. Xuân Diệu cũng cười. Câu hỏi thành trò chơi bông phèng vui vẻ. Rồi tôi cũng quên đi. Nhưng Xuân Diệu thì lại nhớ. Một lần tôi vừa đến cửa ông đã hỏi:

- Này, Khoa đã đọc Nguyễn Đăng Mạnh chưa? Anh ấy có con mắt xanh đấy. Cuốn Nhà văn, tư tưởng và phong cách hay lắm. Anh ấy rất có tài, nhưng chỉ có tài phê bình văn xuôi thôi.

Ngừng một lát, Xuân Diệu tiếp:

- Phê bình thơ khó lắm. Nó là cái việc đầu mảy, cuối mắt. Phải có năng khiếu thơ mới phê bình thơ được. Ở ta có rất nhiều nhà phê bình thơ có tài, nhưng lại không viết, nên mọi người không biết đấy thôi. Còn những anh viết, và viết nhiều thì lại điếc đặc, chẳng biết gì. Những cái mũi chỉ có khả năng hít nách vợ lại mang ra ngửi thơ ca. Thế nên mới náo loạn, mới gây nên tình trạng lộn xộn, mà thơ ca thì cứ không ngừng xuống cấp. Cả nước

đua nhau làm thơ thì chết đói rồi. Thế nên mình cứ phải khó tính, cứ phải làm cái con gà mái đứng gác cửa chuồng. Mặc dù làm cái việc lườm nguýt bất lịch sự đó cũng chẳng hay ho gì. Mà nhiều anh nó còn ghét cho nữa. Có cậu còn đe ném cứt vào nhà mình. Nhưng mà mình chẳng sợ. Mình chơi với Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Tú Xương, mình sợ gì cái lũ quỷ hạng ba, chờ năm toa đen không hết ấy. Mà mình cũng chẳng thèm đành hanh nữa đâu. Chỉ vài ba năm nữa thôi, dù chẳng muốn, mình cũng thấy kệ các cậu, mình đi Văn Điển. Thế thì mình còn sợ quái gì!

Xuân Diệu đột nhiên im lặng. Ông nhìn ra khung cửa sổ mở rộng. Ngoài ấy là khu vườn. ánh nắng cuối ngày còn rực lên một lần nữa trong vòm lá sấu xanh mỡ. Gương mặt Xuân Diệu nhuốm một nỗi buồn âm thầm. Ông đưa tay vuốt mái tóc nhuộm đen, nhưng chân tóc lại bạc trắng, cả chân mày cũng bạc, bạc xoá như một nhuộm tàn nhang cháy dở. Chưa bao giờ tôi thấy Xuân Diệu già như lúc này. Điều đó làm tôi ớn lạnh. Giả sử Xuân Diệu ngã xuống thì sao? Tôi thoáng rùng mình.

- Đạo này chú còn hay đi nói chuyện thơ nữa không? - Tôi hỏi cho có chuyện, để xua đi cái ý nghĩ nặng nề đang ám ảnh.

- ít lâu sau, thi thoảng thôi, - Xuân Diệu đáp, - vì mình không còn nhiều thì giờ, phải viết nữa chứ. Mình đã viết xong bài về thơ Huy Cận rồi. Bây giờ nếu chết cũng chết được rồi, không còn có gì phải ân hận nữa. Mình chỉ sợ chết mà không viết xong được cho Huy Cận.

Xuân Diệu mỉm cười. Nụ cười rất mãn nguyện. Bài giới thiệu tuyển tập Huy Cận ông đã viết xong đến dòng cuối cùng. Có lẽ trăm trang chứ chẳng ít.

Tình cảm của Xuân Diệu đối với Huy Cận thật hết dạ, hết lòng. Nhìn Xuân Diệu vui, lòng tôi se lại. Không hiểu sao dạo này, ông hay nói đến cái chết. Có điều gì chẳng?

- Hôm nay, lẽ ra mình đi Hà Bắc nói chuyện. Nhưng mình lại không đi nữa.

- Chú mệt à?

- Không! Mình không đi vì cái cậu đi mời nó ngu quá! Đã mời nhà thơ Xuân Diệu rồi, lại mời hai nhà thơ trẻ nữa. Thế ra gà tức nhau tiếng gáy à mà phải tranh nhau gáy.

- Họ không biết, chú ạ. Có khi họ chỉ nghĩ đơn giản...

- Không biết thì phải học chứ. Lịch sử cũng cần phải học. ở các nước văn minh, không bao giờ người ta để những nhà thơ lớn xếp lộn tùng phèo với các nhà thơ hạng ba. Chỉ ở mình mới có sự lộn xộn như thế. Thơ tứ, nó còn xếp nhuận bút ở thang loại B, loại C nữa kia...

Rồi Xuân Diệu nhếch mép cười, thoáng một nét gì chua chát:

- ở nước mình, người ta thường cố gắng làm chết những người đang sống và ra sức cứu sống những kẻ đã chết. Rồi đấy, cậu xem, sau khi Xuân Diệu chết rồi, họ sẽ lôi cả chổi cùn, rế rách của Xuân Diệu ra mà tung hô. Cái dở của tứ nó cũng khen um lên. Những bài hạng C rồi sẽ thành A hết! -Ông bỗng khịt mũi, - Không khéo đến cả cứt của tứ nó cũng bảo là vàng.

Xuân Diệu mời tôi ăn cơm với ông, nhưng tôi từ chối, với lý do là đã trót hẹn với một người bạn rồi. Thực ra chẳng có người bạn nào chờ tôi chiều ấy cả. Sau này tôi cứ ân hận mãi, sao hôm ấy mình không ở lại ăn bữa cơm đạm bạc với Xuân Diệu.

- Thế thì cứ ở chơi thêm chút nữa đã. Mình có thơ mới đây. Lâu rồi, Khoa không lại chơi.

- Cháu qua luôn đấy, nhưng chú đi vắng. - Tôi khẽ chống chế.

- Mình đi vắng thì Khoa phải để giấy lại chứ. Không thế sao mình biết được là Khoa đến chơi.

Xuân Diệu đưa bản thảo cho tôi đọc, rồi ông đứng dậy làm cơm. Ông đặt cái bếp điện có dây mayso lên bệ tường, rồi bóp cơm nguội để rang lại. Bàn tay Xuân Diệu to, cái xoong lại bé tí, nên ông làm có vẻ chật vật. Đang bữa chiều, các gia đình thôi cơm, điện sứt thế. Cái bếp bắt bụi, chỉ khẽ phả ra một thoáng khói mỏng, mãi không đỏ lên được. Xuân Diệu lụi cùi cho mỡ vào chảo. Trong tâm trí tôi bỗng văng lên những câu thơ thân thuộc của ông Em ngồi riu rít ở sau xe - Đời vui khi được có em kề - Anh đợi em về ăn cơm - Em bóc anh múi cam - Em chăm anh miếng nước - Em có tài nấu nướng - Anh có tài ngợi khen. Người con gái ấy là ai? Và cái cảnh đầm ấm, riu rít ấy ở đâu? ở trong đời hay ở cõi mộng? Trước đây tôi thấy có một người vẫn nấu cơm cho Xuân Diệu. Đó là một bà cụ già, người nhỏ thó, gương mặt nhăn nheo mà Xuân Diệu vẫn gọi là u già. Bà cụ cứ một điều bác Diệu, hai điều bác Diệu. Cậu giáo đến thăm bác Diệu à? Bác ấy ở trên nhà đấy. Cứ để xe đó, tôi trông cho. Không hiểu sao, bà cụ cứ gọi tôi là cậu

giáo. Bác Diệu ơi, vườn rụng nhiều lá quá. Mai tôi quét đụn nhé? , Vâng, u quét đi! Thế cũng đỡ cho bác hai hào than đấy! Lâu nay tôi không thấy bà cụ đâu nữa. Cũng có thể bà cụ về quê, vì đã quá già, không nấu được cơm cho Xuân Diệu nữa. Cũng có thể, bà cụ đã mất rồi. Xuân Diệu không nói, mà tôi cũng không hỏi.

V

Tôi không hiểu nhiều lắm về đời tư Xuân Diệu, cũng không biết ở các lĩnh vực khác, ở những mối quan hệ khác, Xuân Diệu là người như thế nào. Còn đối với văn chương, ở riêng địa hạt văn chương thì Xuân Diệu quả thực có biệt tài. Đặc biệt là tài thâm thơ. Có khi ông chỉ chữa giúp tôi một chữ mà bài thơ biến đổi cả thần thái. Ví như bài Đêm Côn Sơn. Nhiều người nhắc đến câu thơ Ngoài thềm rơi cái lá đa - Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng. Xuân Diệu cũng khen hai câu thơ này. Ông cho là tôi nghe tinh, có giác quan tinh tế. Nhưng thực ra khi viết, tôi đâu có nghe, mà cũng chẳng nghĩ ngợi nhiều. Tôi chỉ muốn lấy cái động của lá rụng để diễn tả cái tĩnh của ngôi chùa, và tôi bịa ra cái lá đa rụng. Thực tế, Côn Sơn không có đa. Sân chùa chỉ có mấy cây đại, cây ngâu, và xa hơn nữa là đồi thông, là rừng bạch đàn. Nhưng phải có cây đa thì mới ra cái chùa Con vua thì lại làm vua - Con sãi ở chùa lại quét lá đa . Rồi tôi viết:

Mờ mờ ông bọt ngời nghiêm

Sợ gì, ông vẫn ngồi yên lưng đèn.

Sợ gì là tôi tự nói với mình, trong đêm đừng sợ ông Bụt, ông vẫn chỉ ngồi yên thế thôi. Nhưng đến Xuân Diệu, ông chữa thành:

Mờ mờ ông Bụt ngồi nghiêm

Nghĩ gì, ông vẫn ngồi yên lưng đèn...

Xuân Diệu chỉ thay một chữ nghĩ, ông Bụt đã hoá thành cơ thể sống, đã thành sự sống.

Xuân Diệu tinh tường như vậy đấy. Còn trong lĩnh vực sáng tác, Xuân Diệu đã hoàn thành xuất sắc sự nghiệp thơ ca của mình từ khi ông mới 24 tuổi: cho ra đời hai tập Thơ thơ và Gửi hương cho gió. Đây là thời kỳ rực rỡ nhất trong đời thơ Xuân Diệu. Thơ ông tài hoa, tinh tế và sang trọng. Sau này Xuân Diệu vẫn tiếp tục làm thơ, đều đặn và cần mẫn: Cúc ta cúc tác - Đẻ trứng này rồi, tôi còn trứng khác. Và cũng như con gà công nghiệp ấy, Xuân Diệu đẻ liên tục, sòn sòn hết lứa này đến lứa khác. Trung bình cứ một, hai năm ông lại cho ra đời một tập thơ đề huề, vạm vỡ. Nhưng đấy vẫn là sản phẩm phụ, là phần ông làm thêm, cho ta một Xuân Diệu sung sức, một Xuân Diệu phong phú, đa dạng, tung hoành trên nhiều đề tài. Tôi rất thán phục hai câu thơ kiệt xuất được viết sau Cách mạng của ông:

Trái đất ba phần tư nước mắt

Đi như giọt lệ giữa không trung...

Theo tôi, đây là hai câu thơ hay trong kho tàng thi ca nhân loại. Hay ở sự giản dị, ở tầm lớn, ở sức khái quát rất cao, ở cả cái tài nghệ đưa thực tế vào thơ nữa. Xuân Diệu có những thời vàng ròng quý giá như vậy vút lặn vút lóc ở những xó xinh nhá nhem trong cái kho châu báu của ông. Tuy thế, tôi trộm nghĩ, sự đóng góp lớn lao của Xuân Diệu sau Cách mạng vẫn không phải là thơ ca, mặc dù thơ ông vẫn hay, cũng không phải ở mảng dịch thuật, mặc dù mảng dịch thơ, giới thiệu thơ này cũng đã đủ thành một sự nghiệp mà nhiều người không dám mơ tưởng. Tài năng Xuân Diệu sau thời Thơ thơ, Gửi hương cho gió, một lần nữa lại rực chói ở lĩnh vực phê bình, nghiên cứu thơ ca. Nói như Chế Lan Viên, một mình Xuân Diệu làm việc bằng cả một viện hàn lâm văn học. ở đó, ông vừa là viện trưởng vừa là anh loong toong. Xuân Diệu đã viết hầu hết các danh nhân văn học Việt Nam. Viết hay đến mức không ai có thể sánh được. Mặc dù trước Xuân Diệu chúng ta đã có Hoài Thanh, nhà phê bình thiên tài ở thời Thơ mới. Trong khi có những nhà nghiên cứu viết hàng tập chuyên luận dày hàng trăm trang về một tác giả nào đó mà vẫn lù mù, vẫn mờ mờ nhòe nhòe như người đi đêm, thì Hoài Thanh chỉ lấy vài chữ, thậm chí chẳng cần trích một câu thơ nào, mà vẫn thể hiện hết thần thái, hồn vía của thi sĩ đó. Nếu Hoài Thanh có biệt tài tiên cảm văn chương, thì Xuân Diệu lại rất giỏi đi vào kỹ xảo, đi vào thực tiễn cụ thể của bếp núc nhà nghề. Hai tập Nhà thơ cổ điển của ông, cùng với Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh, là hai bộ sách quý, và đối với tôi, đó còn là bảo bối, là sách học nghề...

Tháng 8-1993

(*) Xuất sắc: một từ riêng Xuân Diệu dùng để chỉ mức độ đánh giá cao hơn xuất sắc.

Trần Đăng Khoa

Chân Dung và đối thoại

Bài 3

Lưu Trọng Lư Với Bài THƠ TIẾNG THU

Lưu Trọng Lư là nhà thơ tiên phong của phong trào Thơ mới. Nhận định về nghệ thuật thơ ông, nhà phê bình thiên tài Hoài Thanh đã có những nhận xét thật chuẩn xác: Tôi biết có kẻ trách Lư cầu thả, lười biếng, không biết chọn chữ, không chịu khó gọt giũa câu thơ. Nhưng Lư có làm thơ đâu Lư chỉ để lòng mình tràn lan trên mặt giấy.

Nhận định này dường như đã thành nỗi ám ảnh, và rồi suốt đời, Lưu Trọng Lư cứ loạng choạng, cứ bập bôm bước trong cái vòng kim cô mà Hoài Thanh đã tiên đoán và vạch ra ngay từ khi ông mới xuất hiện trên thi đàn,

Còn về con người Lưu Trọng Lư, thiết tưởng cũng chẳng có ai hiểu ông hơn Hoài Thanh: Cả đời Lư cũng là một bài thơ, nếu quả như người ta vẫn nói, thi sĩ là một kẻ ngơ ngơ ngác ngác, chân bước chập chững trên đường đời thì có lẽ Lư thi sĩ hơn ai hết.

Quả đúng vậy, và nếu chọn một bài thơ thơ nhất của Việt Nam, nghĩa là ngoài thơ ra, nó không có gì bầu vú, thì đó chính là Tiếng thu. Đây là bài hay nhất trong đời thơ Lưu Trọng Lư, cũng là bài thơ thơ nhất của thi ca Việt Nam hiện đại:

Em không nghe mùa thu

Dưới trăng mờ thỏn thức?

Em không nghe rạo rức

Hình ảnh kẻ chinh phu

Trong lòng người cô phụ

Em không nghe rừng thu

Lá thu kêu xào xạc

Con nai vàng ngơ ngác,

Đạp trên lá vàng khô...

Bài thơ vẹn vẹn có 9 câu, chia làm ba đoạn, mỗi đoạn lại so le, các ý trong bài thơ rời rạc, khắp khênh, chẳng ý nào ăn nhập với ý nào. Nếu cứ theo cách hiểu máy móc của những nhà phê bình quen thói bắt bẻ, cứ đề thơ ra mà tìm tư tưởng, tìm ý nghĩa thì đây là bài thơ Đầu Ngô mình Sở. Đã thế,

tác giả còn tỏ ra vụng về, tỳ vết của sự thô vụng ấy nằm trong hai câu chẳng thơ tí nào, nó như câu văn xuôi bình giảng văn học của học sinh phổ thông:

Hình ảnh kẻ chinh phu

Trong lòng người cô phụ

ấy vậy mà khi gộp tất cả lại, nằm trong một tổng thể, bài thơ hay đến, lạ lùng, người ta không còn thấy dấu vết thô vụng đâu nữa. Đây là điều duy nhất xảy ra ở văn học Việt Nam và chỉ xảy ra có một lần. Cái hay của bài thơ này không nằm ở câu chữ. Nó hoàn toàn siêu thoát, là cái hồn phẳng phất đâu đó đằng sau những con chữ rất sáng tỏ mà lại vời vời mông lung kia. Người ta chỉ cảm thấy được, chứ không thể nói ra được một cách rạch ròi. Đây là bức tranh thiên nhiên được vẽ bằng hồn, bằng cả điệu nhạc rất riêng của tâm hồn thi sĩ. Bởi thế, người đọc cũng phải dùng hồn để chiêm ngưỡng nó, chứ không thể ngắm nó bằng lý trí tinh táo. Đã không ít nhà phê bình nghiên cứu mang lý trí ra để làm con dao cùn mổ xẻ những con chữ rất ngơ ngác này. Có người còn viện đến cả thi pháp học để cố hiểu cho bằng được bài thơ, lấy thi pháp làm chìa khoá mở cánh cửa thực dụng, đi vào cõi mù mờ tâm linh này. Bằng cách vận dụng thi pháp, có người cho đây là bài thơ nói về nỗi cô đơn không có sự chia sẻ. Không phải ngẫu nhiên bài thơ có 9 câu mà đã có đến ba câu điệp Em không nghe:

Em không nghe mùa thu

Em không nghe rạo rục

Em không nghe rừng thu...

Em không nghe, còn anh thì nghe thấy hết. Nghe thấy hết mà không nói ra được. Đây là cuộc đối thoại mà kẻ đối thoại lại ẩn sau sự câm lặng. Hoặc giả em cũng đã nghe thấy, nhưng anh vẫn hỏi như vậy, nghĩa là anh không hiểu em. Đẳng nào thì cũng vẫn cứ là thiếu niềm đồng cảm. Một bên thì thôn thức, rạo rục, kêu xào xạc, một bên thì không nghe, không nghe, không nghe, cả con nai ngơ ngác, đập trên lá vàng khô, nghĩa là nó cũng không nghe nổi. Hiểu một cách sống sít như thế thì thật thô thiển. Nhà phê bình đã kéo những đám mây ngũ sắc đang bay bâng lảng trong không trung, rồi rải xuống đường làm rom rạ lót chân, và như thế còn đâu cánh rừng thu, tâm hồn thu cho con nai vàng trú ngụ. Một câu điệp khúc ấy thực chất chỉ để tạo giai điệu rất đặc biệt cho bài thơ này. ở đây, nhạc điệu cũng là một phần nội dung chính làm nên hồn vía bài thơ. Còn ở góc độ khác, cũng nhìn bằng con mắt lý trí, có người còn cho rằng đây là bài thơ Lưu Trọng Lư thâm cớ của nước ngoài. Thực tế trong bếp núc sáng tác, có thể có sự trùng hợp ngẫu nhiên. Người bình luận còn viện cớ rằng: Thực tế Việt Nam làm gì có khu rừng vàng. Đây là rừng châu âu. Rừng Việt Nam là rừng luôm nhuôm. Mùa thu Việt Nam đúng như Nguyễn Du mô tả trong Kiều: Rừng thu rừng biếc chen hồng? Và con nai Việt Nam cũng nhanh nhẹn lắm, tinh ranh lắm, nó đâu có ngơ ngác? Ờ hay, Lưu Trọng Lư có nhìn thiên nhiên bằng con mắt thịt đâu! Lại phải mời Hoài Thanh về làm luật sư bào chữa cho ông thôi: Trong thơ Lư, nếu có cả chim kêu, hoa nở, ta cũng chớ tin. Hay ta hãy tin rằng tiếng ấy, màu kia chỉ có ở trong mộng. Mộng! Đó mới là quê hương của Lư. Thế giới thực của ta với bao nhiêu thanh sắc huy hoàng. Lư không

nghe thấy gì đâu. Sống ở thế kỷ 20, ngày ngày nện gót trên các con đường Hà Nội mà người cứ mơ màng thấy mình gò ngựa ở những chốn xa xăm nào

Tương truyền khi viết bài thơ này, Lưu Trọng Lư đến thăm nhà một người bạn. Rồi nhân cơ hội thấy cái bình gốm cổ có vẽ con nai đứng giữa núi non. Lưu Trọng Lư bèn vịnh ngay bài thơ này. Thực chất, nếu chuyện đó là thật, thì con nai trên bình gốm chỉ là cái cớ rất nhỏ, là tiếng động rất nhỏ đánh thức con nai vàng và khu rừng vàng trong tâm hồn Lưu Trọng Lư thức dậy và tỏa hương. Nhờ thế, thi ca Việt Nam đã có một kiệt tác thật hiếm có, ngỡ như đó là khúc nhạc huyền bí của thần linh, chứ quyết không phải là tiếng ca phàm tục của người đời...

Trần Đăng Khoa

Chân Dung và đối thoại

Bài 4

Phù Thăng

I

Lần đầu tiên, tôi được biết Phù Thăng. ấy là khi ngồi chuyện phiếm với Xuân Thiều Lâu rồi. Dễ đã hai chục năm có lẽ. Chiều ấy, không biết Xuân Thiều tới tìm ai đó, rồi tình cờ, tạt qua phòng tôi. Thế rồi, bên chén trà đã nhạt, có ai đó bàn đến truyện mini, một dạng truyện độc đáo Độc đáo bởi nó ngắn. Cực ngắn. Có truyện chỉ vài trăm chữ, thậm chí vài chục chữ, mà vẫn chuyển tải được tới bạn đọc một vấn đề lớn. Chỉ một dúm chữ, nhưng truyện vẫn có hồn, có cốt, có cả nhân vật. Nói tóm lại, nó vẫn là cái truyện nghiêm chỉnh, chứ không phải một dạng tiểu phẩm, có tráng qua chút văn chương. Nghĩa là đọc nó, người ta vẫn thấy tự nhiên, thoải mái, không có cái cảm giác bức bối, ngọt ngọt như bị vo nén lại, rồi nhét vào trong một cái ống xe điếu!

Rồi để chứng minh cho cái lý luận mini ấy, Xuân Thiều rủ rỉ kể cho tôi nghe một truyện của Phù Thăng. Cái truyện có tên là Hạt thóc. Cứ theo lời Xuân Thiều thì truyện ngắn lắm, chỉ vắn vắn có một vốc chữ, đem tải ra cũng không kín một trang vở học trò. Chuyện kể về một gã tâm thần. Gã từng là

nhà văn, từng lâu lâu tiếng Pháp. Thế rồi chẳng biết do ngộ chữ thế nào đó, gã đâm ra lẩn thẩn. Gã cứ nghĩ mình là hạt thóc bé bỏng tội nghiệp. Và vì thế, cứ trông thấy gà què ở đâu là gã co cẳng chạy.

Thật tội nghiệp cho gã! Thà gã cứ nghĩ mình là một cục cứt để rồi mà sợ chó, thì đời gã chẳng đến nỗi khổ như vậy. Chó đang thừa vắng đàn. ở làng quê bây giờ, có bói cũng chẳng tìm thấy bóng dáng một chú chó nhỏ. Để phòng bệnh dại, người ta đã triệt chó. Trên vùng núi cao, ở những bản xa mù, thỉnh thoảng lắm mới có tiếng chó sủa eo óc, nghe như tiếng ếch kêu. Mà cũng chẳng biết có phải đấy là tiếng chó sủa thật không, hay chỉ là chút ký ức vẩn lên trong tâm trí người bộ hành mệt mỏi, thấp thỏm bước trên những con đường rừng khuya khoắt, mong có chỗ dừng chân, muốn gặp một bản làng, mà rồi nghĩ ra vậy. Chỉ ở Hà Nội mới có chó. Rất nhiều chó. Chó ngào ngạt suốt một rẻo đê Nhật Tân. Nhưng đó lại là những con chó hoà bình, chẳng có gì phải sợ. Khốn nỗi gã lại là hạt thóc. Một hạt thóc bé nhỏ nên mới sợ gà. Mà gà thì ở đâu chẳng có. Chúng sinh sôi nảy nở đàn đàn lũ lũ ở các nông trường, các trại gà công nghiệp, các làng quê xóm bản. Đến cả những phố phường sầm uất, sang trọng, ồn ào người xa gần cũng có thể bất thần nghe thấy tiếng gà gáy te te ngay trên ban-công, ở những biệt thự cao tầng chìm lấp sau những giàn hoa giấy khuê các. Bởi vậy tính mạng gã luôn bị đe dọa.

May sao, có một người hiểu được nỗi bất hạnh ấy của gã. đó là ông bác sĩ tâm thần. Ông niềm nở đón gã vào viện. Bệnh viện của ông cũng lạ. Nó chẳng giống những bệnh viện tâm thần mà ta thường thấy. Nhìn khắp bốn phía chẳng có tường ngăn, rào chắn. Ngày đêm cửa mở thông thoáng. Bệnh nhân không ai bị trói giữ, giam nhốt. Đến nỗi chính gã cũng chẳng biết mình

mang bệnh và đang ở trong một bệnh viện tâm thần. Gã hoàn toàn tự do, có thể tha thân đi hái thuốc cùng mấy cô y tá trẻ đẹp, có thể suốt ngày ngồi đàm đạo văn chương với mấy ông bác sĩ. Đôi lúc cao hứng, gã còn mang những bài thơ gã viết bằng tiếng Pháp đọc cho bác sĩ nghe. Rồi ông bác sĩ cũng lại mang những bài thơ viết từ thời đang còn là sinh viên Trường Y ra đọc, nhờ gã góp ý, sửa chữa. Nói gì thì nói, chứ cái khoản văn chương thơ phú này, em cứ phải tôn ông anh là bậc đại sư phụ. Thế thì ai dám bảo gã là hạt thóc. Chỉ được cái bỏ láo!

Cứ thế, gã được kính trọng, được cư xử thân ái như cư xử với một con người. Và bằng tấm lòng nhân ái ấy, ông bác sĩ tài ba đã cứu được gã, đã đưa gã từ cõi mộng mị hoang tưởng về nơi xứ người. Ông anh làm nghề gì? Tớ là nhà văn. Cóc phải! Người ta bảo ông anh là hạt thóc! Bậy! Tớ là con người. Cậu nói gì mà lạ thế? Tớ là người!

Gã tròn mắt kinh ngạc thật sự. Còn bác sĩ thì tủm tỉm cười, gương mặt thật rạng rỡ. Sau đó ít ngày, gã ra viện. Cuộc chia tay thật bịn rịn. Rồi gã thung thăng ra về. Nhưng thật oái oăm, chính lúc ấy, cái lúc gã đang ung dung bước như một con người ấy, thì ở xóm ven đê, lại vút lên tiếng gà gáy. Thế là gã lại co cẳng chạy. Gã chạy tắt tưởi, chạy cuống quýt, lao bừa vào bụi rậm, vào các xó xinh khuất lấp để lẩn trốn. Bác sĩ há mồm kinh ngạc. Ông không hiểu sao căn bệnh tái phát nhanh đến thế. Khó nhọc lắm, bác sĩ mới lôi được gã lấy bấy từ sau bờ thóc rạ. Ông anh làm sao thế hả? Con gà... con gà... gã lú lười lại. Ông anh có phải là hạt thóc không? Bậy! Tôi không phải là hạt thóc. Tôi là người. Là con người! Thế sao thấy gà anh lại chạy. Khổ! Cậu thấy đấy. Tôi không phải hạt thóc. Nhưng con gà, vâng, chính là con gà ấy, nó vẫn cứ tưởng tôi là hạt thóc thì sao

II

Truyện vẹn vẹn có thể, lại qua lời kể bỗm bẫm khói thuốc của Xuân Thiều, chưa phải nguyên bản, vậy mà nó vẫn ám ảnh tôi suốt một thời gian dài. Cái truyện này, nghe nói Phù Thăng viết khi ông đã rời bỏ Hà Nội trở về quê, làm một thợ cày. Trước đó, ông từng là tác giả kịch bản của nhiều bộ phim truyện nổi tiếng: Nguyễn Văn Trỗi, Quê nhà, Biển lửa, Tiếng gọi phía trước... Có phim từng đoạt giải vàng, giải bạc của liên hoan phim quốc tế, tổ chức tại Matxcova. Tất nhiên, đây là phim truyện Việt Nam những năm sáu mươi, bảy mươi. Giá trị nghệ thuật của nó đến đâu, bây giờ ta cũng có thể xác định được rồi. Trước khi đến với điện ảnh, Phù Thăng đã là nhà văn. Truyện Con những người du kích đã đưa ông đến vị trí của một ngòi bút được bạn đọc yêu mến, tin cậy. So với nhiều nhà văn cùng lứa, Phù Thăng được tạo hóa ưu ái ban cho một văn tài. Văn tài ấy bộc lộ ở những con chữ tài hoa, hàm chứa những hiểu biết sâu sắc.

Sau tập truyện vừa Trận địa mới, truyện Phá vây ra đời. Đó là cuốn tiểu thuyết dày 500 trang viết trực tiếp về cuộc chiến tranh ở vùng đồng bằng Bắc Bộ thời kỳ đầu kháng Pháp. Một tiểu đoàn trinh sát mở một trận đánh nghi binh, thu hút lực lượng địch về phía mình, giải vây cho đồng đội. Và rồi, bằng trí tuệ và lòng dũng cảm của mình, những người lính của tiểu đoàn trinh sát đã phá được vòng vây, không phải chỉ vòng vây địch, mà cả những vòng vây vô hình nhưng không kém phần nguy hiểm, đang giăng mắc ở ngay trong ta, ấy là những định kiến, những quan niệm hẹp hòi, ấu trĩ, trói

buộc con người, cản trở sự tiến triển của cách mạng, của văn hoá và văn minh. đây là cuốn sách ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Một chủ đề phổ biến trong văn học ta những năm sáu mươi. Tập sách sẽ là con thuyền êm chèo mát mái, nếu không có vài dòng Phù Thăng luận về chiến tranh. Trong ý nghĩ của ông lúc bấy giờ, chiến tranh dù nhìn ở góc độ nào cũng không phải là điều tốt đẹp. Bởi nó cuốn theo bao nhiêu xương máu của những người dân vô tội. Đây là một vấn đề lớn có tính thời đại sâu sắc mà ông lại trình bày một cách giản đơn như thế và ở thời điểm ấy, nó đã hóa sóng gió đánh vào đời ông. Trận sóng này còn phủ lên cả những trang văn bình dị khác, như cái đoạn ông khắc họa vị tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn trinh sát. Anh đi kiểm tra trận địa nghi binh về, thấy lính ngã nghiêng nằm ngủ dưới trăng. Ngày mai là trận đánh lớn. Những người lính này sẽ tự nguyện làm mồi nhử địch, thu hút hỏa lực địch. Cậu lính nào cũng trẻ đẹp và khoẻ mạnh. Những sức trai như thế kia vào trận mà chết thì uổng quá. Trước mắt anh, họ đều là thợ cày. Nếu không có chiến tranh, những sức vóc ấy mà cho đi phạt bờ, cuốc góc thì sướng biết mấy!

Những ý tưởng đó bây giờ cho là hết sức bình thường, nhưng ở thời điểm ra đời của nó lại khó được chấp nhận. Điều đó cũng dễ hiểu Phù Thăng giải trình với bạn bè: Thực tâm tôi nghĩ thế thì tôi viết ra một cách trung thực thế. Nếu các anh cảm thấy không được thì thôi, không in nữa. Nếu trót in rồi thì không phát hành nữa, chứ bây giờ bảo tôi chữa khác đi, thì thú thực, tôi chẳng biết chữa thế nào. Trận sóng Phá vây ấy, đã hất tung Phù Thăng về với đồng ruộng, quê nhà. Phù Thăng lại thấy có cái gì đó vui vui. Ông tâm sự với một nhà văn trẻ: Minh thế là rất được ưu ái đấy. Các anh ấy còn thương, cho làm quan tại gia. Lương tháng vẫn nhận đều đều ở xưởng phim, chẳng bị chiết khấu đồng nào. Bây giờ thì bình thường, chứ cứ như ngày trước, được

làm quan tại gia là sướng và oai lắm đấy! Và rồi từ đó ông quan tại gia cứ sáng sáng vắt vẻo cái que tre buộc toòng teng mấy rảnh lá chuối khô, lùa vẹt ra đồng. Dưới cái gậy chỉ huy của ông, hàng trăm tên lính xung kích sẵn sàng xông trận. Chỉ khẽ vẩy tay là cái đạo quân ấy rùng rùng chuyển động, nom tếu như một cái chăn khổng lồ bị giời xé. Khi đoàn quân ấy đã chiếm lĩnh trận địa rồi, ông mới lui cùi phạt bờ cuộc góc. Trông chẳng ai biết đấy là một ông quan. Rồi cứ vài ba tháng một lần, ông lại về Hà Nội nhận lương, cho đến khi ông trao chìa khoá, trao căn phòng mình ở Hà Nội cho anh em trong cơ quan, rồi nhận sổ hưu, về làng hẳn. Từ đó đến nay, ông không trở lại Hà Nội nữa. Cũng không thấy ông tiếp xúc giao du với giới văn chương. Và làng Tất Lại, xã Cộng Lạc, quê ông, từ đó có thêm một ông thợ cày cần mẫn. Ngày nào ông cũng đánh trâu ra đồng, kể cả những hôm giá ngắt, nước ruộng trong leo lẻo, cá mại cò chết rét, nổi phèn lên, dạt cả vào vệ cỏ, ông vẫn cày quần quật từ sáng đến tối mịt. Có hôm bị huyết áp, ông ngã vật xuống ruộng cày Lũ trẻ chăn trâu đã khiêng ông về nhà.

Cứ tưởng lần ấy, ông đi hẳn. Ai ngờ ba ngày sau đã thấy ông vắt, diệc trên cánh đồng rồi! Một mình ông nhận đến bảy sào ruộng khoán.

- Sao bác nhận lắm ruộng thế? Có phải mượn người làm không? - Một phóng viên báo tỉnh hỏi ông.

- Việc gì phải mượn. - Ông cười móm mém. - Mình vốn là thợ cày mà. Phải làm thôi! Mượn người biết lấy gì ra mà trả cho họ. Mấy chục đồng lương thiếu ứ hưu của mình, ông tính sống sao nổi ở thời kinh tế thị trường này. Mình còn kéo theo ba cái rờ moóc nữa. Tháng trước, cô con gái út làm ở đài truyền thanh huyện lại về xin bố tiền. ở quê, nhiều thứ phải chi tiêu lắm. Tất

cả chỉ còn biết trông vào hạt thóc thôi.

Phù Thăng làm quần quật như một nông dân. Chẳng ai biết ông là một nhà văn hào hoa, phong nhã một thời Bà bán nước chè xanh ở quán nước đầu xã Cộng Lạc, vốn là một giáo viên văn nghỉ hưu tỏ ra rất am tường: Các bác muốn tìm ông Thăng mà hỏi nhà văn Phù Thăng thì chẳng ai biết đâu. Cứ hỏi ông Thăng có con trâu sút tai, hoặc gọi tắt là ông Thăng Sút thì cả làng này, từ già tới trẻ, ai cũng biết. Mà kể cũng lạ. - Bà chếp miệng, - Ông lão người cứ quắt như gốc sắn khô, mà trị được con trâu to vật. Con trâu ấy dữ lắm, trẻ con đứa nào cũng hãi. Chúng còn gọi là con điên hay con điên sút. Con điên sút ấy đã cho mấy ông thợ cày thùng bụng rồi đấy. Vậy mà nó lại chịu ông Thăng. ở làng này chỉ có ông Thăng mới cày được nó, cũng chỉ có ông Thăng mới cưỡi được nó.

Vậy đó. Con điên. Con điên sút. Những biệt hiệu đầu gấu sặc mùi dao búa của con trâu ương ngạnh, ai ngờ lại là đặc điểm, là chứng chỉ để người ta nhận diện một nhà văn hào hoa, phong nhã. Người ta còn gắn cả cái tai sút của con trâu cho ông, đủ biết ông là một lực điền như thế nào rồi. Thực tình Phù Thăng đâu đã bỏ văn, để rồi phải núp sau cái tai sút của con trâu điên khùng. Ông vẫn viết cần mẫn. Ngày cày ruộng quần quật, đêm lại chong ngọn đèn dầu, cặm cụi cày trên cánh đồng giấy trắng rợn, trắng đến sồn cả da gà. Bà vợ hơn ông hai tuổi lại rên rảm: Thôi! Tôi lạy ông! Đừng viết nữa. Khổ thế này còn chưa đủ sao. Nhất nhỡ lại sa sẩy nữa thì sống sao nổi. Ông già rồi.

Nhưng Phù Thăng làm sao bỏ viết được. Cái nghiệp văn chương nó thế. Không phải ông chọn văn chương mà chính văn chương đã chọn ông để dày

đọa để hành hạ ông trong cõi người này. Bây giờ thì nó đã thành máu thịt của ông, đã thành số phận của ông rồi. Bỏ cây bút, ông còn biết tựa vào đâu. Ông biết lấy sức lực nào để cày hết bảy sào ruộng khoán? Sức mạnh bí hiểm ấy, bà không thể biết được. Đối với một nhà văn, khi không còn sức sáng tạo nữa thì nhà văn ấy thực sự đã chết rồi. Chính niềm vui của sự sáng tạo văn chương đã giúp Phù Thăng vượt qua cái chết trên đồng làng và cả trên bàn mổ. Phù Thăng đã ba lần bước lên bàn mổ với các vết thương từ thời kháng Pháp. Ông vốn là thương binh. Chính các bác sĩ cũng không hiểu tại sao một ông lão gầy guộc, dường như chỉ có đôi mắt là còn sức sống, lại có sức lực dẻo dai đến thế. Và rồi đêm đêm những trang văn vẫn ra đời. Chồng bản thảo mỗi ngày một dày thêm. Phù Thăng gói bản thảo thành từng bó, quấn giấy xi-măng, rồi cho vào chum ủ lá xoan tươi. Đây là cách phòng chống mối mọt của những nông dân nghèo thời trung cổ. Trong căn buồng ảm thấp, tối sẫm, lúc nào cũng vo ve tiếng muỗi, ngoài chum thóc, chum sắn, còn có cả một chum văn nữa. Vậy mà cho đến nay, Phù Thăng vẫn đứng bên ngoài dòng văn học. Cả một đời cặm cụi viết, làm lũi đi, đến lúc tuổi đã già, dụi mắt nhìn lại, thấy con đường văn ngồn ngang những cột mốc với những tên tuổi khác. Lục khắp cũng chẳng bói đâu ra một chút dấu ấn của đời mình.

III

Có lẽ vì thế, người đọc bây giờ, nhất là các bạn trẻ, không biết Phù Thăng, thiết tưởng cũng dễ hiểu. Trong số hơn sáu trăm hội viên Hội nhà văn, nhiều người được kết nạp đã lâu mà đến nay, tên tuổi vẫn lạ hoắc, đến nỗi ngay cả những người trong nghề cũng thấy lù mù, chẳng biết họ viết văn hay làm

thơ, hay là nhà phê bình lý luận. Trong màn sương mù ấy cũng chẳng thấy cái bóng mờ mờ nhân ảnh của Phù Thăng. Còn trên quầy sách thì thật rôm rả. Ríu rít bao màu sắc. Mới có, cũ cũng có. Vẫn chẳng thấy dáng dấp Phù Thăng. Những năm gần đây, sách ra rất rộng rãi. Nhiều tác giả Nhân văn Giai phẩm xưa từng có lúc thiệt thòi, giờ cũng được bù lại. Tuy nhiên, sự ưu ái ấy cũng vẫn chưa phải đã là một may mắn. Bởi nhiều hình bóng chỉ có sức sống mãnh liệt ở xứ sương mù. Sương tan thì bóng hình cũng theo sương mà tan nốt. Nói một cách văn vẻ như một nhà thơ trẻ, thì đây là những con rồng trong mây, lúc ẩn, lúc hiện, khi phô khúc đen, khi xoè khúc trắng, nom thật ngoạn mục, thật kỳ vĩ. Nhưng đến lúc bày ra giấy rồi mới hay nó chỉ là những con chạch chấu gầy gò teo tóp. Giá không được may mắn ấy, có khi lại may mắn hơn, bởi trong tâm trí người đọc, biết đâu người ta vẫn nghĩ anh là một con rồng, có khi còn hơn cả con rồng. Phù Thăng cũng lại nằm ngoài sự may rủi ấy. Biết đâu, đây lại chẳng là một điều hay cho ông. Mãi gần đây, tôi mới có dịp được gặp ông.

Đó là dạo Quân khu Ba kỷ niệm lần thứ 50 ngày sinh của mình. Cục chính trị cho mời toàn thể anh em văn nghệ sĩ của Quân khu về Hải Phòng gặp mặt. Chúng tôi vừa tới Cục chính trị thì cô tiếp viên nhà khách đã đơn đả: Các bác lên đi. Trên đó nhiều phòng lắm... Anh em đến đủ chưa? Lê Lựu hỏi lập bập. Trên đó chỉ có một bác Thăng ở Hải Dương thôi. Có phải bác Phù Thăng không? Cháu không rõ. Chỉ biết bác ấy tên là Thăng. Hình như bác La Thăng gì đó. Bác ấy vẫn làm bài hát mà. ở đây toàn các bác múa hát thôi. Các bác ấy đàn sáo suốt đêm qua. Vui lắm.

Tôi bỏ lên nhà khách. Đèn sáng choang, nhưng chẳng có ai cả. Trên cộc màn treo lủng lẳng một cái áo trấn thủ thùng lỗ chỗ như những vết đạn bắn. Có lẽ

Phù Thăng thật. Mà đúng là Phù Thăng. Khi chúng tôi đang ngồi uống trà, thì Phù Thăng tất tả bước vào. Ông mặc tấm áo may-ô vàng ó, cái quần kaki đã bạc, ống thấp, ống cao. Phù Thăng như từ thửa ruộng cày bước thẳng vào phòng khách. Thấy chúng tôi, ông sững lại, rồi reo òa lên như một đứa trẻ:

- ối giời, các ông! - Và rồi, thật bất ngờ, Phù Thăng sụp xuống.- Tôi lạy ông Khải, tôi lạy ông Lựu, tôi lạy ông Khoa!

Ô hay, sao lại thế này? Lê Lựu há hốc mồm kinh ngạc. Nguyễn Khải đứng dậy, luống cuống. Xưa nay người ta thường chỉ lễ người chết, chứ có mấy ai lễ người sống bao giờ. Thương nhau, biết nhau cả, mà rồi dằng dẳng mấy mươi năm chẳng gặp được nhau, thì dẫu có sống cũng coi như người đã khuất núi rồi. Bởi thế mà Phù Thăng mới lạy chúng tôi, nước mắt lã chã. Cả ba chúng tôi đều cuống lên, chẳng biết làm sao, cũng sụp xuống, xá lại. Hai bên lụp cụp lạy nhau. Các cô phục vụ nhà khách kéo đến, tưởng các bác diễm tuồng.

- Trời! Tôi không thể nghĩ mình còn có dịp được trông thấy các ông nữa!

Phù Thăng nói bằng giọng méo mào. Ông ngồi lọt thỏm trong ghế sa-lông. Một ông già nhỏ thó, đen đúa. Hàm răng đã rụng hết. Trông ông teo tóp như một hạt thóc lép. Chỉ có đôi mắt là long lanh sáng. Hình như toàn bộ sức sống của cả con người ông, đều gom lại trong đôi mắt ấy. Trời, tôi không ngờ, không ngờ... Phù Thăng vẫn thều thào. Quả cũng bất ngờ thật. Nguyễn Khải ở Thành phố Hồ Chí Minh. Lê Lựu ở Hà Nội, Phù Thăng ở làng Tất Lại, Hải Dương. Ba ngọn núi kỳ dị của đồng bằng Bắc Bộ ấy, ai ngờ lại có dịp ngồi ngắm nhau. Bởi thế, Phù Thăng vẫn chưa hết bàng hoàng của một

người trong cõi mộng.

- Không biết sau lần này, chúng mình liệu còn có dịp nào được gặp lại nhau nữa không nhỉ? Chắc là không... không đâu...

- Gặp chứ! Gặp chứ!

Lê Lựu nói lấp bắp, rồi đưa tay vỗ tóp tép vào cái đùi tong teo của Phù Thăng, rồi lại nắm cái đầu gối củ lạc của ông mà lắc lắc. Đoạn, anh ghé tai Phù Thăng, hỏi một câu gì đó, chắc là về tình ái. Thế là Phù Thăng cười toá lên, mặt rúm rỏ.

Chuyện vãi một lúc, Lê Lựu rủ mấy anh em xuống thăm các anh chị văn công đang om xòm tề tựu ở khu nhà dưới kia. Đi di, ngồi ru rú ở đây làm quái gì. Mấy khi có dịp thế này. Đêm nay ta ra đồi, nhảy Va-xi-lô với mấy mẹ xanh đỏ, bác Thăng nhé!

Phù Thăng lại phều phào cười. Chúng tôi bước lững thững trên con đường mới rải nhựa, bảng lảng sương khói. Xa kia, sau đồi Cò, mảnh trăng non cong vắt như cái khoằm trâu mà một gã thợ cày nào đó vừa quăng lên bầu trời. Phù Thăng bước băng lảng. Ông bảo tôi:

- Lúc nào Khoa cố gắng bớt chút thì giờ ghé về nhà mình chơi. Mình muốn nhờ ông đọc giúp mấy cái truyện. Đọc để biết thôi. Chứ in thì chắc khó lắm. Thời kinh tế thị trường bây giờ, để in một cuốn sách, phải bán đến dăm sáu tấn thóc thì mình chịu. Kiếm đâu ra nổi số thóc lớn như thế.

Đối với Phù Thăng bây giờ, quả là mọi thứ chỉ còn biết trông vào hạt thóc. Và câu chuyện mini của ông xưa, lại ám ảnh tôi, chợt làm tôi ớn lạnh. Bất giác, tôi nắm chặt bàn tay gầy guộc của Phù Thăng, lòng mơ hồ ròn rợn. Chỉ sợ ở một xó xỉnh nào đó, sau lùm cây tối sẫm kia, lại bất ngờ cất lên một tiếng gà gáy...

5-1996

Trần Đăng Khoa

(Trích Chân dung và đối thoại NXB Thanh Niên, 1999, tr. 61-75)

Trần Đăng Khoa

Chân Dung và đối thoại

Bài 5

Lê Lựu

Cứ xem cái tướng mạo, cái hình dáng, kiểu cách bề ngoài thì chẳng ai nghĩ Lê Lựu là một nhà văn. Trông anh nhôm nhoam, luộm thuộm và lúc nào cũng tất tả, nhếch nhác như một gã thợ cày vừa từ một thửa ruộng ngấu bùn nào đó bước lên. Gương mặt, đầu tóc, quần áo và toàn bộ con người anh như đang toả ra mùi bùn đất, mùi nắng gió, bụi bặm của một vùng đồng bãi châu thổ sông Hồng. Con người ấy có bắp com-lê, cà vạt, mũ phớt, kính gọng vàng, giày Mô-ka, nghĩa là tất cả những trang bị, phụ tùng tối tân nhất của đời sống đô thị, thì trông anh vẫn chẳng ra anh trí thức, cũng chẳng ra người thành phố. Mặc dù Lê Lựu sống ở Hà Nội, lấy vợ đẻ con ở đất kinh kỳ này, đã từng nện gót trên nhiều đường phố lớn thế giới, lại ba lần sang Mỹ, nhưng anh vẫn là gã lực điền của vùng đất bãi Khoái Châu, Hưng Yên. Lê Lựu như hòn gạch xỉ, hay nói đúng hơn - như một tảng đá học. Đó là một tảng đá nguyên khối, xù xì của thiên nhiên hoang dã mà đời sống hiện đại đô thị và nền văn minh thế giới không thể đeo gót được, cũng không thể tác động vào được. Cái chất quê kiểng đặc sệt này là cái duyên riêng của Lê Lựu, cũng là cái Lê Lựu hơn người. Tiếp xúc với anh, người ta mến ngay. Mà đâu phải chỉ mến, còn mê nữa. Lê Lựu thông minh, hóm hỉnh, nói chuyện có duyên và có sức lôi cuốn. Người ta sẵn đón anh, mời anh đi nói

chuyện ở khắp các cơ quan, xí nghiệp, trường học. Buổi nào cũng đông nghịt. Người nghe như bị bỏ bùa, bị thôi miên, bị đánh thuốc lú. Trước hiện tượng ấy, không biết một nhà kinh tế ma mãnh nào đó đã bí mật kinh doanh Lê Lựu và trứng quả đậm. Buổi nói chuyện được ghi âm, rồi in ra hàng loạt. Băng Lê Lựu bán chạy không thua bất cứ một thứ nhạc Rốc, nhạc Pốp, nhạc Discô, hay nhạc thời thượng nào. Giá bán đắt khét lẹt. Một vài băng đã tràn sang đất Nga. ở ký túc xá Môgiaixkôie, có một anh chủ hàng đã quát tôi với giá 1800 rúp. Không chát đâu ông anh ạ! Có hai đô-la thôi mà. Băng một gói mì chính cánh. Cứ nghe đi, rồi ông anh sẽ thấy mì chính cánh rất nhạt. Tôi đã mua sự tò mò với giá 1.800 rúp, không thể bớt được một xu. Gớm, ông anh cứ làm như chó Nhật ấy. Loại hàng này đâu có xuống giá mà ông anh đòi bớt... Quả thật, Lê Lựu có biệt tài trả lời những câu hỏi, phỏng vấn của đồng nghiệp và các hãng thông tấn nước ngoài. Khi hỏi cảm giác của anh tới Liên Xô và Mỹ, anh cười: Tôi rất ngạc nhiên. Ngạc nhiên đến kinh ngạc. ở Liên Xô tôi lại tưởng Liên Xô là Mỹ, và khi ở Mỹ thì tôi cứ nghĩ Mỹ là Liên Xô. Còn hỏi về chuyến đi Mỹ của anh thì anh cười hề hề: Chẳng có gì to tát, và nghiêm trọng cả. Mình với Mỹ như hai anh láng giềng, có một thời xích mích, gây ra cãi cọ, dẫn tới choảng nhau, rồi thì rào kín cổng ngõ, không thèm nhìn mặt. Bây giờ cơn nóng giận qua rồi, cả hai đều muốn ngồi lại với nhau, chơi với nhau, nhưng anh nào cũng sĩ diện, không muốn làm lành trước, đành nghĩ ra một cái mẹo, là xua chó gà sang nhà nhau, rồi lấy cớ ấy mà hỏi với qua hàng rào: Này bác ơi, bác có thấy con gà, con chó nhà tôi chạy sang bên đó không?. ấy thế rồi nói chuyện được với nhau đấy Tôi sang Mỹ cũng là để làm con gà con chó thôi. Có gì ghê gớm đâu cơ chứ.

Lê Lựu lại cười hề hề. Anh có vốn sống phong phú, sự trải đời lọc lõi. Đó là một gã ma mãnh, quái quỷ nhưng lại mang vẻ mặt xuề xòa, chất phác của

một anh nhà quê. Bởi thế, anh rất dễ thuyết phục người khác. Lê Lựu có nói dối và nói thẳng ra rằng: Tôi đang nói dối đấy thì người ta cũng vẫn cứ tin, chẳng ai ngờ vực cả. Bởi xưa nay, người ta chỉ dè chừng những kẻ giao hoạt, những tay láu cá, chứ mấy ai nghi ngờ thợ cày.

Đối với người Mỹ, Lê Lựu không chỉ là nhà văn dân tộc xuất sắc, mà còn có một giá trị có tính khảo cổ học. Anh như một khu rừng nguyên sinh, một hang động hoang dã, họ chưa từng đặt chân tới. Nhà văn Nguyễn Quang Thiều, người phiên dịch cuộc hội thảo văn học Việt - Mỹ kể lại. Có một lần, Lê Lựu đến dự cuộc gặp gỡ, trao đổi với các nhà văn cựu chiến binh Mỹ, trong một biệt thự sang trọng. Anh ăn mặc lịch sự như một chính khách. Cuộc gặp gỡ được cả hai bên chuẩn bị chu đáo nhưng Lê Lựu vẫn băn khoăn, vẫn thấy có một cái gì đó chưa thật ổn thoả. Anh vội bí mật nhìn trước, nhìn sau, xem có ai tò mò để ý đến mình không, rồi thì thật bất ngờ, anh vắt cả cái chân còn nguyên giày nguyên tất lên mũi và... ngửi. Cử chỉ lạ lùng, quái đản này không lọt qua được mắt các nhà văn Mỹ, từng là lính trình sát trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, họ mê Lê Lựu ngay từ cái cử chỉ dị mọ rất... Lê Lựu này. Cử chỉ ấy nếu ở người khác, có thể sẽ gây nên sự khó chịu, nhưng ở Lê Lựu, người ta lại thấy đáng yêu vì nó xuề xòa, tự nhiên và hợp lý như sự sắp đặt của Chúa. Cũng theo Nguyễn Quang Thiều, ở cuộc hội thảo này, các nhà văn cựu chiến binh Mỹ chỉ biết Lê Lựu, chỉ thích ông Lựu thôi. Đối với họ, văn học Việt Nam ngoài ông Lựu ra, chẳng còn ai nữa:

Lê Lựu thuộc lớp nhà văn quân đội, ra đời và trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Truyện đầu tiên mà anh trình làng vào năm 1964, có cái tên rất thật thà: Tết làng Mụa. Rồi sau đó một loạt truyện ngắn ra đời: 'Trong làng nhỏ', Người cầm súng phía mặt trời, 'Truyện kể từ đêm trước.. Và đến Người về đồng cối thì Lê Lựu đã là cây bút viết văn kỳ cựu. Có thể coi Người về đồng cối là truyện đặc sắc nhất của Lê Lựu trong thời kỳ chống Mỹ. Bây giờ đọc lại vẫn còn thấy thú. Và đến truyện này, văn Lê Lựu đã có mùi tiểu thuyết. Người đọc biết anh sẽ là nhà tiểu thuyết có tài. Nghề văn cũng như ca hát. Chỉ ớ lên một tiếng đã thấy cái giọng quý rồi. Lê Lựu có cái giọng quý ấy. Người ta biết anh là người lĩnh xướng, dù lúc đó, anh còn u ớ đứng trong dàn đồng ca.

Lê Lựu biết cuốn hút người đời bằng một thứ văn đọc không nhạt. Ngay cả ở những truyện xoàng xoàng, người đọc vẫn thu lượm được một cái gì đấy có khi là một chi tiết, một đoạn tả cảnh, hoặc một nét phác hoạ tính cách nhân vật. Nghĩa là đọc anh không bị lở trắng. Cũng bởi lẽ Lê Lựu là nhà văn không chấp nhận sự nhạt nhẽo tầm thường. ở bất cứ tác phẩm nào, dù lớn hay nhỏ, Lê Lựu cũng có một vấn đề gì đấy gửi gắm. Không có cái đó anh không cầm bút viết. Ngay cả khi hình thành tác phẩm rồi, có vấn đề, có cốt truyện, có nhân vật hẵn hoi rồi, Lê Lựu cũng vẫn viết một cách vất vả, chật vạt. Khi văn tuôn chảy ào ạt, câu chữ trơn tru, nhìn trang bản thảo sạch bong, ít tẩy xóa là anh dừng lại ngay. Anh bắt đầu nghi ngờ mình. Nhưng lúc ấy anh thường bỏ viết, quay ra tán chuyện với bạn bè, hoặc tạt tạt qua chợ mua thức ăn, cò kè thêm bớt từng xu như một mục đàn bà bần xỉn, cũng chỉ cốt xem người bán phản ứng ra sao. Có cô gái đáo để, gắt như mắ m thôi: Thôi, mua cho con đi, bố già ạ. Có mấy hào bạc mà cứ vầy vò mãi!. Này, thế

năm nay con bao nhiêu tuổi? Bố hỏi làm cái gì? Hăm hai. Thế thì con hơn vợ bố những hai tuổi cơ đấy?

Lê Lựu hay viết về đêm. Trước khi ngồi vào bàn, anh thường đảo qua phở, làm bát phở nóng gọi là nạp thêm nhiên liệu cho máy móc vận hành. Anh cũng hay rủ tôi đi ăn đêm. Lê Lựu đặc biệt thích những bát phở mà anh gọi là phở bốc mả. Đó là những bát phở cuối cùng trong ngày. Nước phở đậm, đặc ngán những... cần nôi. Bà chủ quán xem ra đã quá quen khẩu vị Lê Lựu, có lẽ nghĩ anh là ông xế lô, sau một ngày chở khách mệt nhọc, nên bốc cho anh một đồng xương xẩu, cổ cánh không tính tiền, rồi đổ ào thùng nước rửa bát ra mặt đường, chòng bốn chân ghé lên mặt bàn phủ tấm vải nhựa xanh, nồng đượm mùi nước mắm, giấm tỏi. Lê Lựu tỏ ra rất khoan khoái. Gương mặt nhom nhoem những râu bưng bưng sung mãn như một người vừa trúng xổ số. Về nhà, tôi lăn ra ngủ, còn anh thì vục mặt vào bàn uỳnh uych viết. Thỉnh thoảng tỉnh giấc, tôi vẫn thấy phòng bên có tiếng rít điều cày òng ọc. Lê Lựu vẫn đang lặn ngụp bì bõm, xẻ xấn từng khối chữ, vật lên trang giấy. Thấy anh có vẻ bắt được mạch truyện, tôi đã mừng: Sáng hôm sau tôi lần sang phòng anh, đòi nghe thử. Mắt Lê Lựu đỏ kè:

- Nghe cái quái gì. Tao làm hông bỏ nó rồi! Không ngủi được. Chứ nghĩa bò lồm ngồm như kiến đen, nhưng chẳng có hồn vía gì. Đọc cứ bỏ ra. Tức thế chứ?

Rồi Lê Lựu càu nhàu, tiếc bát phở đêm qua đổ vào hang chuột, đổ vào cái lỗ giòi oi đất hời.

Lê Lựu viết chậm, mỗi ngày vắn vện vài trang, có khi chỉ mấy mươi dòng, rồi vạy vó mãi đến mấy ngày sau mới bắt được vào mạch truyện. Vậy mà năm nào Lê Lựu cũng có sách. Cuốn tiểu thuyết đầu tiên của anh ra đời vào năm 1975, có tên là Mở rừng. Theo tôi, đây là cuốn tiểu thuyết vào loại khá của văn học Việt Nam những năm 70. Vậy mà không một nhà phê bình nào nhắc đến nó. Bạn đọc cũng không để ý. Cuốn sách bị quên lãng, tôi nghĩ, một phần cũng vì cái tên gọi. Cái tên gọi chuyện xà beng, cuộc xằng. Người ta tưởng đây là một tập ký viết về làm đường, về một đội thanh niên xung phong xây dựng kinh tế, mở mang doanh trại. Hơn nữa, chiến thắng Mùa Xuân năm 1975 choán hết sự chú ý của mọi người. Chẳng ai còn để tâm đến cái gì khác ngoài sự kiện lịch sử vang dội ấy. Mãi sau này, do một tình cờ nào đấy, tôi mới đọc Mở rừng. Tập sách quả thật đã cuốn hút tôi. Đây là cuốn tiểu thuyết viết trực tiếp về chiến tranh với cái nhìn không đơn giản và ở thời điểm đó đã có thể coi là mạnh dạn. Lê Lựu đề cập đến số phận của một lớp người trong chiến tranh. Oai hùng và bi thảm. Giản đơn và phức tạp. Mỗi người là một cánh rừng âm u rậm rịt, phải tự mở lấy lối mà đi. Chẳng ai giống ai, bằng những con đường riêng, những số phận riêng, họ đã đến với cuộc chiến tranh bi tráng. Có thể tóm tắt tiểu thuyết này bằng câu thơ của Phạm Tiến Duật mà Lê Lựu định lấy làm đề từ:

Cây cúc đắng quên lòng mình đang đắng

Trở hoa vàng dọc suối để ong bay.

Bấy giờ, nhân vật chính của Lê Lựu trong các tập sách phần lớn là nông dân, hoặc nếu không thì cũng là nông dân cầm súng. Mọi vui buồn của họ đều

gắn với những tập tục ở nơi xóm mạc. Và rồi nương theo cái mạch ấy, Lê Lựu động chạm đến làng quê, có khi chỉ chấm phá đôi ba nét qua mấy câu đối thoại ngắn gọn của nhân vật, ngòi bút Lê Lựu bỗng như xuất thần, như động gió và toả hương. Đọc, biết anh tiềm tàng một vốn sống trù phú về làng mạc quê kiểng, nhưng cái mỏ vàng đầy rung rúc này, ông chủ tư bản giàu có kèch xù lại chưa hề khai thác lấy một thỏi nhỏ.

Mãi sau này, vào những năm 80, khi tiếng súng của cuộc chiến tranh đã ngưng hẳn trong tâm trí mọi người, và dư âm dai dẳng của nó cũng tạm lắng xuống, trong lúc người ta đổ xô ra xem mấy cái Cù lao(*) vừa mới nổi lên và reo hò ầm ĩ, vì đã tưởng tìm ra được một vườn địa đàng, chẳng ai còn để ý tới lũ tôm tép, huông hồ bọ rong rêu, bèo bọt vật vờ Lê Lựu cảm thấy yên tâm. Anh vác xẻng đi đào mỏ. Và rồi cứ từng khối vàng ròng nguyên chất, Lê Lựu huỳnh huých đắp một cái lô-cốt, rồi đặt cho nó một cái tên rất văn chương, rất thi ca: Thời xa vắng

Với ba trăm trang sách, tiểu thuyết Thời xa vắng đã ôm chứa một dung lượng lớn. Đây là một chặng đường lịch sử oai hùng. Chặng đường ba mươi năm, từ buổi lập nước đến lúc giải phóng xong toàn bộ đất nước. Lịch sử được khái quát bằng tiểu thuyết, bằng số phận có thể nói là bi thảm của anh nông dân Giang Minh Sài. Đây là loại tiểu thuyết bám sát số phận một nhân vật. Có thể gọi nôm na là chuyện Anh Sài. Nhưng cuốn sách có nhiều tầng, nhiều lớp. Người đọc tùy theo sự từng trải của bản thân mình mà tiếp nhận nó theo một cách khác nhau. Riêng đối với một số bạn đọc thông thường, có thể coi đây là cuốn sách viết về hôn nhân gia đình. Trong chuyện có tảo hôn, cưới vợ đẻ con, cãi cọ, ra toà ly dị, chia tài sản, con cái. Riêng cái vĩa này cũng đã đủ là một cuốn sách thú vị. Những chuyện chần gối, hay cảnh sinh

hoạt vợ chồng thành phố, vợ chồng nhà quê rất sinh động. Có những nhân vật phụ, chỉ thoáng qua, nhưng Lê Lựu khắc họa rất giỏi, rất sống, ví dụ gã thợ điện, một tay tài tử phóng đảng, chim gái thành thần. Một cô gái, nói đúng hơn là một thiếu phụ trẻ, vừa đọc xong Thời xa vắng, nói với tôi: Em rất thích gã thợ điện. Đây là nhân vật hay nhất trong tiểu thuyết Thời xa vắng. Hấn lưu manh, nhưng phải nói là rất tuyệt diệu. Đàn ông thế mới là đàn ông? Em đọc mà giật mình. Hình như em đã gặp hấn ở đâu đó trong buổi sinh nhật cô bạn. Hấn ngồi lơ đãng hút thuốc. Cái điệu vầy tàn thuốc của hấn thì không thể không mê được. Hấn đều giả, nhưng có sức hút khủng khiếp. Vợ Sài chết là phải. Em đọc mà sợ ông Lựu quá. Ông ấy rất am tường đàn bà, rất lọc lõi. Nhưng ông ấy cũng phức tạp. Có cảm giác ông ấy vừa sợ đàn bà vừa thích đàn bà, lại vừa khinh đàn bà, coi đàn bà như cái giẻ chùi chân. Anh cứ đọc lại ông Lựu mà xem. Anh bảo ông ấy nhà quê á? Chết phác á? Điều đấy! Giả vờ đấy!

Xem ra, cái lớp phụ diễn ngoài màn này cũng xôm đầy chứ, đâu có nhạt trò. Lại còn một lớp phụ nữa không kém phần rôm rả, thú vị. Ấy là cái cảnh chiến tranh, ồn ào khói lửa, súng ống. Người đọc được sống lại những năm tháng sôi động hào hùng. Những năm ấy, người ta có thể xé bỏ giấy triệu tập đi học nước ngoài, lấy máu viết đơn ra mặt trận. Đó là một giai đoạn lãng mạn có thật mà Thời xa vắng đã đề cập đến một cách khách quan. Nhưng tất cả những ngón trò ấy chỉ là những lớp phụ. Còn chính kịch Thời xa vắng lại không diễn ở sân khấu ồn ào náo nhiệt mà ẩn khuất phía hậu trường và diễn bằng sự im lặng. Sự im lặng của núi băng trôi chìm dưới nước, chỉ lờ phờ nhô lên ít chòm, là những sôi động như đã thấy ở trên kia.

Vậy Thời xa vắng đề cập đến vấn đề gì? Núi băng chìm dưới nước kia chứa

cái gì vậy? Không phải chuyện chiến tranh. Không phải chuyện hôn nhân. Thế thì chuyện gì? Chuyện Thời xa vắng! Thì Lê Lựu đã nói thẳng ra thế, nói ngay ở ngoài bìa sách. Anh đâu có bí hiểm đánh đố độc giả. Đây là chuyện của một thời mà Lê Lựu gọi nó là Thời xa vắng. Xa mà không xa. Nó vẫn ngự trị, vẫn treo lơ lửng đâu đó ở trên đầu mỗi người như một bóng ma. Nó là nỗi ám ảnh kỳ quái, nhưng lại có sức mạnh thần linh. Và vì nó tồn tại vô hình, nên người ta mới sợ. Sàì sợ. Anh Tính sợ. Cả ông Hà bí thư, người lãnh đạo cao nhất trong Thời xa vắng cũng sợ nốt. ở cái xứ sở kỳ quái ấy, con người dường như chỉ tồn tại mà không được sống, không được làm người, Sàì đã chiến đấu quyết liệt để giành lại cho mình cái quyền làm người ấy và anh đã thất bại thê thảm. Lúc đầu anh phải yêu cái người khác yêu, khi được tự do yêu lại đi yêu cái mình không có. Lúc thất bại ê chề, lúc đã cạn lực, Sàì mới nhận ra mình, nhận ra chỗ đứng thực sự của đời mình, anh vác ba-lô trở lại vùng quê, trở lại với mấy cái lò gạch, mấy cái lò đậu phụ lập loè ánh lửa..

Tựa vào cái cốt truyện đơn giản ấy, Lê Lựu đã dựng lên một loạt bức tranh nông thôn đặc sắc. Có nhiều trang đạt tiêu chuẩn Nam Cao. Có thể nói tắt từ Nam Cao, qua một chút Kim Lân, đến Nguyễn Khắc Trường và Lê Lựu, chúng ta mới lại có nhà văn nông thôn thú vị. Lê Lựu không nhìn người quê, cảnh quê bằng con mắt đô thị như một số nhà văn nổi tiếng khác. Anh là người quê nói giọng quê, với cách cảm nhận của người dân quê. Có một số mảng Lê Lựu viết rất giỏi, như mảng làm thuê, mảng lượ lượ hay cảnh mâm trên, mâm dưới, cảnh trên nhà dưới bếp, cảnh tiếp khách ở nhà quê, đọc mà chua xót đến rớt nước mắt. Đoạn đám ma ông đồ Khang, Lê Lựu viết cũng khá tài. Anh đặc tả những người đến viếng bằng một ngọn bút sắc lẹm, có khi chỉ phẩy vài nét mà lột được hết hồn vía, tính cách, tâm địa nhân

vật. Mỗi người một vẻ khác nhau, nhưng tựu trung, họ đều là một lũ cơ hội, xu nịnh, một bày quan lại nhà quê. Có kẻ lảng vảng vòng ngoài, dò hỏi tập quán, phong tục, ý thích của gia đình người chết rồi mới bước vào nhà, và phải đợi đến khi ông bí thư huyện uỷ đứng túc trực bên linh cữu bố, họ mới đến viếng, mới khấn to tên tuổi mình lên, vì biết trong cái túi áo đại cán của ông bí thư có cái đơn xin xỏ gì đó của mình. Người ta đã lạm dụng cái chết của cụ đồ trong sạch để làm những việc bẩn thỉu, ti tiện. Lê Lựu rất có lý khi anh hạ một câu sắc lẹm: Hình như họ không viếng cụ đồ. mà viếng ông bí thư, và xun xoe đưa ông bí thư ra nghĩa địa.

Thời xa vắng! ra đời có tiếng vang lớn, vượt quá sức hình dung của người đã đẻ ra nó. Xét về mặt nghệ thuật, cuốn sách không có gì cách tân, tìm tòi, lối viết rất cũ, tốc độ truyện chậm, hơi vắn ở phần một và phần hai hình như lạc nhau, không liền mạch. Có cảm giác như đây là hai cuốn tiểu thuyết cùng một nội dung gộp lại làm một. Câu văn lù lù, không sáng sủa. Nghĩa là người khó tính có thể vạch vọi, chê bôi chỗ này, chỗ nọ, mà ông trạng nhà quê Lê Lựu cũng khó chối cãi.

Nhưng khi cầm cuốn sách lên, chỉ lật qua vài trang là đã bị nó cuốn hút, nó đánh bùa ngải. Người ta có thể quên văn mà nhớ chuyện đời. Và chuyện đời diễn ra trong cái cốt truyện cũng chẳng có gì ly kỳ, nhân vật cũng không rắc rối, chỉ có một tuyến, không có địch cũng chẳng có nhân vật phản diện. Tất cả đều là những người tốt, những người trung thành, tận tụy, có lý tưởng cao cả, muốn mang lại hạnh phúc thực sự cho mọi người. Nhưng kết quả thì ngược lại. Việc thiện lại thành ác. Người ta làm khổ người khác, tàn hại người khác bằng chính lòng tốt của mình. Có người hoá thân tàn ma dại, và đau đớn thay, họ lại là nạn nhân của lòng tốt, của những ý tưởng cao cả. Đây

là nỗi bi thảm của Thời xa vắng. Người đọc nào cũng thấy phảng phất chút ít bóng dáng của mình trong nhân vật Sài.

Viết cuốn sách này, Lê Lựu đã xỏ hết gan ruột mình ra trang giấy, Anh bơ phờ rồi bàn viết, bủn rủn và rệu rạo như một người đàn bà vừa đẻ xong.

Trong bụng trống tuếch chẳng còn gì nữa. Ai hiểu đời tư Lê Lựu sẽ có cảm giác Thời xa vắng như một cuốn tự truyện của tác giả. Lê Lựu đã in quá đậm bóng dáng của đời mình xuống trang giấy, đến nỗi người ta đã nhầm anh với Sài, còn gọi Lê Lựu là anh cu Sài.

Đằng thẳng ra mà nói, trong cuốn tiểu thuyết rất sáng giá này, cũng vô khối trang tôi không thích. Ví như cái đoạn Tuyết đến đơn vị thăm chồng chẳng hạn. Mặc dù Lê Lựu viết cũng rất sinh động, nhưng giọng văn lại bôi bác, lại có gì uất ức bức dọc. Dường như anh không còn giữ được vẻ khách quan của người kể chuyện. Dưới ngòi bút Lê Lựu? Tuyết hiện lên dị dạng, quê kệch và thô bỉ, thô bỉ từ hình dáng, cử chỉ đến lời nói. Thực tình, Tuyết đâu có lỗi, cô cũng như Sài thôi, cũng là nạn nhân của những ý tưởng tồi tệ. Đó là người đàn bà nhà quê bất hạnh và đáng thương.

Cô có tội tình gì mà bị Lê Lựu khinh miệt đến vậy? Giá ở đây, Lê Lựu cũng nhìn cô bằng con mắt thương cảm của một nhà văn lớn, giàu lòng nhân ái như ở các trang viết khác thì hay biết bao. Tôi bảo Lê Lựu:

- Thăng Sài ghét vợ nó đã đành, vì nó phải lấy người nó không yêu, nó quần mới đậm ra lẫn thân, tàn nhẫn như thế, chứ còn bác thì có gì mà bác cũng căm thù vợ Sài đến như vậy? Cô ấy có tội tình gì?

- ờ, ờ - Lê Lựu cười hắc hắc, rồi thì đột nhiên anh bỗng im lặng. Gương mặt thoáng buồn rười. Trong khoé mắt đã hằn nếp nhăn của anh, ầng ậng một cái gì như là nước mắt...

III

Sau Thời xa vắng Lê Lựu còn viết tiếp một số bút ký, ký sự, truyện ngắn. Có tác phẩm vừa được trao giải thưởng báo chí của Bộ Quốc phòng. Tiểu thuyết mới nhất của Lê Lựu là Chuyện làng Cuội Nếu mỗi cuốn sách ra đời như một người nô bộc trung thành, một đứa con tinh thần của nhà văn, thì tiếc thay, Chuyện làng Cuội lại là một đứa con bất hiếu của ông bố chất phác, nhân từ. Nó mang cho Lê Lựu bao điều tai bay vạ gió. Cuốn sách dày 500 trang, in trân trọng trên giấy trắng, chữ xếp thưa thoáng. Ấy vậy mà đọc lại vắt vả, chật vạt. Tôi đã mất hơn một tuần liền đánh vật với cái thằng bất hảo này. Mệt đến rã rời. Tôi có cảm giác mình không đọc sách mà đang bơi. Vâng, tôi đang vượt đầm làng Cuội bằng hai tay khoả nước. Cái đầm rộng 500 mét nước mà nhìn mênh mông bốn phía, chẳng thấy đâu là bến bờ. Chỉ một màu đục lờ, đôi chỗ vẫn chút váng phù sa. Còn lại là rong rêu, củi mục, phân chó và cọng rạ nổi lều phều. Phía trước mặt, nơi chân trời xa xa, thì thoáng cũng hiện lên một dải nước xanh nõn, mờ ảo đến nao người. Hy vọng có một vùng mát mẻ trong lành để có thể nằm xoài ra mà nghỉ ngơi.

Nhưng tới nơi mới hay cái dải nước trong leo lẻo đó chỉ là một ảo giác. Có thể do mình mệt quá mà sinh ra hoang tưởng và cảm thấy thế. Cũng có thể

đó chỉ là một quãng sáng của vầng mặt trời hắt xuống qua những tầng mây ngũ sắc của cơn giông. Nhể nhại lắm, tôi mới ngoi được lên bờ cỏ bên kia đầm. Việc làm đầu tiên là ngồi thở cái đã. ý nghĩ tiếp theo là cần phải đi tắm. Vâng, chính cái lúc tôi có ý định đi tắm ấy, một nhà văn vồ vai tôi:

- Này, có chuyện đấy.

- Chuyện gì bác?

- Chuyện Làng Cuội. Hông! Một cuốn sách phản động. Bôi nhọ xã hội. Thật bậy bạ quá mức. Hình như cha Lê Lựu viết cho ai đó. Không ngờ lão đồ đốn thế.

Tôi giật mình hoảng hốt. Chết chửa! Một sự kiện động giời đến thế, sao mình lại chẳng hay biết gì. Cần phải tỉnh táo và nghiêm khắc rà xét lại xem sao.

Thế là tôi lại nhao xuống đầm, bơi lộn lại. Lần này, tôi hào hứng lắm. Tôi đã có sẵn một mục đích rất rõ ràng, là quyết vạch lá tìm sâu. Phải tóm cho được cái thằng phản động ở làng Cuội. Nhưng công việc của tôi chỉ là công cốc.

Rốt cuộc hơn một tuần lục soát, truy quét, tôi chỉ tóm được sự mệt mỏi đến bải hoải. Nhược điểm lớn nhất của cuốn sách này là nó rất dở. Sự thực chỉ có vậy. Nhân đây, tôi đề nghị các bạn đồng nghiệp và các nhà chức trách không nên dùng chữ phản động để quy chụp các nhà văn, những người phạm mông cánh chuồn, tay yếu ruột mềm, chẳng có quyền bính gì hết. Họ chỉ có duy nhất một năng lực Đó là phơi ruột gan mình, phơi tâm can mình ra trước cái

pháp trường trắng, là cái trang giấy trắng đến rợn người. Sở dĩ tiểu thuyết của Lê Lựu gây cho một vài độc giả cảm giác u uất, cũng là do vấn đề đặt ra của cuốn sách. Đó là cái chuyện Cuội cả làng Cuội. cả tổng Cuội. Người ta lừa gạt nhau để sống. Cả làng sinh tồn trên sự dối trá.

Vấn đề đó đâu có mới. Trước Lê Lựu một thế kỷ, có người đã viết rồi, đã đề cập đến cái Chuyện làng Cuội đó rồi:

Đầu làng Ngang có một chỗ lội

Có miếu ông Cuội cao vọi vọi

Đàn bà đến đó xắn quần lên

Chỗ thì đến háng, chỗ đến gối

Ông Cuội ngồi trên mồm mỉm cười

Cái gì trông trắng như con cúi

Đàn bà kh ép nép đứng lên thưa

Con trót hờ hang, xin xá tội!

Không, không, mi chẳng tội tình gì

Chỉ tội làm ông cứng con buội

Về bảo đàn bà khắp làng mày

Ra đây ông cho giống ông Cuội

Từ đây làng Ngang đẻ ra người

Đẻ ra rất những thằng nói dối...

Thơ của ai mà kinh thế nhỉ? Tục tũ, phản động và bậy bạ quá! Xin thưa, thơ của chính danh nhà nho đấy. Cụ Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến đấy.

Lê Lựu đã triển khai ý tưởng của bài thơ này ra thành tiểu thuyết Chuyện làng Cuội. Từ địa danh cụ thể của bài thơ, anh tạo ra không gian và môi trường để dàn dựng truyện. Câu chuyện xảy ra ở làng Cuội. Những cuộc tình cũng diễn ra xung quanh cái đầm làng Cuội. Hội thi nói khoác của làng cũng lại được tổ chức long trọng ở ngay tại miếu ông Cuội. Tiểu thuyết tắm trong bầu không khí Nguyễn Khuyến, và Lê Lựu cũng học cụ Tam Nguyên kể bằng một giọng dân gian. Cái giọng tăng tăng, hài hước, đùa đùa thật thật. Đây là chất giọng quý, rất hiếm trong văn học đương đại của ta. Tiếc rằng chất giọng vàng rất hiếm hoi này cũng không cứu được cuốn sách dở. Rất non kém về mặt nghệ thuật. Tập tiểu thuyết dường như chỉ mới dừng lại ở ý tưởng. Và ý tưởng của Lê Lựu cũng vẫn chỉ là ý tưởng thôi. Nghĩa là nó chưa lặn được vào cốt truyện, vào số phận nhân vật, mà cứ đứng trơ thò địa ra như cái cột hành hình. Lê Lựu dựng cái cột giò hành ấy to quá, to đến mức che khuất cả nhân vật, biến nhân vật thành những con rối chỉ còn biết

thụ động rỗng rần, hú hòa xung quanh cái cột ý đồ, theo bàn tay điều khiển khá lộ liễu của anh. Những điểm yếu của Thời xa vắng lại được bộc lộ hết mình ở cuốn sách này. Ấy là cái lối viết tự nhiên chủ nghĩa, nhiều chỗ tuột khỏi văn chương, trượt sang phạm trù mất vệ sinh, khiến người đọc cảm thấy ghê sợ vì nó cứ bần bần thế nào. Về điều này Lê Lựu đã cười tuế toá mà chống chế: Tôi chịu ảnh hưởng sâu sắc thầy Nguyên Hồng. Văn tôi cũng dây cà dây muống như văn ông... Lê Lựu thật khôn khéo. Anh đã kéo Nguyên Hồng về làm đồng minh, làm khiên che, mọc đỡ cho mình. Nhưng anh đã nhầm lẫn. Văn Nguyên Hồng đâu phải thứ văn lòng thông dây cà dây muống. Nguyên Hồng có thể dùng hàng loạt cụm từ để diễn đạt một ý. Đó là lối văn trùm lợp tầng tầng lớp lớp. Lối văn này đã góp công tạo dựng nên trong văn chương thế giới một Dostoievski, một Macxim Gorki. Văn Lê Lựu không thế. Nó là búi dây dợ luộm cuộm. Hiểu Lê Lựu, có lẽ cũng chẳng ai hơn được thầy Nguyên Hồng của anh. Nguyên Hồng từng lắc đầu: Đọc Lê Lựu mệt lắm. Văn cậu này cứ như những bó củi. Thường củi trước khi bó, người ta phải sắp xếp cho đầu ra đầu, đuôi ra đuôi, rồi mới bó. Còn cậu này thì chẳng thèm xếp. Cứ để nguyên cả đồng mả bó. Thế nên nó mới thành cái đồng lòng công...

Tôi bảo Lê Lựu:

- Bác in Chuyện làng Cuội làm quái gì. Cuốn sách chẳng mang lại gì cho bác cả. Bạn đọc thì nghi ngờ tư tưởng nhá. Vợ con thì căm thù nhá, vì hình như những chuyện cãi nhau với vợ, bác quăng tất vào tiểu thuyết. Thế có khác gì mang chuyện buồn the mà phóng ra loa công cộng. Còn anh em trong nghề lại đâm ngờ. Có lẽ văn chương Thời xa vắng là do vợ bác viết, chứ cóc phải bác. Bác mất cả chỉ lẫn chài. Nói theo ngôn ngữ hiện nay, bác toi cả vốn lẫn

lãi.

- Chú chỉ được cái bố náo. - Lê Lựu nhại cái giọng ngô ngọng nhà quê của tôi. - Chú nói thế là chú a dua. Mà không khéo chú ghen với nhan sắc của ta đây. Mặt ta trí thức thế này, ngời ngời thế này. Còn cái mặt chú í a, ta nói chú đừng tự ái nhé, nó ngay thuôn thuôn như mặt ngỗng ỉa. - Lê Lựu chống chế bằng cách đem ngay cái mặt rất khó coi của tôi ra để so bì nhan sắc. - Còn chuyện văn chương ấy mà, - Lê Lựu cười buồn - ta như người cuốc đất, cuốc chẳng dây. Cú này bị tai nạn lao động. Loạng quạng thế nào cuốc bỏ nó phải chân mình. Thế mới đau chứ!

Lâu rồi, tôi không gặp Lê Lựu. Chỉ biết anh vẫn khoẻ và vẫn cặm cụi viết đều. Rồi đến một đêm, lúc ấy đã khuya lắm, trong căn phòng nhỏ của tôi ở Matxcơva bỗng vang lên tiếng chuông điện thoại. Ông mãnh nào động rồ mà lại khua điện thoại vào lúc này? Tôi định không nhắc máy, nhưng chuông điện thoại lại réo lên gấp gáp. Tôi bực dọc cầm ống nghe:

- Ai đấy?

- Thăng Khoa đây hử? Lựu đây!

- Lựu nào?

- Lựu đạn chứ còn Lựu nào? Bú sữa Tây có mấy năm mà mày không còn nhận ra tao nữa à? Lê Lựu!

- ời giờ bác đang ở đâu đấy? Hà Nội hay Sài Gòn?

- Tao đang ở Matxcova. Mới qua sáng nay đây. Đi tìm mày suốt, may vớ được số điện thoại. Này, thế học xong chưa, mà sao không về?

- Đang chờ làm thủ tục.

- ừ về đi! Bây giờ ở nhà vui lắm!

- Thế bác sang công tác hay đi du lịch?

- Du lịch đếch gì? Tao đi dự Hội thảo quốc tế bàn về văn học Việt Nam ở Đan Mạch.

- Đoàn đông không?

- Có tao và Ma Văn Kháng. Ông Khải ốm không đi. Nó mời đích danh ba người. Còn lại là mấy ông phê bình, phê biếc. Này, mày sang đây đi. Nói chuyện qua điện thoại chán bỏ mẹ! Chẳng thấy mặt nhau. Thêm nữa trò chuyện với nhau mà cứ phải chõ mồm vào cái ống nhỏ như thè này thì còn đếch gì là hứng thú.

- ừ em sẽ sang ngay!

- Này, mày nhớ mang cho tao ít thuốc hút nhé. Thèm quá.

- Bác thích thuốc gì? Dunhill nhé? Bao xanh hay bao đỏ?

- Mày đúng là cái thằng nhà quê, ở Việt Nam bây giờ có ai thèm hút Dunhill.

- Thế bác thích loại gì?

- Thuốc Lào.

- Ồi giờ, kiếm đâu ra được cái của nợ ấy hả bố?

- Thế ở đây không thằng nào có thuốc Lào à? Thế thì chúng mày khổ thật đấy. Không có thuốc Lào thì còn đêch gì là người. Thế mà mày ở Nga đến sáu bảy năm được thì tao phục thật.

Tôi phóng xe qua mấy kiôt đêm, tìm thuốc cho Lê Lựu. Tôi không biết hút thuốc, nên chẳng hiểu loại nào ngon. Thôi cứ hỏi loại thuốc đắt nhất. Tìm đến được chỗ Lê Lựu ở thì đã quá hai giờ đêm. Lê Lựu đang chờ tôi. Anh nằm co ro trên mấy cái đệm trải giữa nền nhà, lấy com-lê đắp lên bụng. Còn bao nhiêu chăn anh dồn thành đống, che chắn xung quanh như kiểu người nhà quê be bờ ruộng tát nước.

- Bác làm gì mà khiếp thế này?

- à, là tao quai đê chắn chó. Mấy đồng chí chó này thâm hiểm lắm, cứ leo lên ngực mình mà đái thôi. Chúng choảng liên mấy khoanh rồi đấy. Khiếp, khai mù như nước đái đàn bà. Mình quai đê như thế này là các chị em chịu bẹp đấy.

Lê Lựu cười hề hề, tỏ ra rất khoái trá với cái phát minh sáng chế vĩ đại của

mình. Rồi anh bảo:

- ở nhà đang vụ chó(**). Bây giờ giá có giảm chút ít, chứ mấy tháng trước đắt lắm đấy. Có con bán được hơn chục triệu. Dân mình bây giờ ăn chơi khiếp lắm. Cái mốt của con gái Hà nội bây giờ là mặc váy lửng và dắt chó đi ỉa. Vừa rồi ở nhà có một cái truyện ngắn rất hay về chó. Thằng Trường ít người nhiều ma(***) nhặt được trong đồng truyện lai cỏ, mang khoe tao. Cái truyện nó viết giỏi lắm, kể về một lão đại tá, hàng ngày dắt chó đi, hay nói đúng hơn là chó dắt lão đi, đi bán giống. Bán cái của giời cho ấy mà. Cứ một cú nhảy là bốn trăm tám mươi nghìn đồng. Ngày nào con chó cũng cần mẫn bán mình để nuôi ông đại tá về hưu. Đọc hấp dẫn lắm, cười đến ứa nước mắt.

Lê Lựu đột ngột ngừng lời, bởi anh bất chợt nhớ ra điều gì đó. Anh vội đứng dậy, lục tìm trong va-li, lôi ra một cái gói to bọc được chằng buộc cẩn thận bằng giấy bóng kính. Bên ngoài còn lót thêm một lượt giấy hồng điều. Đó là món quà đặc biệt mà Lê Lựu đã cất công mang từ Hà Nội sang cho tôi Có quý nhau lắm mới làm được thế. Chắc lại mứt sen hay chè Thái rồi. Tôi hồi hộp nhìn những ngón tay mập mập đen đúa của Lê Lựu lần mở từng nút lạt giang. Hoá ra mấy bấp ngô luộc to xù như mấy quả lựu đạn. Ngô để đã lâu ngày, bốc lên một cái mùi rất đổi xa xăm. Lê Lựu đưa mũi hít hít, rồi quay lại, cười rất tươi:

- Ngon lắm! Cứ như ý cụ Nam Cao thì ta không nên hoãn sự sung sướng lại.

Nói rồi, Lê Lựu lấy phích nước sôi giội ào ào lên mấy bấp ngô vút lông chông trong cái xô tôn. Dường như chưa yên tâm, anh sai tôi đem đun lại.

Cái giống ngô đất bãi là cứ phải thế. Mấy bạn phòng bên sang chơi đã ngồi quanh đĩa ngô. Ai nấy còn đang ngần ngại, thì Lê Lựu đã túm một bắp ngô cạp cạp rất ngon lành. Gương mặt hồn nhiên, tươi mơn. Trông anh như một gã thợ cày vừa tắm xong cho trâu, giờ tự thưởng cho mình một khoảng sung sướng. Rồi anh yêu cầu tôi cho anh uống nước ngô luộc lại. Rồi anh lại xuýt xoa thương nước Nga lạnh đận, đến nỗi chẳng có nỗi một nắm rơm nếp để nướng ngô. ở đời này, thật chẳng có gì tuyệt hảo hơn cái anh ngô nướng.

1994

(*) Cù lao Chàm-Đứng trước biển của Nguyễn Mạnh Tuấn

(**) Năm 1990

(***) Nhà văn Nguyễn Khắc Trường tác giả cuốn tiểu thuyết nổi tiếng Mảnh đất lắm người nhiều ma.

Trần Đăng Khoa

Chân Dung và đối thoại

Bài 6

NgUYỄN KHẮC TRƯỜNG VÀ....

Vào những đêm mưa phùn, gió bắc, ta thường được nghe các cụ già ở làng lầm rầm kể những câu chuyện li kì, rùng rợn về... ma. Cứ như lời các cụ thì ma sống trong đêm, còn người ngủ ở cõi ngày.

Đó là hai thế giới âm dương hoàn toàn tách biệt. Nhưng rồi, ngay trong một ngày cũng có những khoảnh khắc chập chờn, tranh tối, tranh sáng, âm dương nhoè vào nhau, ấy là lúc gà gáy canh năm, bình minh chuẩn bị hé rạng, hoặc lúc mặt trời lặn và bóng đêm nhá nhem bắt đầu buông xuống cõi dương thế. Lúc đó, người và ma rất dễ gặp nhau, có thể lẫn vào nhau...

Cũ rồi. Cũ lắm rồi? Đó là chuyện ở thời bao cấp? Giờ đổi mới tư duy. Nhiều trật tự cũng theo tư duy mới mà đảo lộn. Bây giờ, người lại hay đi đêm. Cứ theo tuyên bố của nhiều phiên tòa thì đến ngay cả giới quan trường, cũng khối kẻ đi đêm. Còn ma lại ngang nhiên sống giữa ban ngày. Gặp ma không khó lắm, cũng chẳng cần phải đợi lúc âm dương nhập nhoè tranh tối tranh sáng. Cứ vào nhà hàng, khách sạn, quán karaoke, hay ở nhiều nơi sang trọng khác. Ma đầy trong ấy. Nhiều lắm. Đủ các loại hạng. Có khi người nói

chuyện với ma, hoặc nghe ma nói mà cũng không biết!

- Ai đấy? Ai vừa nói đấy? A, chào ông! Tôi thấy ông quen quen... ồ quen lắm, ông bạn ạ! Hình như ta đã gặp nhau ở đâu rồi nhỉ?

- Tôi là một phần của ông, ở chính trong con người ông,...

- Thế thì ông là gan ruột hay tim phổi, dạ dày?

- Ta có thể bàn về mối quan hệ giữa bộ phận và toàn thể...

- Đó là một phạm trù thuộc về triết học. Tôi không quan tâm lắm đến cái mớ rắc rối có cái tên rất lạnh lùng và sang trọng là Triết học. Tôi muốn đàm đạo với ông về văn học kia...

- Sao vậy?

- Bộ xương tôi đang ớn lạnh. Chỉ có văn chương, cũng giống như rượu ngon, mới hâm tôi nóng lên. Hơn nữa, các người văn hay nói: Nhà văn này có ma lực. Nhà văn kia câu chữ như có ma. Nghĩa là các người đã lấy tôi làm cái thước đo độ hấp dẫn, vốn là một tiêu chí quan trọng vào bậc nhất của một tác phẩm văn chương, cũng như nhan sắc đàn bà huyền diệu của cái đám mớ đỏ mắt xanh. Bởi thế mới có cuốn tiểu thuyết đặt tôi ngang với người, ở cả lượng và chất. Nghĩa là chúng ta đều bình đẳng và tương đương với nhau

- Cuốn nào vậy?

- Mảnh đất lắm người nhiều ma

- à ta nhớ rồi? (Bỗng thẳng thốt) Trời! Hoá ra ông là...

Ma (Xuất hiện): Đừng sợ! Chúng ta từng đi song song bên nhau và tồn tại trong nhau. Đã thế, chúng ta lại còn sống chung trong một Mảnh đất có tên là Nguyễn Khắc Trường...

Người: à. Nguyễn Khắc Trường! (Trần tỉnh trở lại) Lão là bạn vong niên của tôi...

Ma: Vậy Khắc Trường là người thế nào, nếu nhìn qua con mắt người?

Người: Thật thà, chất phác và tốt bụng. Hồi viết cuốn tiểu thuyết, lão nghèo lắm. Cả gia tài chỉ có mỗi cái xe đạp Thống Nhất đã tróc sơn loang lổ. Bọn trẻ con trong làng Khương Hạ, nơi lão trú ngụ, gọi là xe ghẻ ruồi, Cái xe cứ long sòng sọc. Mọi bộ phận đều kêu, chỉ trừ có mỗi cái không kêu là cái,.. chuông!

Ma (cười): Đúng là hành trang của cõi dương gian?

Người: Bởi vì thế, ông biết không? Hồi mới du học ở nước ngoài về, tôi quyết định dọa lão. Tôi lượn qua mặt lão một đường cua ngoạn mục trên chiếc xe đạp Hoàn Kiếm mới khự, trông bóng loáng như phết mỡ. Ai ngờ, lão lại nhìn tôi bằng nửa con mắt rùa. Lão bảo: Bây giờ chẳng có ai đi im thín thít như thế. Đây là cách đi của ma. Người đi phải vang động, phải nổ bành bành như súng liên thanh. Tôi ghé tai lão hỏi: Thế ông anh đã lên đến

xứ người chưa, hay vẫn đang còn ở kiếp ma?, Lên rồi chứ? Lên từ rất lâu rồi?. Giọng Khắc Trường đầy vẻ mãn nguyện. Rồi lão chọc chọc một ngón tay sang phòng bên cạnh. Đó là cái chuồng xe. Một con cúp 81 đời chót đứng ngoẹo cổ, trông như một tiểu thư yếu điệu đang làm nũng người tình,

Ma: Bịa?

Người: Sao lại bịa! Đừng tưởng lão lù khù nhé!

Ma: Khắc Trường lên cõi người không phải vì cưỡi xe máy đâu. Khỏi kẻ đi bành bành, đi en ét, đi đến inh tai nhức óc trên phố phường kia nhưng đâu có phải người.

Người: Vậy lão lên cõi người bằng cách nào?

Ma: Cưỡi một cuốn sách. Đó chính là cuốn tiểu thuyết viết về chúng ta, tôi và ông, và... chính Nguyễn Khắc Trường.

Người: Ông thấy cuốn sách sao?

Ma: Một trong vài cuốn hay nhất Việt Nam. Vừa trước mắt, vừa lâu dài...

Người: Vậy có vấn đề trước mắt và lâu dài?

Ma: Đó là vấn đề lớn nhất của mọi tác phẩm văn học. Có cuốn được tung hô ầm ĩ nhưng nó đã chết trước khi dứt tiếng vỗ tay cuối cùng. Có cuốn lúc ra đời chẳng ai chú ý, hoặc có người lé mắt đến thì lại dè bủ coi nó chẳng có gì

quan trọng, nhưng nó lại là đỉnh cao nhất của thời ấy, thậm chí của mọi thời sau nữa.

Người: Tại sao lại có chuyện như vậy?

Ma: Vì người đánh giá đâu có chính xác. Họ nhìn không được siêu thoát vì vướng những súc thịt quá dày. Bởi thế trong một tác phẩm được đánh giá ở cõi người bao giờ cũng được cộng thêm, hoặc bị trừ đi một cái gì đó ở ngoài tác phẩm, có khi ở cả ngoài tác giả. Ma đâu có thể. Vì ma không nhìn bằng con mắt... giả.

Người: Xin nêu một ví dụ.

Ma: Ông Korolenco là nhà văn rất lớn ở nước Nga. Với ông ấy thì chẳng ai nghi ngờ tài năng và sự thẩm định. Vậy mà khi ngồi trước mặt Lev Tolstoi, lúc Tolstoi đã in toàn bộ tập tiểu thuyết trường thiên vĩ đại Chiến tranh và hoà bình, Korolenco vẫn than thở: Nước Nga không có nhà văn lớn?

Người: Thế còn ở ta? Những tiểu thuyết trường thiên lớn?

Ma: Tiểu thuyết trường thiên là thể loại văn học phát triển rầm rộ ở châu Âu thế kỷ thứ 19. Đến nửa đầu thế kỷ 20, ở ta mới xuất hiện tiểu thuyết mà thực chất đó chỉ là mấy cái truyện vừa. Hình như truyện vừa hợp với ta hơn. Và chỉ ở thể loại này, ta mới có mấy cái hay. Ví như Tắt đèn của cụ Ngô Tất Tố. Tất nhiên trong cuốn truyện vừa rất xuất sắc này của cụ Tố, có một chỗ rất tệ hại. Ai lại dành nhiều công phu và tâm huyết như thế để viết về một bà mẹ đi bán con chuộc chồng và viết với tài nghệ, có khả năng chinh phục được

bạn đọc trong vài chục năm nay, về một việc làm rất đổi không bình thường. Ngay ở dưới âm phủ cũng chẳng có bà mẹ nào làm một việc quái đản như thế. Những chi tiết bán con chuộc chồng của cụ đến ma cũng không thể chấp nhận được. Người ta sẽ nhớ đến Fantine, nhân vật của Victor Hugo - một người đàn bà nghèo khổ, cơ cực, một dạng chị Dậu của nước Pháp. Để cứu đứa con tội nghiệp của mình, Fantine đã bán tóc, bán răng, bán tất cả những gì ở trên cơ thể mình. Người đàn bà ấy đẹp biết bao, cao thượng biết bao. Còn chị Dậu tuyệt vời của ta lại mang luôn con đi bán cùng với ẹch để lấy hai đồng bạc. Giá con không bằng giá chó. Mụ Nghị Quế còn bắt con bé ăn cơm thừa của chó trước mặt mẹ nó. Mụ quát: Mày ăn cơm chó nhà bà cũng không đáng đâu. Con chó nhà bà còn được mấy chục, con người như mày, bà chỉ mua có một đồng thôi đây. Rồi, lão Nghị còn làm một việc rất vô lý là dùng đòn đánh dậy, giơ bàn tay hộ pháp tát con bé một cái đánh đốp... , mà con bé có làm gì nên tội. Tôi nghĩ ở ngoài đời, không bà mẹ nào chịu nổi khi người ta hành hạ và sỉ nhục tàn nhẫn một cách vô lý con mình ngay trước mặt mình như vậy. Lẽ ra ở chỗ này, cụ phải dành một đoạn mô tả nội tâm, ấy là tâm trạng phẫn uất, nổi day dứt nhọc nhằn, sự giằng xé tâm can, có thể có một phút chị nghi ngờ quyết định của mình, định thay đổi, vì tình mẫu tử bỗng trào lên... vân vân và vân vân... đằng này, cụ chỉ viết sơ sơ có một dòng mà lại thiên về ngoại hình: Chị Dậu chỉ gục đầu vào cột, nước nỡ khóc thầm. Và khi mụ Nghị rút nốt mấy đồng chính lẻ ra thêm, trả chị tiền chó và con, thì, trời ơi, ông có biết cụ Tổ tả thế nào không? Chị Dậu lom khom cúi nhặt tiền, toan tính cửi ra đếm lại, đến mức Mụ Nghị xa xả mắng mới thôi. Mô tả thế, tôi chả hiểu cụ Tổ nghĩ về chị Dậu thế nào? Thôi, phải tội với trời mẹ chịu. Cảnh nhà đã thế, mẹ đành dứt tình với con. Tức thì, chị chùi nước mắt và đi làm những việc mà chị cho là đau đớn. Cứ xem nhiều phiên tòa xử ly hôn ở cõi dương gian, tôi chả thấy có người mẹ nào bằng lòng bỏ con. Họ

có thể bỏ chồng, chứ không bỏ con, quyết giành đứa con cho bằng được, dù chẳng biết sẽ nuôi chúng bằng cách nào, và sau đó, nếu lấy chồng khác, họ sẽ phải khó xử ra làm sao với đức anh chàng khác máu tanh lòng ấy... Có người đã ở vậy suốt đời từ chối mọi quyến rũ chỉ vì một đứa con, ở đây, trong bản thân cụ Tổ, nhà nho đã thắng nhà văn. Nhà nho đã lên tiếng thay cho nhà văn. Cụ Tổ rất thành công trong việc tố cáo tội ác của giai cấp phong kiến, nhưng cụ lại quên mất tình mẫu tử. Cái đó xem ra còn lớn hơn nhiều. Hãy nghe chính lời của cái Tý mà cụ đã miêu tả khi nó phải chia tay với các em: U nhất định bán con đấy ư? U không cho con ở nhà nữa ư? Khốn nạn thân con thế này! Trời ơi, ... Ngày mai con chơi với ai? Con ngủ với ai? Khoan, tôi chưa bàn đến việc, một ngôn ngữ như thế có phải của đứa bé gái bảy tuổi không? Tôi nghĩ: Chính cái Tý, qua ngòi bút cụ đã vô tình trách cứ cụ. Những năm còn thò lò mũi xanh, phiêu dạt ở cái xứ Người, tôi đã phải học đi học lại đoạn văn này của cụ ở các trường phổ thông, giờ vẫn còn nhớ và thấy có gì đó rất không ổn, không có lợi cho lũ trẻ về giáo dục gia đình, ông thử nghĩ xem, nếu tình huống ấy rơi vào ngòi bút Vũ Trọng Phụng, tôi chắc ông Phụng sẽ xử lý khác, và cục diện cuốn tiểu thuyết sẽ khác, ông Phụng, người đương thời với cụ Tổ, còn thế. Trước cụ Tổ hơn một trăm năm thì sao? Ông đã đọc Nguyễn Du chưa?

Người: Đọc rồi?

Ma: Hẳn ông biết cụ Nguyễn cũng là nhà nho, nối dòng nho gia hần hoi, có bố và anh ruột đỗ đại khoa, lần lượt làm đến chức tể tướng, ắt phải bảo vệ rường cột của đạo Nho lắm lắm. Vậy mà cụ Nguyễn vẫn để cho chàng Kim, cũng một nhà nho, đỗ đại khoa, làm quan huyện, hết lòng bênh vực cô Kiều, khi cô nói Chữ trinh đáng giá ngàn vàng sau khi Ông qua bướm lại đã thừa

xấu xa suốt 15 năm: Cụ còn để cho chàng Kim muốn lấy cô Kiều Trắng tàn mà lại hơn mười rằm xưa làm vợ, mà người đọc đều cho là phải. Mới hay, Nguyễn Du mới mẽ biết chừng nào. Nhìn ở góc độ này, cụ Nguyễn vẫn ở một tầm rất cao, vượt thời đại. Các nhà văn lớn đều thế. Dù tác phẩm ra đời ở thời trước vẫn phải can dự vào đời sống của chúng ta ngày hôm nay. Và tác phẩm của các nhà văn lớn hôm nay, viết về hôm nay, vẫn phải có mặt ở tương lai.. Những yếu tố dù là quan trọng về chính kiến, dân tộc quốc gia và cả thời đại, chỉ làm cho tác phẩm thêm phong phú, thêm giàu bản sắc, thêm nhiều tầng nghĩa, chứ quyết không phải là những yếu tố cản trở tác phẩm gia nhập vào cái muôn thuở của cõi Người, dù ở bất cứ nơi nào, ở bất cứ thời nào...

So với Tắt Đèn, cuốn Bỉ Vỡ của cụ Nguyễn Hồng khá hơn về mặt tiểu thuyết. Đó cũng là cuốn hay nhất trong đời văn Nguyễn Hồng. Nó hay mà không lớn. Những bi kịch đau lòng đáng giận, đáng thương của đám trộm cướp, dĩ điểm là phần sâu nặng, tâm huyết nhất của nhà văn, Cuốn sách cũng chỉ dừng lại ở đây.

Người: Vậy còn tiểu thuyết trường thiên bốn tập Cửa biển?

Ma: Cửa biển thực sự là một tác phẩm lớn viết về nhân dân. Nhưng cũng như các người vẫn nói: Cuốn sách ấy không có ma lực. Nó cồng kềnh, rậm rạp và dài dòng quá. Đọc rất mệt. Nó lớn mà không hay. Có nhà phê bình nghiên cứu viết khá dài dòng về bộ Cửa biển, với bao nhiêu là lý luận rồi rắm, nhưng tôi tin ông ta cũng không có đủ: dũng khí để đọc hết bộ sách. Tôi đọc không ít bài phê bình và nghĩ rằng, viết như thế thế chẳng cần đọc cuốn sách kia cũng có thể phán vanh vách về cuốn sách kia được. Rất nhiều

các khái niệm. Tôi xin báo động với các ông: Tình trạng ấy nhan nhản ở các trang báo, ở các tập sách.

Người: Vậy còn các nhà văn khác, các cuốn sách khác? Vis như Võ bờ chẳng hạn. Đó là một tiểu thuyết lớn. Tiểu thuyết sử thi. Có thể xem Võ bờ như Chiến tranh và hoà bình của Việt Nam?

Ma: Hình như Nguyễn Đình Thi cũng có ý đồ như vậy. Bộ sách cũng mang tính hoành tráng. Bối cảnh của tiểu thuyết cũng được tạo dựng ở hai thành phố lớn và một tỉnh lẻ. Nhà văn cũng triển khai tiểu thuyết từ gia đình tới xã hội. Nhân vật cũng đi từng cặp đôi với tính cách, số phận trái ngược nhau. Những ông quý tộc thành phố nói chuyện với nhau cũng đã đưa mấy câu tiếng Pháp. Rồi chuyện chiến tranh, chuyện hoà bình đan xen. Rồi chuyện thành phố, chuyện nông thôn. Rồi những sự kiện chính trị trong nước, thế giới. Xét về bộ khung cuốn sách với quy mô của những vấn đề cần mô tả, nó chẳng khác gì Chiến tranh và hoà bình. Nó chỉ khác ở chỗ, nó không phải là một Chiến tranh và hoà bình mà thôi. Tập I có khá hơn. Tập II sơ lược, đuối dần. Nó xộp và nhiều trang minh hoạ quá lộ liễu. Còn không ít những cuốn sách khác được gọi là tiểu thuyết chỉ là sản phẩm của một thời, thậm chí hẹp hơn, là sản phẩm của một cơ chế. Khi hợp tác xã nông nghiệp chia ruộng đất cho từng gia đình, làm ăn cơ bản như thời chưa có hợp tác xã, những cuốn sách viết về nó có còn ma lực cho các thế hệ sau nữa không? Và như thế, toàn bộ sự nghiệp của ông Đào Vũ, ông Chu Văn và bà Nguyễn Thị Ngọc Tú sẽ được đưa lên cái cân bé tí đầy sóng gió này.

Người: Thì ra ông chỉ quan tâm đến tiểu thuyết?

Ma: Đó thực sự là cái móng của mọi nền văn học. Tất nhiên, nó chỉ là móng khi nó, lớn và hay.

Người: Xem ra, ông là một kẻ cực đoan, có nhà văn rất lớn nhưng chẳng viết một cuốn tiểu thuyết nào. Ví như A. Sêkhốp chẳng hạn. Còn ở ta là cụ Nguyễn Tuân. Nguyễn Tuân cũng rất lớn, ông là bậc thầy của nhiều bậc thầy. Có thể tìm thấy trong tác phẩm của ông một cốt cách phương Đông, một tầm cao văn hoá, một thú ẩm thực. Một tư cách người. Một nhà luyện chữ...

Ma: ấy là người đời đánh giá thế. Có người chẳng đọc Nguyễn Tuân, chỉ hong hóng nghe nhau rồi viết vào giấy dán ngay lên cột. Thực chất, Nguyễn Tuân là người thích đùa. Đối với Nguyễn Tuân thì cuộc đời là một cuộc chơi. Ông ham chơi và chơi cú nào cũng thắng. Trước hết là chơi điện ảnh, ông chỉ chơi trong tích tắc và lập tức cái tích tắc ấy hoá: thiên thu. Nghĩa là ông cụ trở thành diễn viên điện ảnh đầu tiên của Việt Nam, người khơi nguồn cho ngành nghệ thuật thứ bảy ở xứ sở này. Khi ở ta còn chưa có điện ảnh. Nguyễn Tuân đã là diễn viên rồi, và diễn viên tầm cỡ quốc tế. Cứ theo ông Tô Hoài trong cuốn hồi ức Cát bụi chân ai, thì Nguyễn Tuân chỉ mặc áo blu trắng, khiêng cái cang thương, làm một chiếc bóng mờ, đi lướt qua ống kính trong khoảng... ba giây. Vậy mà để làm một cái bóng mờ điện ảnh ấy, Nguyễn Tuân đã phải lặn lội sang đến tận Hương Cảng. Sau này, ta mới được xem người khơi nguồn điện ảnh ấy đóng phim. Đó là phim Chị Dậu. Bộ phim được chuyển thể từ cuốn Tắt đèn của Ngô Tất Tố. Nguyễn Tuân sắm vai chánh tổng. Hoá ra ông cụ đóng rất xoàng, Một chánh tổng không ra chánh tổng, rất gượng gạo, lập bập ngay ở những chi tiết ngoại hình là cười ngửa và đi đứng. Hình như không phải Nguyễn Tuân đóng chánh tổng mà

chính chánh tổng đã đóng... Nguyễn Tuân và đóng rất tồi. Nghĩa là nó không ra chánh tổng mà chỉ phảng phất Nguyễn Tuân. Đây là đoạn dở nhất trong bộ phim được dàn dựng rất công phu, rất kỹ lưỡng, Nhưng tôi ngờ sau này, có khi cái phần hỏng này lại là đoạn có giá trị nhất của phim Chị Dậu. Vì nó cho ta thấy hình bóng thật của cụ Nguyễn Tuân. Các thế hệ sau, muốn ngắm cụ Nguyễn, lại phải đến gõ cửa Chị Dậu.

Người: Đùng mắt thì giờ về phần diễn viên điện ảnh, ông cụ là nhà văn.

Ma: Thì ta bàn về văn của cụ vậy, ông vừa bảo cụ Nguyễn là nhà văn lớn, là người có văn hoá ẩm thực, đúng không? Quả ông cụ viết khá nhiều về các món ăn. Những phở, những giò, những chả. Nhưng đưa các món ăn lên thành những áng văn chương, thành văn hoá ẩm thực, trước tiên phải kể đến Vũ Bằng với Thương nhớ mười hai, Miếng ngon Hà Nội, Món lạ miền Nam. Đây là những tập sách có thể được coi là những kiệt tác về ăn uống,

ở đó những món ăn không còn thuần túy là chuyện thực phẩm, nhằm đáp ứng cho việc co bóp của cái dạ dày, mà cao hơn, nó là hồn vía của cả một vùng đất. Văn chương ăn uống của cụ Nguyễn chưa đạt tới độ ấy. Đôi khi ngay trong chuyện ăn uống này, ông cụ cũng lại đùa.

Người: Xin nêu một ví dụ?

Ma: Truyện Những chiếc ấm đất. Thôi, khỏi bàn chuyện ông cụ viết về việc chọn ấm uống trà. Cái ấm da lươn phải là cái ấm nặn đều, không bị chỗ dày, chỗ mỏng, nghĩa là đặt xuống nước phải nổi đều, không bị triềng, lạng. Cái đó chẳng có gì tinh vi và cao siêu cả. Những cuốn sách phổ thông, viết về kỹ

nghệ uống trà của Nhật Bản, của Trung Quốc ta có thể gặp nhan nhản những đoạn như thế. Ông cụ kể về việc uống trà, về người hành khát tinh đến nỗi có một hạt trấu lẫn trong trà cũng phát hiện được. Cụ Sáu nghiên trà, mê trà pha nước giếng chùa, đến nỗi không thể bỏ quê đi đâu được vì không thể mang cái giếng đi theo. Thực ra, người sành trà, uống trà tinh, thường chọn nước mưa, và phải là trận mưa thứ hai, nghĩa là trong nước mưa không có bụi. Nước mưa ấy lại phải hứng giữa trời, không hứng qua cây, và phải hứng bằng chậu sành, chum sành, chứ không phải nôi đồng hay chậu nhôm. Nước có hơi nhôm, hơi đồng thì cũng không thể gọi là nước tinh khiết. ở đây ông già Sáu lại uống nước múc ở cái giếng đất, dù là giếng ở cổng chùa. Đoạn đường gánh nước từ chùa về nhà, cứ như lời văn cụ Nguyễn tả, phải qua con đường lầy cát bụi. Gió cuốn bụi như mây. Bụi thốc vào tận cổng chùa. Thế thì còn gì là nước để pha trà nữa. Khi người nhà cụ Sáu quảy gánh nước về làng, sư cụ chùa Đồi Mài còn gọi lại, bảo bẻ mấy cành đào, bẻ cả lá đào thả vào nôi nước để về ông cụ uống cho mát. Ồ hay, uống trà là uống nước sôi pha vào trà, chứ có uống nước lã đâu mà cần nước mát hay không mát. Và lại, đào là thứ cây độc. Đào trồng ở đâu, đến cỏ cũng không mọc được. Nhựa đào rất độc, người ta vẫn dùng để tắm ghẻ. Cái nôi nước thả đầy cành đào, lá đào mà cụ Nguyễn xui đùa kia, uống vào là gay đấy. Cứ tưởng ông cụ tinh vi nghệ ẩm thực, nghe theo ông cụ thì có phen mất mạng như bõn. Còn truyện Chém treo ngành, còn có tên khác là Bữa rượu máu, thì đến ma cũng không thể chịu nổi, ông cụ tả một cách nhâm nháp với đầy vẻ khoái cảm một lão đồ tể có tên là Bát Lê, ông ta có tài chém người điệu nghệ đến nỗi, chỉ chém một nhát, cái đầu đứt phăng, nhưng vẫn còn dính một tí da, treo trên một tí da, gọi là Chém treo ngành. Đưa việc chém người lên thành nghệ thuật và tả đường đao, mũi đao với vẻ khoái cảm như một dạng thưởng thức nghệ thuật thì chỉ ở cõi người mới có nhà phê bình viết bài tán dương, chứ ma thì con

xin vái cụ! Ngay cả kẻ bị chém là lũ tà đạo, lũ cướp đường, tả thế cũng không ổn, huống hồ đó lại là quân khởi nghĩa, những người xả thân vì nghĩa cả. Nhà văn lớn, ai lại viết thế.

Người: Ông không hiểu Nguyễn Tuân rồi, ông đọc văn như thế thì không thể đọc Nguyễn Tuân được, Những năm 1960, 1970, có lần cụ, Nguyễn đã mắng một nhà phê nọ, rằng: Thằng ấy mà làm phê bình à? Thảm văn kiêu gì mà thảm ngu thế. Không biết cả một đoạn rất quan trọng người ta tả đằng sau, khi kết thúc truyện, ấy là một trận gió thổi rất mạnh. Trận gió xoắn, giật, hút cát bụi lên, xoay vòng quanh đám tử thi và đuổi theo các quan đang ra về. Chiếc mũ trên đầu quan công sứ bị cơn gió lốc dữ dội lật rơi xuống bãi cỏ lăn mấy vòng lông lốc. Đây mới là tình cảm, là tư tưởng của tác giả.

Ma: Nhưng đó vẫn chỉ là một đoạn tả cảnh, và là tả ngoại hình. Mấy câu văn gió máy, mang đầy chất thơ ấy, làm sao xoá được cái ấn tượng ghê rợn mà truyện đã mang đến cho độc giả.

Người: Điều này, có lẽ phải tranh luận mới xong được?

Ma: Thời gian sẽ định đoạt tất cả!

Người: Vậy Nguyễn Tuân còn lại những gì?

Ma: Còn chứ! Muốn nói gì thì Nguyễn Tuân cũng vẫn cứ là Nguyễn Tuân. Và đóng góp lớn nhất của ông cụ là ở thể loại ký. Ông cụ viết gì cũng thành ký. Đây là một thể loại văn học cao cường mà bấy lâu nay, chúng ta biến nó thành một dạng báo chí sống sít, và như thế thì báo cũng chẳng ra báo mà

văn cũng chẳng thành văn. Nguyễn Tuân bằng chính tài năng trác việt của mình, đã đưa nó trở lại văn học. Chỉ riêng kì tích ấy cũng đủ để ta ngả mũ kính vái cụ, đúc tượng cụ. Bây giờ chúng ta hãy trở về với Nguyễn Khắc Trường...

Người: Ông bảo Nguyễn Khắc Trường nên Người nhờ cuốn tiểu thuyết. Nên nhớ rằng, trước khi viết tiểu thuyết, lão đã là tác giả của ba tập truyện ngắn và truyện vừa. Khi Thác rùng, tập truyện đầu tiên của lão ra đời, nhà văn Xuân Thiều, một cây bút cũng vào hạng lão luyện đã có ngay một bài ca tụng trên tạp chí Văn nghệ quân đội. Rồi gặp ai, Xuân Thiều cũng hồ hởi: Bọm lăm? Cha Thao Trường lù khù như thế mà viết rất bọm. Câu văn của nó chắc nịch như gạch không lỗ. Mình thật không ngờ...

Ma: Xuân Thiều không ngờ vì Khắc Trường là Thao Trường. Cái tên nghe sặc mùi tân binh và lính tráng. Trong con mắt Xuân Thiều. Thao Trường chỉ là anh lính văn còn đang ắc ê. Nhưng đọc lại thấy anh chẳng có gì là tân binh cả. Thế là ông ấy ngạc nhiên, thậm chí là kinh ngạc. Ta có thể gặp một trường hợp tương tự như thế ở ý Nhi. Đọc ý Nhi trước đây, người ta thấy chị viết suôn sẻ. Một dạng thơ sinh viên tổng hợp. Nó bành bạc và nhàn nhạt như một thứ nước si-rô. Và người ta cứ nghĩ ý Nhi là một người nhàn nhạt. Đến lúc đọc Người đàn bà ngồi đan, mới hay chị chẳng đến nỗi nhạt như người ta tưởng. Có đôi bài khá sâu sắc, lại được viết bằng một bút pháp rất dung dị, nhiều khi bỏ vần, bút pháp Nguyễn Đình Thi. Và nếu so với thơ Nguyễn Đình Thi, nó cũng chẳng kém cạnh gì. Nghĩa là có thể trộn lẫn được, kể cả hỗn lẫn xác. Và người ta lại ngạc nhiên, lại kinh ngạc. Lại thấy chị không tầm thường như người ta tưởng, Thao Trường cũng thế thôi. Cái truyện ngắn nào của anh đọc cũng thấy mến yêu. Câu văn anh khá đẹp.

Truyện ngắn Thao Trường như cô gái quê. Trông nét nào cũng xinh. Nhưng nhắm mắt lại thì khó nhớ. Đây là một dáng vẻ đã ổn định. Nó không hứa hẹn điều gì ở tương lai. Bởi thế, cuốn tiểu thuyết của anh ra đời mới là bất ngờ lớn.

Người: Nhưng tôi chẳng thấy có gì bất ngờ cả. Cuốn sách ấy ra đời là một sự tất yếu, Trong số các nhà văn quân đội về tập trung ở làng Khương Hạ khi vừa kết thúc chiến tranh, chuẩn bị theo học ở một trường đại học viết văn, tôi đặc biệt chú ý đến ba người, Đó là Lê Lựu, Xuân Đức và Thao Trường. Cả ba nhà văn này đều có thẩm mỹ văn chương rất chuẩn. Điều ấy, đối với một người viết là rất đổi quan trọng. Người hiểu văn chương thì đi một bước cũng tiếp cận được văn chương, Người không hiểu văn chương thì càng đi càng xa cái đích mình cần đến. Tôi nhớ hồi ấy, các nhà văn hay đọc tác phẩm cho nhau nghe. Thường nghe xong một truyện, Lê Lựu có thể tóm được ngay vấn đề mà theo anh, nhà văn cần phải nhấn, cần phải khai thác một cách triệt để. Xuân Đức có thể bài binh bố trận lại ngay tức khắc khi tác giả viết cái truyện không thành. Còn Thao Trường thì chỉ im lặng, tùm tùm cười. Nếu có nói, lão chỉ làm một câu cộc lốc: Được? Cái truyện được!

Hoặc: Hồng! Vứt bỏ nó đi. Cái truyện nhạt như nước lã, cô thế nào thành kẹo được!. Bạn viết rất tin lão. Coi lão như cái nhiệt kế văn. Lão lắc là họ vứt. Còn nói thì lão chẳng biết nói thế nào, Thao Trường là người không biết diễn giải!

Ma: Hồi chưa có cuốn tiểu thuyết, Khắc Trường tự thấy mình chỉ là con ong cái kiến.

Người: Đâu phải, Lúc bấy giờ đã có một loạt tiểu thuyết viết về nông thôn

gây được tiếng vang lớn. Người ta hòa nhau khen. Khắc Trường chỉ im lặng. Lão biết sự thực không phải thế. Cả người viết và người đọc, chẳng có ai hiểu được nông dân. Nông dân không phải vậy. Trên bàn viết của lão, lão chỉ treo ảnh có hai người. Đó là M. Sô-lô-khốp và Nam Cao. Một Tây. Một Ta. Cả hai ông khốt này đều viết về nông dân và viết rất bõm, Khắc Trường coi như hai ông Tổ và lão lặng lẽ đặt lên bàn thờ, còn trong truyện thường ngày, lão hay nhắc đến Nguyễn Khải. Lão có vẽ phước Nguyễn Khải. Lê Lựu cũng coi Nguyễn Khải là một bậc thầy, Với hai ông nhà văn này, Nguyễn Khải thực sự là một khối bí ẩn. Gặp nhau, họ lại bàn chuyện thầy Khải. Lê Lựu từng bỏ ra cả một chuyến đi thực tế chẳng thực tế gì cả. Anh chỉ tự nguyện làm một thằng điếu đóm, phục dịch thầy Khải, chỉ cốt xem đại sư phụ Nguyễn Khải hành nghề ra sao, Và rồi, qua cả cuộc đi anh vẫn không hiểu ra làm sao cả, Nguyễn Khải có tài phù phép rất đặc biệt, Hình như chuyện gì ở dọc đường, qua con mắt ông cũng thành văn được, Còn Khắc Trường thì định ninh, trước khi đi thực tế, Nguyễn Khải đã thủ sẵn một cốt truyện rồi. Đi thực tế là ông lấy cảnh sắc, con người làm xi-măng, vôi vữa trát lên cái cốt sắt mà ông đã tạo dựng từ trước đó. Bởi thế, chuyện đi nào Nguyễn Khải cũng có sách và cuốn sách nào cũng gây được tiếng vang. Chỉ tiếc cái tên sách rất dở. Nguyễn Khải dường như không biết đặt tên cho những đứa con tinh thần của mình.

Ma: Vậy ra... chẳng có ai hiểu được Nguyễn Khải?

Người: Tại sao lại không hiểu? Họ là học trò Nguyễn Khải. Và ở khoản tầm sư học đạo này, các đồ đệ tỏ ra rất kính yêu vị bồ tát của mình. Họ còn tò mò tìm hiểu xem sư phụ yêu ai, trọng ai?

Ma: Vậy Nguyễn Khải yêu ai?

Người: Ông ấy yêu Nam Cao và phục Vũ Trọng Phụng. Trong một lần trò chuyện với đám đồ đệ, Nguyễn Khải bảo, nếu phẩn đấu, ông có thể làm được thằng Chí Phèo, chứ thằng Xuân Tóc Đỏ thì ông chịu, không thể nặn ra được.

Ma: Thực ra, cả hai thằng du thủ, du thực ấy, Nguyễn Khải đều không tới gần được, Không phải vì Nguyễn Khải kém Vũ Trọng Phụng và Nam Cao, mà cái chính là tạng ông không phải thế. Tuy nhiên, trong hai bậc thiên tài ấy, Nguyễn Khải phục Vũ Trọng Phụng và thấy gần gũi với ông hơn, bởi suy cho cùng, Vũ Trọng Phụng là một nhà báo. Không phải chỉ ở vấn đề phản ánh mà ngay cả ở từng câu văn. Câu văn Vũ Trọng Phụng cũng là câu văn báo. Vũ Trọng Phụng có thể viết: Đêm nay, trăng to và sáng. Hoặc Rặng tre xanh đầu mùa hè. Tô Hoài cho đó là những câu văn gầy. Thực chất, nó là văn thông tấn, báo chí.

Người: Chả lẽ Nguyễn Khải lại mê câu văn báo chí?

Ma: Vì cũng như Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Khải là một nhà báo cò gồng!

Người: Nói lạ. Lại phải tranh luận thôi!

Ma: Sao các người lại cứ thích tranh luận nhỉ. Tôi chẳng tranh luận làm gì. Thời gian cũng thế thôi, cứ im lặng mà làm ngã ngũ các giá trị. Xin các người cứ xem ông Nguyễn Khải đi thực tế sáng tác thì rõ, ông ấy hỏi rất tỉ mỉ, rồi ghi chép cũng rất tỉ mỉ. Đó là lối đi của anh làm báo. Phát hiện thấy

có vấn đề gì hay, có thể viết được là ông bám luôn. Và như thế, có thể nói ngay rằng, trước khi đi thực tế, trong đầu Nguyễn Khải không có cái gì cả ông chẳng có khung, có cốt nào dựng sẵn hết, ông đi như một anh đánh giậm, được con cá nào xào con cá ấy. Mọi tác phẩm, của Nguyễn Khải đều đã có sẵn ở trong đời sống. Ông có biệt tài phát hiện vấn đề từ những câu chuyện hoàn toàn có thật. Sau nữa, là tài nghệ cắt tĩa, lắp ghép. Có cái truyện tự thân nó đã hay, Nguyễn Khải chẳng cần xào xáo gì, ông cứ chép nguyên xi và đề là truyện ngắn. Tôi đã thấy mấy truyện như thế. Nếu không có thời gian đi nghe ngóng, nhặt nhạnh ở thiên hạ, thì lôi mình ra viết. Ông viết về những người xung quanh, rồi viết cả về chuyện của những người ở trong nhà. Gặp gỡ cuối năm là chuyện của chính gia đình ông. Và đó là một kiệt tác của Nguyễn Khải. Chuyện chỉ xảy ra trong vài tiếng đồng hồ vào một đêm tất niên. Mấy người ở trong gia đình gặp mặt nhau. Họ là người trong một nhà, nhưng lại không cùng chính kiến. Có người là cộng sản. Có người làm việc cho chính quyền ngụy cũ. Vào cái thời khắc thay đổi, khi đất nước vừa giải phóng, họ gặp nhau cùng đón giao thừa. Câu chuyện diễn ra quanh bàn trà. Chuyện thời thế, chuyện chính trị, chuyện xã hội. Đủ mọi thứ chuyện từ gia đình đến quốc gia đại sự. Đối thoại rất sắc sảo. Tính cách từng nhân vật hiện lồ lộ. Đây là cái truyện Nguyễn Khải viết hay đến từng chữ. Rồi cũng như nhiều tác phẩm khác, ông cũng lại gán cho nó một cái tên rất thật thà, rất lười nhác là Gặp gỡ cuối năm. Rồi Khắc Trường, rồi Lê Lựu lại kêu oai oái: Cái lão này chẳng biết đặt tên con gì cả, Tại sao lão không lấy tên là Giao thừa. Cái tên vừa hay, vừa đúng với nội dung truyện, lại vừa có tính văn chương nữa, Nhưng nếu đặt, thế thì đâu còn là Nguyễn Khải. Nguyễn Khải cứ phải Gặp gỡ cuối năm kia. Cũng, như trước đây, ông từng đặt tên cho các tác phẩm của mình: Tháng ba ở Tây Nguyên, Họ sống và chiến đấu, Hoà Vang, Chủ tịch huyện, Chuyện anh tổ trưởng máy kéo. Hoặc

nghe như một cái xã luận: Tầm nhìn xa, Hãy đi xa hơn nữa. Đừng nghĩ Nguyễn Khải không biết đặt tên con mình, ông hiểu chúng hơn bất cứ ai, và ông gọi tên chúng thật chính xác, ấy là tên của những bài báo. Và như thế, có thể nói Nguyễn Khải là một nhà văn thông tấn: Nói vậy? không phải là phủ nhận ông. Xin các người chớ có hiểu lầm. Tôi đặt ông vào đúng vị trí mà ông có. ở trường phái văn chương thông tấn này, một mình ông một vị trí độc tôn, không có ai sánh được, và cũng không có ai học được, ông là một thái cực của chính đồ đệ ông - Nguyễn Khắc Trường.

Người: Nghĩa là thế nào?

Ma: Ngay trong cách đi thực tế, Khắc Trường đi như đi cho vui. Lão chẳng ghi chép gì. Lão nghe tất cả mọi chuyện một cách lơ mơ. Nghe cũng nghe cho vui, ở Thanh Hoá bấy giờ có bao nhiêu chuyện. Bao mâu thuẫn giằng xé. Làng đang vỡ nham nhở. Khắc Trường lang thang với cánh cự chiến binh, rồi nghe chuyện họ, chuyện làng. ở đó, Khắc Trường biết có một người phụ nữ rất đẹp, nhưng đa đoan lắm. Đó là hình bóng giúp lão hình thành nhân vật bà Son. Người ta rủ lão đến thăm người phụ nữ ấy. Nhưng lão không đi. Lão sợ bà Son thật sẽ làm hỏng mất bà Son văn chương mà, lão đang nhào nặn ở trong đầu. Rồi cốt truyện cứ hình thành dần. Lão khuan cái cốt ấy về quê lão, một vùng đất bán sơn địa ở Thái Nguyên. ở đó, lão thông thạo mọi góc ngách, thạo cả người, cả cảnh. Rồi lão đóng cửa hi hụi viết. Lão viết rất chậm. Cần mẫn như người thợ thủ công, lão tẩn mẩn đẽo gọt từng chữ, rồi lão cho vào cái lò bát quái, nhào luyện cùng với mồ hôi mình. Lão vừa viết, vừa le lé dòm kỹ từng con chữ đang thập thò ở đầu ngọn bút, thấy con chữ nào ánh lên màu mồ hôi lão, lão mới ươm ướm thả nó xuống mặt giấy. Bởi thế, văn Khắc Trường là thứ văn đẹp mà chắc, mang dấu ấn

tác giả rất rõ, chỉ ít nó cũng không lẫn với ai.

Người: Nhưng Khắc Trường không kỹ lưỡng như ông nghĩ. Thực ra khi viết, Khắc Trường cũng chẳng hình dung được cái truyện nó ra làm sao. Chính lão đã nói ra miệng, và nói cả trên mặt báo: Lão viết như người đi trong sương mù! Vừa đi vừa vén màn sương đó, Khi lão chui ra khỏi màn sương thì cũng là lúc hết truyện.

Ma: Bịa! Đừng có tin nhà văn. Những nhà văn có tài, thường họ cứ hay đùa, ông Somerset Maugham, một nhà văn kiệt xuất của Anh, có lần cũng tỏ ra thật thà lắm, ông ấy bảo: Ông ấy không có tài văn đâu, ông ấy chỉ là nhà văn hạng ba, chuyên kể chuyện thông thường. Thế là người ta đưa ông ra khỏi lâu đài văn chương, loại ông ra khỏi sách giáo khoa văn học. Phải đến, hai mươi năm sau, Somerset Maugham mới trở lại đúng với vị trí của mình.

Người: Somerset Maugham là một kỳ tài trong loại truyện ngắn viết dài. Có một xu thế chung là truyện ngắn đang bị kéo dài, ra. Còn truyện ngắn ở ta thì sao? Nếu chỉ chọn một nhà văn...

Ma: Thì đó chính là Ma Văn Kháng. Ông là một nhà văn lớn, có lẽ tôi là người đầu tiên nói ra câu này và tin là mình không lầm. Ông có hai truyện vừa vào loại khá: Côi cút giữa cảnh đời và Mùa lá rụng trong vườn. Trọng Mùa lá rụng... Ông ấy rất tinh, rất lọc lõi khi chạm vào đám đàn bà, còn đàn ông thì dường như ông ấy không hiểu họ. Nhưng truyện ngắn của Ma Văn Kháng mới thật đặc sắc Trong số những nhà văn hiện nay, Ma Văn Kháng là

người có nhiều truyện ngắn đạt đến tiêu chuẩn Nam Cao, ông rất chú trọng đến nhân vật và kết cấu.

Người: Kết cấu là một phương diện quan trọng vào bậc nhất của tiểu thuyết. Riêng cái khoản này. Khắc Trường lại vụng. Kết cấu cuốn sách hỏng. Bởi thế mà cuốn tiểu thuyết xộc xệch, lỏng lẻo. Khắc Trường đưa các nhân vật đến dự một cuộc mít-tinh, đúng lúc lão phải bước lên bục Kính thưa, thì lão lại chuồn. Các nhân vật ngơ ngác nhìn nhau, chẳng hiểu ra sao, rồi tự giải tán. Hình như lão sợ một cái gì đó.

Ma: Sợ gì?

Người: Lão sợ gì thì chỉ có một mình lão biết. Và lão thấy mình đi trong sương mù...

Ma: Chẳng có sương mù nào ở trước mặt Khắc Trường cả, ông ta nhìn thông suốt tới tận đích cuối con đường. Bên ngoài, tưởng xộc xệch, nhưng thực chất bên trong, ông ta bài binh bố trận rất tỉ mỉ. Không phải ngẫu nhiên, tiểu thuyết lại bắt đầu từ một mùa giáp hạt. Đối với nông dân, cái đói vẫn là vấn đề thời sự. Miếng ăn là ông giò. Cái làng có tiếng là bờ xôi, ruộng mật, hoá ra cũng đói vàng mắt. Từ cái đói ấy mà bao nhiêu cái ác sinh ra, Khắc Trường gọi cái ác là ma, ấy là theo quan niệm của ông ta, chứ nhân danh ma, tôi có thể nói ngay với các người rằng, ma không ác.

Người: Đây không phải quan niệm riêng, của Khắc Trường. Tôi rất sợ những trang tả ma, ông có sợ không?

Ma: Tôi lại sợ những trang tả người. Quả là khủng khiếp. Con người thiên biến vạn hoá. Ma làm sao có khả năng thế. Khi họ làm ma thì ma cũng phải sợ. Họ truy bức nhau, trả thù nhau, trả thù đến mức đào cả mả bố nhau lên thì khiếp thật, Khắc Trường viết rất kĩ lưỡng. Mọi tình tiết đưa ra đều được chuẩn bị cẩn trọng và đẩy đến tận cùng, ông ta tả đám tang cụ cố Vũ Đình Đại rất tỉ mỉ, rất chi li, ấy là để chuẩn bị cho cái đám tang lão Quềnh, một người nông dân nghèo khổ, khi con ma keo kiệt xuất hiện ở người em ruột, ông lão bị chôn quá chôn quá, chôn bó chiếu một cách rất thương tâm ở núi ông Bụt. Đoạn tả chuyện tình ái của lão Hàm cũng được ông ta gia công rất cẩn thận. Dưới con mắt ông ta, Hàm như con ngựa đực, và vốn là một thợ mộc, Hàm dùng hai ngón chân mình cặp chặt ngón chân vợ, rồi ghim xuống giường như bắt vít.

Người: Khi nghĩ được tình tiết này, Khắc Trường sướng lắm. Lão khoái trá kể với tôi. Rồi lão ngửa cái cổ rùa, cười hô hô. Tiếng cười nghe rất rộn. Tôi rùng mình quay lại. Mặt Khắc Trường nửa tối nửa sáng trong ánh nến hắt ra từ cái bàn nước. Con mắt lão sáng lấp lánh trong bóng tối. Quả thật, tôi không biết lão là người hay ma. Nhưng chắc chắn ý nghĩ ấy không phải là ý nghĩ người. Chỉ có ma mới nghĩ thế...

Ma: Có một nhân vật đến ma cũng không nghĩ ra được. ấy là cô thống Biệu, một lão thầy cúng ở làng. Cả đời cô chỉ làm mỗi một việc trị ma, là người cai quản phần âm cho cả một vùng đất. Cô bảo đám thợ cày: Đừng tưởng đất này đã hết ma, Ma còn sinh đôi, sinh ba nữa cơ đấy?, Rồi cô nhớ hôm chia ruộng, chả ai chịu nhả miếng nào. Vợ chồng cũng thách nhau. Anh em ruột

cũng đâm bổ vào nhau. Nhìn chẳng thấy người. Toàn là ma cả. Rồi ma dọa người. Rồi người nát cả ma. Đến thế thì lão thầy cúng chịu rồi. Lão chỉ có khả năng trị được ma chết, chứ ma sống thì lão chịu. Bao nhiêu bùa ngải của lão đều hết phép. Khi con người đã hoá ma, và quyền lực nằm ở trong tay ma thì thật kinh khủng. Một người tốt bụng, đẹp đến như bà Son, cuối cùng cũng phải tìm đến cái chết để tự giải thoát. Và cả đến khi chết rồi, bà cũng đâu đã thoát. Những con ma sống còn lấy cả cái chết của bà làm vũ khí dồn đuổi nhau, sát phạt nhau. Đến thế thì chẳng thầy phù thuỷ nào trị được. Cô thống Biệu phải giải nghệ, phải liệng hết các bát hương xuống sông. Mỗi bát hương là một vị thần. Các ngài sinh ra từ đất thì bây giờ lại phải trở về với đất các ngài đi trước, rồi đồ đệ ngài theo sau, Cô thống Biệu trút hơi thở cuối cùng khi người ta đang chia đất, ma nổi đầy đồng. Toàn những con ma sống mà không bùa nào trị được.

Người: Có người bảo: Khi bà Son chết là hết chuyện. Lẽ ra Khắc Trường nên kết thúc cuốn tiểu thuyết ngay sau cái chết của bà Son.

Ma: Nếu thế, thì cái truyện chỉ là chuyện tình ái thông thường. Khắc Trường đâu có viết về chuyện ấy, ông ta quan tâm đến những vấn đề lớn hơn, cấp thiết hơn: Vấn đề ấy lại lặn vào cốt truyện, vào nhân vật và số phận nhân vật, Khắc Trường có nhiều đoạn tả cảnh rất đặc sắc. Như đoạn tả vàng trắng ma quái bơi trong sương mù ở trên lều lão Quênh, đoạn cô Đào đi trong đêm giữa hai cánh lúa. Những con cào cào thấy động, bay tấp vào mặt cô, với những cái chân ram ráp hôi nồng mùi cỏ non sau mưa. Nếu không am hiểu làng quê, Khắc Trường khó mà viết được những trang sinh động như vậy. Tất nhiên, đây chỉ là những chi tiết rất nhỏ, nhưng chính vì thế mà nó rất quan trọng. Có khi những chi tiết nhỏ, lại làm, nên tác phẩm lớn, nhà văn

lớn

Người: Bởi thế, trong tình trạng khủng hoảng của tiểu thuyết hiện nay, Khắc Trường là cây bút được bạn đọc trông đợi.

Ma: Tôi thì chẳng chờ đợi gì ở ông ta cả, Khắc Trường không viết nữa.

Người: Nói lạ. Lão đang thai nghén một cuốn tiểu thuyết mới. Cuốn sách hấp dẫn lắm. Đầy bất ngờ. Chính lão kể với tôi...

Ma: Bịa đấy, ông ấy không viết nữa đâu!

Người: Tại sao ông nói thế?

Ma: Vì Khắc Trường rất lười. Thêm nữa, ông ấy quá thoả mãn với cuốn sách của mình. Khắc Trường đánh lên một tiếng trống. Tiếng trống nổ ưỳnh như một phát súng cối. Thế rồi, thay cho việc đánh tiếp, ông ta quăng dùi và chui luôn vào ngõi chòm chổm ở trong trống. Bây giờ thì trong tai ông ấy chỉ u u âm âm cái tiếng trống ông ấy đã đánh từ mười năm trước, ông ấy chẳng còn nghe thấy gì khác ngoài âm vang của chính mình...

Người: Ông chẳng hiểu gì Khắc Trường cả! Xin hãy bình tâm chờ đợi...

Ma: Vậy thì ông cứ ngồi mà chờ đợi, Còn tôi thì tôi đi ngay đây! (Lặn hút vào sương mù).

* *

Cuộc trò chuyện vẫn còn dang dở, nhưng đã được ghi lại chính xác. Tôi không nhớ rành rọt nó diễn ra ở đâu, trong thời gian nào. Hình như vào một đêm thượng tuần lãng đẵng khói sương, bên hồ sen, trước một ngôi đình đã tàn úa ở một làng trung du. Chẳng hiểu vì lẽ gì, tôi đã ra đấy và... gặp ma. Chẳng có cái gì mà ma không biết. Tất nhiên, tôi chả dại mà tin tất cả những gì ma nói.

Nhưng ở đời, ngay một điều sai, ta hãy lắng nghe, sẽ nhận ra ở trong ấy có ít nhiều sự thật, mà sự thật thì bao giờ cũng quý, và... chẳng dễ lọt tai người. Hơn nữa, trong văn học cũng như trong khoa học, không bao giờ có tiếng nói cuối cùng. Nhưng thôi, bần khoản về điều ấy mà làm gì.

THỜI GIAN SẼ ĐỊNH ĐOẠT HẾT THẢY. Riêng điều ấy thì tôi tin, ma đã nói rất đúng.

Hà Nội, tháng 7, 1998

Trần Đăng Khoa

Chân Dung và đối thoại

Bài 7

Marian Tkachop và Nguyễn Tuân....

ở nước Nga, thời Liên Xô cũ, một nhà văn có đến mười cuốn sách đã có thể được xem như một tác giả lớn. Marian Tkachop có số lượng sách nhiều gấp đôi, gấp ba như thế, nhưng nói đến anh, người ta vẫn nghĩ anh là một dịch giả, một chuyên gia văn học Việt Nam, và hơn thế, có người còn gọi anh là nhà Việt Nam học.

Marian gắn bó sâu sắc với Việt Nam. Anh tốt nghiệp tiếng Việt, khoa phương Đông, Trường đại học Tổng hợp Lômônôxốp năm 1956. Năm 1962, lần đầu tiên Marian sang thăm Việt Nam. Cũng trong chuyến đi này, anh vinh dự được gặp Bác Hồ. Bác tiếp anh ngay trong phủ Chủ tịch và buổi trưa anh còn được Bác mời lại ăn bữa cơm đạm bạc với Người. Đây là bữa cơm mà có lẽ suốt đời Marian không thể quên được. Trên mâm cơm của vị lãnh đạo cao nhất nước Việt Nam dân chủ cộng hoà chỉ vẹn vẹn có đĩa cà pháo, ba khúc cá kho và một bát canh tôm nấu với bầu. Đây là bữa cơm bình dị như bữa cơm của bất cứ một người nông dân Việt Nam nào. Cũng theo lời Marian thì bữa đó, Bác vui lắm. Bác chúc mừng anh sang thăm Việt Nam. Bác còn khuyên anh dành nhiều thời gian tìm hiểu phong tục, tập quán và văn hoá của người Việt. Để trở thành một dịch giả giỏi, không phải chỉ có

giỏi tiếng Việt, phải tinh thông nhiều thứ lắm. Bác nói với Marian, khi thì bằng tiếng Pháp. khi thì bằng tiếng Nga. Còn câu này thì Bác hỏi anh bằng tiếng Việt:

- Trong các nhà Văn Việt Nam mà chú biết, chú thích đọc ai nhất?

Marian nhắc đến Nguyễn Tuân. Bác Hồ cười:

- Giỏi! Thế thì chú giỏi. Thích được Nguyễn Tuân thì phải là người rất sành tiếng Việt. - Rồi Bác dừng lại, nheo mắt bình phẩm - Cái ông nhà văn mà chú thích ấy, ông Nguyễn Tuân ấy, ghê gớm lắm đấy!

Marian mang câu chuyện đó kể với Nguyễn Tuân. Nguyễn Tuân rất lấy làm khoái chí. Cái ông nhà văn vẫn có tiếng là khùng khiêng này, hoá ra lại rất hồn nhiên. Hồn nhiên như trẻ con. Lúc đó Nguyễn Tuân thực sự là một đứa trẻ cao tuổi. Ông đổ can cộc cộc xuống nền gạch hoa ở phòng khách Hội nhà văn và nói với giọng khoái chí:

- Này, này, nghe này! Nghe Marian kể chuyện Cụ Hồ này. Marian! Kể lại đi! Kể lại chuyện Cụ Hồ bình phẩm Nguyễn Tuân cho mọi người nghe đi!

Marian rất yêu Nguyễn Tuân. Không những yêu mà còn sùng kính nữa. Lần nào gặp tôi anh cũng kể chuyện cụ Nguyễn. Căn nhà Marian ở Maxcova, từ lâu đã trở thành bảo tàng Nguyễn Tuân. ở đó, có bao nhiêu hiện vật của cụ: cái mũ, chiếc can, cái tàu, chén sứ uống rượu, cái bánh-tô cụ khoác khi sang thăm nước Nga. Rồi những cuốn sách, thư từ, bưu thiếp, chữ ký. Tất cả đều được bày đặt trang trọng trong tủ kính. Marian trở thành hướng dẫn viên của

cái bảo tàng mi-ni này.

- Cụ Nguyễn lạ thật, - Marian chặc lưỡi, - ở Việt Nam có đến hàng trăm nhà văn họ Nguyễn. Chẳng ai lấy họ ra để gọi thay cho tên. Duy chỉ có Nguyễn Tuân. người ta gọi anh Nguyễn, bác Nguyễn, rồi cụ Nguyễn. Chỉ cần gọi Nguyễn, ai cũng biết đấy là ông cụ. Thư cho tôi, ông cụ cũng chỉ ký có mỗi chữ Nguyễn. Lạ thật! Anh thấy có lạ không?

Marian quay hỏi tôi. Rồi không đợi tôi trả lời, anh lại hạ thấp giọng. gần như là thì thầm :

- Có một lần, tôi dẫn Nguyễn Đình Thi đến nhà Cônxlantin Ximônôp. Cô cháu gái - đích tôn của Ximônôp ra mở cửa đón ông nhà văn lớn của Việt Nam.

Tôi chỉ Nguyễn Đình Thi hỏi: Có biết ai đây không? Cô bé nhún vai một cái rất điệu: "Cháu biết chứ, bác ấy thì ai mà chẳng biết. - Rồi cô gái quay sang Nguyễn Đình Thi, kính cẩn: - Cháu chào bác Nguyễn Tuân!"

Manan cười sùng sục. - "Đấy. nó chào Nguyễn Đình Thi như thế đấy: Cháu chào bác Nguyễn Tuân. Với con bé, người - Việt Nam nào cũng là Nguyễn Tuân hết!"

Marian thoáng trầm ngâm, rồi anh lại cười:

- Có lần, tôi dịch xong cuốn sách của Nguyễn Tuân. Tôi sướng lắm. Tôi quyết định mang sách sang biếu cụ. Nhưng ông cụ chẳng tỏ ra phần khởi gì.

Mặt ông cụ lạnh băng. Rồi ông cụ quay sang con trai: "Này, mày gọi ngay thằng Cự đến đây cho tao!". Phạm Vĩnh Cự chắc anh biết chứ. Ông ấy hiện là hiệu phó Trường viết văn Nguyễn Du. Ông Cự giỏi tiếng Nga lắm. Ông ấy nói tiếng Nga bằng ngôn ngữ của giới quý tộc. Phạm Vĩnh Cự là ông quý tộc Nga thế kỷ XIX. Giỏi lắm. - Marian lắc lắc cái đầu hói bóng chỉ lơ vơ vài sợi tóc bạch kim ở hai bên tai. - Thế nên, tôi run lắm: Khi Cự tới cụ Nguyễn lấy cái đầu can đập đập vào cuốn sách của tôi: "Cự, mày thử dịch lại cho tao nghe, xem cái thằng này nó... nó xuyên tạc Nguyễn Tuân như thế nào?".

Tôi bắt đầu thấy hoảng thật sự. Cự liú ríu dịch lại. Cụ Nguyễn nghiêng một bên tai nghe, dáng vẻ như một nhà kịch sĩ, rồi cụ gật đầu, vẻ hài lòng. Nhưng ông cụ chẳng khen tôi một lời nào hết: Cụ chỉ thùng thảng bảo: "Được! Các cụ Hà Nội bảo được". Đối với tôi, đấy là một buổi chiều vô cùng hạnh phúc.

Nguyễn Tuân mất, Marian bàng hoàng đến hàng tháng trời. Chính anh đã thảo bức điện chia buồn gửi Hội nhà văn Việt Nam in trên tờ Văn học Xô-viết. Marian dành cho Nguyễn Tuân những lời đánh giá sang trọng nhất mà người ta chỉ có thể dành cho những bậc thiên tài. Anh gọi Nguyễn Tuân là nhà văn vĩ đại của thế kỷ 20. Đối với Nguyễn Tuân, một nhà văn tài hoa và độc đáo như ta đã biết - có lẽ cũng chẳng bao giờ nghĩ đến một ngày mình được ngợi ca như thế. Tình cảm của Marian đối với Nguyễn Tuân thật là nồng nàn.

Khi tôi rời nước Nga, trở về Tổ quốc sau sáu năm du học, trước khi bay một ngày, Marian mời tôi đến nhà riêng của anh: - "Tôi muốn anh đến ăn Tết

trước với tôi!". Marian nói, rồi đưa tay kéo tấm rèm che cửa để ánh sáng của một buổi chiều cuối năm ủa vào căn phòng bẽ bộn những sách và đầy ắp Nguyễn Tuân.

Chưa có dấu hiệu gì của Tết. Dưới kia, khu vườn trụi lá. Những bóng cây đen trũi như bị cái giá lạnh thiêu cháy. Tuyết vẫn lãnh đạm và đứng đưng. bay chênh chếch qua khung cửa sổ. Còn năm ngày nữa mới đến cái Tết của Marian. Nhưng trên bàn, Marian đã bày cây thông treo bùng biêng những chùm quả thuỷ tinh nhóng nhánh. Một mâm com thuần Việt, có bắp cải luộc, thịt nướng và nước mắm Phú Quốc.

- Tôi buồn quá, buồn quá. ông Khoa ạ. Thế là lại vắng thêm một người Việt nữa có thể nói chuyện được. Cụ Nguyễn bỏ tôi mà đi rồi. Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài cũng đã nghỉ cả. Chẳng ai còn gửi sách báo cho tôi nữa. Tôi là chuyên gia văn học Việt Nam mà chẳng biết văn học Việt Nam bây giờ ra sao?

- Vâng, tôi hiểu! Tôi hiểu, anh Marian ạ. Tôi đã đề nghị phòng văn hoá, Đại sứ quán chuyển đều đặn sách báo văn học cho anh. ở đó không thiếu gì cả.

- Bây giờ. quả thật là chẳng còn biết thế nào. - Marian cười buồn. - Tôi có cái mũ phớt mua ở Mỹ. Cái mũ đẹp lắm. Bạn tôi đưa đi mua. Tôi mải cả buổi chiều mới chọn được ở New York một cái mũ ưng ý. Thế mà hôm qua đi trên phố Tverxcaia, một thằng thanh niên nhắc luôn cái mũ của tôi, đội lên đầu rồi cứ điềm nhiên đi qua trước mặt tôi. Một đứa khác lại lấy cán ô gõ lên đầu tôi. Nó làm như đầu tôi là cái mõ làng, bạ đứa nào cũng có thể gõ được. Bậy quá! Cái bọn côn đồ này, cứ phải quật cho chúng mấy can của cụ

Nguyễn thì mới xong. Tôi buồn quá!

Khi tiễn tôi xuống đường, Marian như chợt nhớ ra điều gì. Anh trở lại phòng, rồi một lúc sau, anh lệnh khệnh bước ra, tay xách theo một chai rượu Wishky.

Marian vốn rất thích rượu.

- Tôi có món quà này. Tôi mua từ Mỹ đấy, chỉ có mỗi một chai thôi. tôi vẫn để dành, không dám uống. Giờ thì tôi muốn nhờ anh chuyển biếu cụ Nguyễn Tuân...

- Trời ơi, Marian, anh làm sao thế? - Tôi kêu lên sững sốt. - Cụ Nguyễn mất rồi mà! Anh không nhớ cụ Nguyễn đã mất rồi sao?

- Vâng, tôi biết! Tôi biết chứ. Cụ Nguyễn mất rồi. Nhưng như thế không có nghĩa là lừ nay, ông cụ không còn được uống rượu nữa! Nên vậy, tôi mới nhờ anh. Anh rót giùm tôi chai rượu này xuống mộ cụ, và hãy nói giùm tôi rằng: Marian vẫn rất nhớ cụ. Marian có chén rượu nhạt mời cụ đây...

Trần Đăng Khoa

Chân Dung và đối thoại

Bài 8

Ngày Tết

Độc 5 Bài THƠ lục bát

Ngày Tết, người ta thường đến thăm nhau, chúc tụng nhau với cái bắt tay nồng nhiệt. Đây là một cử chỉ thân thiện.

Tôi cũng đến với bạn đây. Và sau lời chúc bạn một năm mới an khang thịnh vượng, tôi cũng tin cậy trao cho bàn tay thân thiện của tôi. Đó là 5 bài thơ lục bát mà tôi rất đối yêu mến này. Nó là 5 ngón tay trên một bàn tay. ở đây, tôi không làm cái việc lẩn thẩn là đo đếm độ dài ngắn. Tôi chỉ biết đây là 5 ngón tay trên một bàn tay. Bởi vậy mới là 5. Chỉ 5 thôi, không thể 4, 3 hay 6. Ngày Tết, tin cậy và yêu mến nhau, không lẽ tôi lại trao cho bạn một bàn tay dị dạng.

Nhưng tại sao tôi không chọn 5 bài ở các thể thơ khác nhau cho đa dạng, đỡ nhàm tẻ, mà lại cứ phải lục bát? Muốn bảo vệ thể thơ dân tộc này ư? Không! Lục bát chẳng cần tôi bảo vệ, lưu giữ, nó vẫn trường tồn. Còn dân tộc - thì đâu cứ phải lục bát mới dân tộc? Có khi thơ viết theo thể lục bát - một thể thơ thuần túy dân tộc mà vẫn cứ lai căng, chẳng dân tộc tí nào. Nhưng thôi, chuyện đó ta sẽ bàn vào một dịp khác. Tôi chọn lục bát, vì nó thân thuộc, gần gũi với người Việt ta. Nói như nhà thơ Nguyễn Đình Thi, lục bát là hơi

thở của người Việt. Nó tự nhiên như hơi thở con người, bởi thế câu thơ mới so le, dài ngắn không đều. Hít vào thì ngắn. Thở ra thì dài. Lục bát là cái nhịp hít vào, thở ra ấy. Chẳng biết có đúng không? Bởi nghĩ đi thì thế, nghĩ lại thì chẳng cứ gì người Việt Nam ta, mà người da trắng ở Airolen, người da đen ở Công-gô, cũng hít vào thì ngắn, thở ra thì dài như mình, nhưng sao họ không có thơ lục bát, âu cũng là cái bí hiểm của thi ca, phải bàn vào lúc khác thôi.

Đây là một thể thơ thông dụng, rất dễ viết, ai cũng có thể viết được, kể cả những người ít học, thậm chí nhiều bà con không biết chữ cũng có thể làm được lục bát. Nhưng viết lục bát cho hay thì lại khó vô cùng. Sau kiệt tác Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du, với lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu, những tưởng lục bát đã khép lại, không ai còn dám bén mảng đến chân cái toà lâu đài châu ngọc mà nội thất toàn gấm thêu ấy nữa. Nhưng đâu có phải. Nó còn mở bao nhiêu cánh cửa, hướng ra cõi vô biên. Lục bát còn thử thách bút lực các thi sĩ. Nói một cách thông thái như nhà văn Nguyễn Tuân: Anh là nhà thơ Việt Nam ư? Vậy anh hãy chiêng ra cho tôi mấy câu lục bát của anh, tôi sẽ nói ngay anh là hạng thi sĩ thể nào?

1 QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM

Nguyễn Đình Thi là một nghệ sĩ và là một nhà văn hoá lớn. Nói như nhà văn Kim Lân, đó là người mà cái tài thì đàn ông ghen, cái tình thì đàn bà ghen. Một người như thế, sống được, kẻ cũng vất vả. Nguyễn Đình Thi là người đa tài, ông viết văn, soạn kịch, làm thơ, viết nhạc, làm lý luận. Ở lĩnh vực nào,

ông cũng có thành tựu, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển của từng thể loại đó. Nhưng cũng bởi sự đa tài này mà rồi chính ông lại tự che khuất ông. Khi cần ngấm ông ở thể loại này, lại thấy ông lấp lánh sáng ở thể loại khác. Cũng vì thế, có nhà phê bình nghiên cứu, chẳng biết xếp ông vào đâu, ở thể loại nào, ông cũng có đóng góp, nhưng rồi ngay trong chính thể loại ấy người ta cũng thấy ông khiêm nhường đứng khuất sau những bóng dáng khác.

Riêng ở lĩnh vực văn chương, ông là một thái cực của Nguyễn Tuân và Tô Hoài, Trong lúc Nguyễn Tuân gò lưng luyện chữ, sáng tạo chữ, muốn đưa ra những con chữ tưởng như hoàn toàn mới, thì Nguyễn Đình Thi lại cố gắng xoá hết những chữ mới đi, để trang văn phẳng lì, không còn cợn lên một chữ nào nữa. Bởi thế ông thường chọn những chữ mòn nhẵn, bạc phéch, mang tính khái niệm, những con chữ mà các thi sĩ khác vứt bỏ, vì sợ không dám dùng, nó như những thửa ruộng bạc màu, hoang hoá, không có dấu hiệu hứa hẹn mùa màng. Nguyễn Đình Thi lại chọn chất liệu ấy để tạo dựng tác phẩm, ông muốn bạn đọc đến với ông một cách tự nhiên thoải mái. Chân cứ thung thăng bước mà không sợ bị vướng vào câu, tay cứ tự do vung mà không ngại bị va phải chữ, để đến nhanh hơn cái đích mà ông muốn gửi gắm, chuyển tải. Mọi cố gắng của Nguyễn Đình Thi là để làm một nhà văn không có chữ. Đây dường như là một chủ định của ông. Một người nước ngoài, học tiếng Việt, chỉ cần biết dăm, bảy trăm tiếng là đã có thể đọc được toàn bộ thơ văn Nguyễn Đình Thi. Cái hay của thơ Nguyễn Đình Thi không nằm ở chữ. Nó là cái hồn phẳng phất ở đằng sau những con chữ bạc phéch kia. Bởi thế phân tích thơ ông mà lại mang câu, chữ ra mổ xẻ là một việc làm không phải, ông bộc lộ tài năng mình rực sáng hơn cả là ở trong thơ ca. Tuy vậy, thành tựu của thơ ông lại không nằm ở thể lục bát:

Việt Nam đất nước ta ơi

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

Cánh cò bay lả rập rờn

Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều

Quê hương biết mấy thân yêu

Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau

Mặt người vất vả in sâu

Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn

Đất nghèo nuôi những anh hùng

Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên

Đạp quân thù xuống đất đen

Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa

Việt Nam đất nắng chan hoà

Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh

Mắt đen cô gái long lanh

Yêu ai yêu trọn tâm tình thuỷ chung

Đất trăm nghề của trăm vùng

Khách phương xa tới lạ lòng tim em

Tay người như có phép tiên

Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ

Nước băng khuâng những bên đò

Đêm đêm còn vọng câu hò Trương Chi

Đói nghèo nên phải chia ly

Xót xa lòng kẻ rời quê lên đường

Ta đi ta nhớ núi rừng

Ta đi ta nhớ dòng sông vỗ bờ

Nhớ đồng ruộng, nhớ khoai ngô

Bát cơm rau muống quả cà giòn tan...

II. NHỚ

Bằng Việt đến với chúng ta từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Anh nổi tiếng ngay từ những bài thơ đầu tiên: Bếp lửa, Về hoả tuyến thăm con. Thông thường mỗi nhà thơ trẻ xuất hiện, bao giờ cũng có đằng sau một thi sĩ lớn, một nhà phê bình lớn đi kèm, Xuân Diệu có Thế Lữ, Nguyễn Duy có Hoài Thanh, Thanh Thảo có Chế Lan Viên, Phạm Tiến Duật và tôi có Xuân Diệu. Bằng Việt chẳng có ai. Anh cũng chẳng có giải

thường văn học nào để đảm bảo. Anh là một ca tương đối đặc biệt. Giữa những năm chống Mỹ, với bầu không khí ồn ào súng đạn, khói lửa, Bằng Việt mang đến cho thơ một khoảng tĩnh mịch, thanh vắng của một tu viện. Chính cái vẻ thanh vắng, tĩnh lặng này đã cho anh một vị trí trong văn đàn. Đọc anh, tôi cứ hình dung một chàng trai sinh viên cổ đô, trắng trẻo đến xanh xao, suốt ngày ngồi trong phòng kín, bao quanh là bốn bức tường sách vở âu, á.

Cuộc sống phải xuyên qua bốn bức tường sách vở ấy mới đến được với anh. Và rồi, anh đi giữa hè đường bụi bặm hay giữa nghị trường trang nghiêm, vẫn với gương mặt ngơ ngác xanh xao của sách vở. Đây là chân dung Bằng Việt do chính anh tự hoạ:

Từ ánh nê-ông xanh biếc buổi chiều

Đến hơi mưa trong khóm hoa màu tím

Gáy sách cũ xếp chồng như kỷ niệm

Lá thiệp mừng đám cưới mát trên tay

Thật nhàn tản, dài các và vui vẻ. Thơ Bằng Việt mang cái dáng vẻ nhàn tản, dài các này. Nó là một dạng thơ thính phòng. Bài Nhớ mà bạn đọc dưới đây

cũng là một bài thơ như thế. Mặc dù, bài thơ này Bằng Việt viết trong những năm bom đạn ác liệt lại viết ngay giữa chiến trường khói lửa nóng bỏng. Thơ cũng có đạn bom, sốt rét, cũng mái lán của lnh lợp bằng lá gồi, cũng rừng già với đá núi, những chất liệu bề bộn của đời sống chiến trường, mà rồi vẫn tịch mịch, tĩnh lặng và nhàn tản. Toàn bộ thơ Bằng Việt có lẽ là như vậy. Chẳng thế mà một thi sĩ trẻ, khi đọc xong tuyển tập Phía nửa mặt trăng chìm chất lọc trong cả đời thơ của anh, đã xếp anh, cùng với văn chương Đỗ Chu sang phía... Tác phẩm tuổi xanh. Giữ được vẻ thanh xuân của văn chương khi tuổi đã xế bóng ư? Tôi nghĩ đây đâu phải là một lời chê khéo...

Lá gồi lợp kín ba gian

Rừng sâu, những buổi chiều càng lắng sâu

Uớc gì cơn sốt qua mau

Để ngồi yên được lâu lâu cùng chiều

Cây cao chi động nắng nhiều

Em xa chi, nặng lòng yêu thế này

Ngờ như cách mây tầm tay

Mà ra thành mấy ngàn ngày đạn bom

Ngược xuôi đá núi đã mòn

Chút phân vân tuổi trẻ đã qua

Em như một bóng cửa nhà

Sau gian lao đủ ngõ là bình yên

Em như đóm lửa ưu phiền

Biết lo toan để nỗi niềm ngày vui

Em như lớp lớp sóng đời

Đang cay động lại ngọt bùi theo đi...

III. BỜ SÔNG VẮN GIÓ

Sau Châm chậm tới mình(*), Trúc Thông bắt đầu chạy Maratông(*). Có lẽ do mặc cảm, lại lo ngại đường xa, nên anh chạy quá nhanh. Nhanh đến mức

tất cả thành loài nhòa. Anh chẳng còn nhìn thấy ai, và cũng chẳng để cho ai nhìn rõ anh. Có điều cái đích mà anh cần tới lại nằm xa dần ở phía... sau lưng: Bờ sông vẫn gió... ấy là nơi mẹ anh vẫn thường đi về. Bây giờ, bờ sông vẫn gió, nghĩa là cảnh vật vẫn thế, chỉ vắng mẹ thôi. Vốn là người con hiếu thảo, nhớ thương mẹ, Trúc Thông trở về, đi thập thững trên con đường xưa mẹ đi, anh quên mất mình là nhà cách tân. Và vì thế. anh đã cho chúng ta một bài thơ khá hay. Đây là bài thơ hay nhất trong đời Trúc Thông. Và bài thơ lại viết theo lối cổ điển, chả cách... một tý nào. Lời chất. ý sâu. Câu chữ như rút ruột mà thành.

Bài thơ vừa ra đời, bạn đọc đã đón nhận nồng nhiệt. Và ngay lập tức, người ta sẵn sàng quên đi những chỗ còn khiếm khuyết của nó, và đồng thời cũng quên luôn cả những bài thơ được gọi là cách tân của anh.

BỜ SÔNG VẪN GIÓ

Chị em con kính dâng hương hồn mẹ

Lá ngô lay ở bờ sông

bờ sông vẫn gió,

người không thấy về

xin người hãy trở về quê

một lần cuối... một lần về cuối thời

về thương lại bến sông trôi

về buồn lại đã một đời tóc xanh

lệ xin giọt cuối để dành

trên phần mộ mẹ nương hình bóng cha

cây cau cũ, giải (**) hiên nhà

còn nghe gió thổi sông xa một lần

con xin ngăn lại đường gần

một lần... rồi mẹ hãy dần dần đi...

(*) Tên hai tập thơ của Trúc Thông

(**) Giải: cái giải, một thứ như bình phong đan bằng tre dựng trước hiên nhà ở những vùng quê Bắc Bộ.

Iv. LỜI THỀ CỎ MAY

Giữa lúc người ta xuôi về thành phố, thì Phạm Công Trứ lại ngược ra ngoại ô, trở về làng quê, và rồi anh cứ đi mãi, đi hút mãi về xứ dân gian, ở đó anh gặp Nguyễn Bính, và ngay lập tức, anh đã bị ông thi sĩ đồng hương này bắt mắt hồn! Bởi vậy, có một nhà thơ ở bậc đàn anh, đọc xong Trứ bảo: Đời đã có một Nguyễn Bính rồi. Có nên cần thêm một Nguyễn Bính hạng hai, hạng ba nữa không? Nói thế thì oan cho Trứ quá. Anh đâu phải Nguyễn Bính. Dù có khoác tấm áo the, có đội cái khăn xếp xưa của Nguyễn Bính cũng đâu đã phải là Nguyễn Bính. Hãy xem cô gái nhà quê ra tỉnh này về thì rõ. Cái áo chèn, cái quần bò đã khác xa cái áo the quần lĩnh cổ cài khuy bấm ngày xưa, chí ít cũng là sự khác biệt về một trang phục của thiếu nữ ở hai thời.

Dẫu khác thế, người đọc Phạm Công Trứ vẫn cứ nhớ đến Nguyễn Bính. Giá không có Nguyễn Bính, có lẽ Phạm Công Trứ đã có một cái chiếu trải giữa làng văn rồi. Nhưng cái chiếu Trứ đang ngồi vào hiện nay, Nguyễn Bính đã ngả bóng mình xuống đó cách đây nửa thế kỷ. Bởi thế, thơ Trứ có chỗ quả cũng cóm nắng, xanh xao. Thiết tưởng, Trứ cũng có thể bắt chước người xưa, ngửa mặt lên trời mà than rằng: Trời đã sinh ra Trứ, sao trước đó còn sinh ra Bính?

Làm sao quên được tuổi thơ

Tuổi vàng, tuổi ngọc - Tôi ngờ lời ai

Thủa ấy tôi mới lên mười

Còn em lên bảy theo tôi cả ngày

Quần em dệt kín bông may

áo tôi đứt cúc mực dây tím bầm

Tuổi thơ chân đất, đầu trần

Từ trong lâm láp, em thăm lớn lên

Bây giờ xinh đẹp là em

Em ra thành phố dần quên một thời

Về quê ăn tết vừa rồi

Em tôi áo chèn, em tôi quần bò

Gặp tôi, em hỏi hững hờ

Anh không lấy vợ, còn chờ đợi ai?

Em đi để lại chuỗi cười

Trong tôi vỡ một khoảng trời pha lê

Trăng vàng đêm ấy bờ đê

Có người ngồi gỡ lời thẻ cỏ may

V. CHỢ BUỒN

Đồng Đức Bốn đã là tác giả của hai tập thơ dày dặn mà trong đó phần lớn là thơ lục bát. Dường như lục bát là thể thơ sở trường của anh. Anh viết rất nhuần nhuyễn, điêu luyện. Nếu ví thi sĩ như một người thợ kim hoàn mà bậc cao nhất là 7/7, thì Đồng Đức Bốn là ông thợ vàng có tay nghề ở bậc 9/7. Giời hảo tâm, phóng khoáng trao cho anh đôi tay lão luyện nhà nghề, nhưng lại hại anh, chẳng cho anh một chút nguyên liệu vàng nào. Đi vào thế giới thơ anh, tôi có cảm giác bước vào một toà lâu đài sáng choang những vàng thoi, vàng nén, nhìn chỗ nào cũng óng ánh cả, ánh vàng ấy có thể làm loá mắt, choáng ngợp nhiều người, Nhưng nếu cứ bình tĩnh, nhắm mắt lại mà nhìn, và lấy đầu bút khẽ gõ vào toà lâu đài của anh thì thấy chúng không phát ra những âm thanh của kim ngân. Hoá ra đó là thứ vàng mạ. Anh mang đồng, chì, kẽm, và đôi khi, anh vác cả đất sét ra để mạ vàng. Tuy nhiên, mạ được vàng những thứ ấy, đâu phải là dễ.

Chợ buồn đem bán nhưng vui

Đã mua được cái ngậm ngùi chưa em

Chợ buồn bán nhớ cho quên

Bán mưa cho nắng, bán đêm cho ngày

Chợ buồn bán tỉnh cho say

Bán thương suốt một đời này cho yêu

Tôi giờ xa cách bao nhiêu

Đem thơ đổi lấy những chiều tương tư...

Đến đây, chắc có bạn hỏi: Vì sao trong thơ lục bát Việt Nam, tôi lại chọn 5 bài thơ này? Cũng như 5 ngón tay trên một bàn tay, mỗi người sẽ có một cách giải thích khác nhau, Vì thế, mới sinh ra khoa bói tay. Chỉ có điều, tôi rất yêu bàn tay của mình. Và bạn ngấm lại xem, có thể cũng chính là bàn tay của bạn đấy. Còn nếu muốn ư? Tôi muốn các ngón tay đều thon thả búp măng, in những đường vân dành cho các đấng vua chúa...

Tết 1996

Trần Đăng Khoa

Chân Dung và đối thoại

Bài 9

Nguyễn Đức Mậu và CHÍ PHÈO MẤT TÍCH

(Trò chuyện với Lê Lựu)

Cứ ngỡ là Chí Phèo đã chết rồi, chết từ ngày ông Nam Cao vẫn còn đang sống. Chí chết là hết chuyện! Nào ngờ bàn dân thiên hạ vẫn xôn xao kể chuyện Chí. Chí lấy vợ, Chí đi học bên Tây, Chí làm nghiên cứu sinh, Chí nhảy lên ghế lãnh đạo ở phường, ở xã... Tên gọi, có thể khác, hình dáng cũng có thể khác, mặt mũi có khi lại còn đẹp trai nữa. Nhưng vẫn là anh Chí đó thôi. Thời đại đổi mới thì Chí cũng phải đổi mới. Rạch mặt ăn vạ là chuyện cũ rồi. Chuyện ấy chỉ tồn tại ở thời Bá Kiến. Có cả một cái truyện kể về những việc đó.

Chuyện Hậu Chí Phèo của Phạm Thành do Nhà xuất bản Thanh niên ấn loát. Cuốn sách chưa ráo mực, và người đọc cũng chưa kịp nhận ra gương mặt Chí, chưa biết xếp anh Chí Hậu ấy vào đâu, thì lại một anh Chí nữa ra đời. Lần này Chí ngật ngưỡng xuất hiện trong một cuốn tiểu thuyết dày chút vui, ai ngờ bố con lại chửi nhau. Rồi không sống nổi ở nhà, ông lão ra chợ cắt tóc, rồi ở luôn ngoài lều chợ. Sau ông chết vì cảm. Y thấy đời chẳng còn gì

nữa, sống bất lực ở làng, không còn ai thân thiết, y lại bỏ làng ra đi. Đi đâu? Chẳng ai biết, Chỉ có những lời đồn không rõ thực hư. Căn nhà dột nát của y xưa, giờ lại có một cặp vợ chồng du thủ du thực đến ở. Đòi chẳng bao giờ hết những thằng Chí Phèo.

Đấy anh Chí của Nguyễn Đức Mậu với cái lai lịch như thế đã khật khưỡng ra đời và đang chịu sự phán quyết của công chúng rộng rãi. Trong lúc chờ đợi các nhà phê bình khả kính lên tiếng định đoạt số phận của anh ta, thì chúng tôi - Trần Đăng Khoa và Lê Lưu - hai anh nông dân đồng bãi Hải Hưng, cũng là người cùng giai cấp với Chí, đang ngồi uống bia lai rai trong quán Gió, Hồ Tây. Câu chuyện loanh quanh thế nào lại xoay về số phận của Chí. Đây là cuộc đối thoại hoàn toàn ngẫu hứng.

Lê Lưu: Với con mắt của một nhà thơ và người đọc văn xuôi cũng vào loại sành, ông nói tôi xem, giữa thơ và văn Nguyễn Đức Mậu có gì liên quan đến nhau? Hay nói cách khác, với giọng thơ hồn hậu, chất phác, giàu cảm xúc, khi chuyển sang văn xuôi, Nguyễn Đức Mậu đã gặp những thuận lợi và khó khăn gì?,

Trần Đăng Khoa: Trước hết, tôi chỉ là thằng làm thơ chay, không phải dân văn xuôi, càng không phải là người sành văn xuôi. Tôi phải nói ngay thế, không phải để biện hộ cho những ý kiến ngớ ngẩn của mình, mà đơn giản hơn, chỉ muốn bác hiểu rằng, tiếng nói của tôi không có giá trị gì, nó chỉ là tiếng đế trong một cuộc hát đôi. Bác hát, tôi đế. Hát một mình, không có đàn sáo, trống phách, e bác cũng buồn. Câu hỏi của bác, chỉ có Nguyễn Đức Mậu mới có thể trả lời được. Bởi chẳng ai hiểu công việc cực nhọc của nhà văn bằng chính nhà văn. Nhưng tiếc là Nguyễn Đức Mậu không có mặt ở

quán Gió này, nên bằng cách cảm nhận của một người quan sát, một người vốn sẵn yêu Nguyễn Đức Mậu, hay ngắm nghía cái khí cốt của anh ở phía xa xa, tôi có thể nói ngay rằng: Nguyễn Đức Mậu trước hết là một thi sĩ. ở cái nhà số 4 Lý Nam Đế của ta, có rất nhiều người tài. Đây là những nhà thơ khoác áo lính. Còn Nguyễn Đức Mậu là người lính khoác áo thi sĩ. Nếu chọn một nhà thơ số một của lính, tôi nhắc lại là nhà thơ của lính thì người đầu tiên tôi nghĩ đến là Nguyễn Đức Mậu. Thơ anh đậm chất lính hơn cả. Ngay cả ở tập mới nhất gần đây, tập Từ hạ vào thu, thì những bài thơ vào loại hay cũng vẫn là những bài viết về lính.

Còn nhớ năm 1976, Nguyễn Đức Mậu xuống chơi trại văn Vân Hồ, và do một phút cao hứng nào đó anh tuyên bố sẽ viết văn xuôi. Tôi không biết bác hỏi đó thế nào, chứ mấy ông văn xuôi, vào cỡ gồng của ta bấy giờ, như Nguyễn Khắc Trường, Xuân Đức, Chu Lai hỏi ấy hốt hoảng lắm, vì cái niêu com vốn dĩ mỏng manh, dễ vỡ như cái đồ hàng mã của mình, có nguy cơ bị tước đoạt. Và ngay sáng hôm sau, Nguyễn Đức Mậu đã mang đến một chùm truyện ngắn: Một đêm viết đến năm cái truyện, quả là khủng khiếp. Mọi người chưa kịp bàng hoàng thì chính Nguyễn Đức Mậu đã bàng hoàng trước, khi anh quay lại ngắm năm ngọn tháp Ai Cập mà mình vừa mới nặn ra đêm qua, Quái, sao truyện của mình tìm mãi chẳng thấy có cái gạch đầu dòng nào cả! Nhà thơ vốn dĩ rất giỏi diễn tả tâm hồn tình cảm con người, nhưng ít khi dựng cả một thằng người có xương, có thịt, có hình dáng - diện mạo, tâm lý, với cả ngôn ngữ, tính cách, và tính cách con người nhiều khi lại được biểu hiện qua những đoạn đối thoại mà Nguyễn Đức Mậu gọi là những cái gạch đầu dòng. Đến nay, Nguyễn Đức Mậu đã thuần thục đường văn, đã là tác giả của hai cuốn tiểu thuyết và hàng chục truyện ngắn, nhưng xem ra những cái gạch đầu dòng này, đối với anh, hình như vẫn là một cái gì rất đổi

bí hiểm. Văn chương vốn dĩ lạ vậy. Có những cái tưởng như vật vãnh, tưởng như rất đơn giản, thế mà càng khám phá lại càng chẳng hiểu nó ra làm sao...

Lê Lưu: Thế ra chú vẫn là cái thằng láu cá, vẫn đi vòng vèo, đi phía rìa ngoài, phía những gì đã qua, chứ không phải bây giờ. Tớ cứ muốn bắt thằng, tớ hỏi chú, cái thằng Chí ấy, nó có nên chuyện không?

Trần Đăng Khoa: Nên chứ! Thì nó đã thành một cuốn tiểu thuyết dày dặn mà bác đang cầm trên tay đó thôi. Nhưng tôi những muốn khẳng định với bác rằng Nguyễn Đức Mậu là một thi sĩ, và hơn thế, một thi sĩ có tài. Văn anh réo rắt, trầm bổng. Đúng là văn của một thi sĩ. Nghĩa là văn có nhạc điệu. Thỉnh thoảng anh lại giật mình, đánh rơi ra cả một mảng thơ. Hãy nghe anh tả biển: Con cò bước dè dặt trên mép sóng lăn tăn. Thỉnh thoảng cái mỏ dài và nhọn của nó lại mổ vào biển cả. Hay anh tả muối trong Chuyện riêng của sư trưởng, một cái truyện vào loại hay của Nguyễn Đức Mậu; từng được giải thưởng Văn nghệ quân đội: Tiếng muối căng từng sợi mỏng trong đêm, Nguyễn Đức Mậu rất tâm đắc với câu văn này. Nhưng tôi nghĩ, đây là một câu thơ. Thơ hay nữa là đằng khác. Cánh văn xuôi thuần túy, tôi tin họ sẽ không viết thế. Còn thằng Chí Phèo thì tôi hiểu nó làm sao bằng bác được. Vì bác là ông văn xuôi. Bác thấy thằng Chí trong cuốn sách này nó như thế nào, nó thuộc loại người nào, có thể chơi được không?

Lê Lưu: Thế nghĩa là chú cũng coi tôi như một thằng Chí trong văn xuôi. Nghĩ mà buồn, ông Nam Cao đã có một thằng Chí Phèo sừng sững ra thế rồi, những thằng Chí khác khó mà vượt qua được. Thôi, hãy cứ nói cụ thể về cuốn sách này. Theo mình, với sự nhột nhột của những trang văn, với sự hời hợt của những tính cách, với sự nông nổi của những thân phận trong những

sáng tác của cánh văn xuôi chúng mình, thì đây là một cuốn sách đọc lời cuốn, có văn, có truyện. Làm được như thế cũng là khó, cũng là sự gắng vượt của một người làm thơ kiêm văn xuôi.

Trần Đăng Khoa: Thực ra, Nguyễn Đức Mậu thua ông Nam Cao thì có gì mà bác phải buồn, ông Nam Cao chết từ năm 1953, trước khi có Hội nhà văn chúng ta. Từ bấy đến nay, chúng ta có cả một đội ngũ hội viên hùng hậu, đông đến hơn 600 người, mà nào đã có ai vượt qua được mặt ông ấy. Đây là một thiên tài, cũng là niềm tự hào của cả dân tộc ta ở thế kỷ này. Và tôi trộm nghĩ, xét về tài, ông Nam Cao nhà mình cũng chẳng thua gì ông Sêkhốp, ông Lỗ Tấn. Văn chương Nam Cao cũng rất gần với văn chương ông Tây, ông Tàu này, nhưng khoảng cách tâm cỡ thì hình như vẫn còn xa nhau lắm. Sở dĩ có cái khoảng cách ấy, cũng là vì ở chỗ, Lỗ Tấn và Sêkhốp qua 1 tâm đến nỗi đau ở cõi tinh thần, còn Nam Cao lại phải để tâm trí nhiều đến cái bụng. Đọc ông ấy, trang nào cũng, thấy đói. Mà văn học chỉ luẩn quẩn xung quanh miếng ăn, cũng khó mà lớn được...

Lê Lựu: à, ra cái chú mày vừa đi học Tây về...

Trần Đăng Khoa: Đâu phải thế, Tây thật còn chẳng ăn ai, huống hồ cái thằng Tây rởm. Dẫn ông Tây, ông Tàu, bác lại bảo tôi chuộng ngoại. Thôi thì ta quay về nội vậy. Bác rồi thì cứ đọc lại ông Nguyễn Du ấy, ông ấy rất lớn, có thể sánh với Tagor hay với bất cứ đỉnh tháp nào của thế giới, thế mà bác có thấy ông ấy cho cô Kiều ăn một miếng nào đâu, Ngày xưa các cụ nhà mình cũng ghê gớm lắm chứ. Họ nghĩ đến cõi tinh thần hơn nghĩ đến cái dạ dày rất nhiều. Nhưng mà thôi, ta hãy trở lại bác Nguyễn Đức Mậu và thằng Chí Phèo của bác ấy. Theo bác đánh giá, cuốn sách này đứng ở vị trí nào trong

văn chương chúng ta hôm nay?

Lê Lưu: Tôi với chú, mỗi người vẫn chỉ là một. Cách đánh giá của tôi, chưa chắc chú bằng lòng, huống hồ tôi lại đánh giá thay cho nhiều người khác. Đây là ý kiến của riêng tôi. Tôi rất mừng về sự lao động nghiêm túc, cật lực, để tạo ra được một cuốn sách như tôi đã nói ở trên. Nó là một cuốn sách hay.

Trần Đăng Khoa: Ông văn xuôi chính hiệu đã khen thế thì tôi chẳng dám cãi đâu. Chỉ xin, nhắc thăm bác Mậu một chi tiết nhỏ thôi. ấy là cái đoạn bác tả mẹ Lý Mảo bị rắn cắn chết. Bà cụ đi móc cua ở đồng nước ngập trắng. Khi bị rắn cắn, bà gục xuống bờ ruộng. Cái nón trắng chúi sấp xuống nước. Cứ như bác Mậu tả thế thì đó là rắn nước, cắn chỉ ngứa chứ không chết được người. Rắn độc thường chỉ ở những nơi khô ráo. Bác Mậu là người quê, sao lại nhầm lẫn sơ đẳng đến vậy. Nhưng thôi, bác đã khen thế, không khéo Chí Phèo có thể làm ứng cử viên hoa hậu, văn chương năm nay...

Lê Lưu: Không chỉ thằng Chí Phèo, mà là tất cả những ông, những bà, những anh, những chị trong các cuốn sách khác đều có thể là ứng cử viên. Còn nó có trở thành hoa hậu văn chương hay không, phải nhờ vào sự đánh giá công minh của bạn đọc rộng rãi...

Trần Đăng Khoa: Thế có nghĩa là theo ý riêng bác, Chí Phèo đã là một anh chàng hoàn chỉnh?

Lê Lưu: Khái niệm về hoàn chỉnh, hay toàn bích, còn một khoảng cách. Tôi muốn nói một nhà thơ viết văn xuôi rất khó tạo dựng được những tính cách chính xác, lô-gích, những nhân vật hoàn chỉnh như những anh chuyên nghề

văn, ấy là chưa kể những khiếm khuyết về ngôn ngữ, đôi chỗ ngôn ngữ hôm nay lắp vào miệng nhân vật hôm qua, hay cách nói khái niệm theo kiểu cơ quan, công chức gắn vào mồm những thằng đầu đường xó chợ như cái thằng Chí Phèo. Nhưng tôi tin rằng, với cách sống giản dị, cần mẫn, sự đắm mình trong không khí nhà quê, nơi Nguyễn Đức Mậu gửi gắm nhiều tình cảm sâu xa của mình, chắc chắn nếu còn viết văn anh sẽ khắc phục được những nhược điểm mà tôi vừa bàn đến,

Trần Đăng Khoa: Sở dĩ, có cái gọi là nhược điểm như bác vừa nói, tôi nghĩ, cũng là tại bác Nguyễn Đức Mậu của chúng ta thông minh quá, mà cái thằng Chí Phèo thì lại đàn độn dờ dẩn, nên bác Mậu cứ phải dìu dắt, chỉ dẫn. Vì vậy mà ở trang nào, tôi cũng thấy thấp thoáng bóng bác Mậu đi bên thằng Chí Phèo. Phải nói bác Mậu là một nhà chỉ huy cần mẫn và sâu sát dân chúng. Thành công của cuốn sách này là nó cứ làm ta nhớ đến ông Nam Cao và thằng Chí Phèo làng Vũ Đại ngật ngưỡng bước bên miệng vực. ở cái khoảng cách mỏng manh giữa thú và người. Hình như Nguyễn Đức Mậu viết cuốn sách này cũng là vì sự ám ảnh của nỗi nhớ ấy. Bởi vậy anh đã đề trong cuốn sách: Kính tặng hương hồn nhà văn Nam Cao. Dưới đó còn có thêm bốn câu thơ:

Chí Phèo sống, Nam Cao đã khuất

Nào có dài chi một kiếp người

Nhà văn chết, nhân vật từ trang sách

Vẫn ngày ngày lẫn lóc giữa trần ai...

Vì sức sống của Chí Phèo, chúng ta nâng cốc chúc mừng ông Nam Cao và chúc mừng cả anh Chí của Nguyễn Đức Mậu nữa. Mong rằng giữa chốn trần ai, anh Chí của bác Mậu sẽ không mất tích.

Quán Gió, Hồ Tây 4-1993

Trần Đăng Khoa

Chân Dung và đối thoại

Bài 10

cHUYỆN ở CôNg Viên THỦ LỆ

Mùa xuân. Gió se lạnh. Mưa bụi lay phay, ở một góc công viên Thủ Lệ, nơi ngự của Chúa Sơn Lâm mà người nhà quê vẫn quen gọi Ngài là... Ông Ba Mươi - lúc nào cũng nườm nượp người. Những đứa trẻ lũn cùn theo mẹ, tay cầm chùm bóng màu, lăm lét nhìn Ngài. Một cặp trai gái đang yêu xoè ô che cho nhau, đi lướt qua. Hình như họ không biết có Ngài trên đời. Điều ấy lại làm cho Ngài cảm thấy dễ chịu. Ngài muôn vào hậu cung, là cái buồng nhỏ có cửa sắt, xây bằng xi-măng, cốt thép ở phía sau mà lũ trẻ ngỗ ngược dám gọi là cái ổ cọp. Láo toét. Thực tình. Ngài muôn nằm xả hơi sau bao nhiêu huyên náo, chộn rộn, thì ngoài cửa sắt lại thập thò một vị khách nữa, đó là Trần Đăng Khoa. Sự xuất hiện của anh ta, quả có làm cho Ngài khó chịu. Ngài định phất đuôi đi thẳng, nhưng rồi không hiểu nghĩ sao, Ngài lại không đi.

Ông Ba Mươi (Le lé nhìn máy ảnh, máy ghi âm, những đồ nê linh kính đeo trên vai Trần Đăng Khoa), Hừm... Hoàm...! Lại nhà báo chứ gì? Ta chẳng có

việc gì phải gấp nhà báo cả. Hãy đi đi. Đi ngay khỏi đây đi!

Trần Đăng Khoa: Này. Ngài vừa nói gì thế? Ngài có biết Ngài đang vi phạm luật báo chí không? Điều luật đã được ghi rõ ràng đây này! (Đọc to) Không một ai có quyền ngăn cản nhà báo đang thi hành công vụ theo đúng pháp luật!

Ông Ba Mươi: Hừm! Đúng là nhà báo chính cống. Động một tí là lại giở thẻ ra dọa nạt. Nhưng ta là Hồ. Hồ còn hơn Báo đấy!

Trần Đăng Khoa: Phải! Ta biết Ngài là chúa tể rừng già. Nhưng rất tiếc, đây lại không phải rừng già. Ngài đang ở giữa xứ người, đang nằm khoèo trong cái cũi sắt ở vườn bách thú Thủ Lệ...

Ông Ba Mươi: Thế con tưởng con không ở trong cũi sao? Cái cũi của ta chỉ hơn chục bước chân thôi, eòn cái cũi của con thì mệnh mông đến... bốn phía chân giò.

Trần Đăng Khoa: Này ông mãnh! ông nói lảm nhảm cái gì thế?

Ông Ba Mươi: Ta chỉ nói một sự thật thôi?

Trần Đăng Khoa: Sự thật gì?

Ông Ba Mươi: Sự thật là ta đã mang rừng già về thành phố. Sự hiện diện của ta đã làm cho cái khu rừng giả Thủ Lệ này có sự thâm nghiêm, huyền bí của đại ngàn. Trong khi đó, những cánh rừng thật thì đang bị huỷ diệt trên phạm

vi toàn thế giới. Tầng ôzôn bị thủng ở trên kia. Nạn cháy rừng đã lan đến tận đỉnh giới rồi. Những bộ óc thông minh nhất của loài người đã phải co cụm lại để lo cách chống đỡ, vá tầng ôzôn. Hừm...! Họ định biến thình không thành một cái váy đụp. Tầng ôzôn không ở trên cao tí mù khơi kia đâu. Nó đang, ở ngay dưới gót giày của các người đấy. Hãy vá những cánh rừng đang bị rách toí tả dưới chân các người đi. Hãy làm đúng như lời cầu nguyện của lũ con trẻ, là biến trái đất thành một quả bóng xanh. Quả bóng xanh bay giữa trời xanh. Lúc đó, rừng già sẽ cứu vớt các người, che chở cho các người.

Trần Đăng Khoa: Ngài chỉ ở trong xó rừng, bây giờ còn bó thân trong cũi sắt. Ngài biết gì về tầng ôzôn mà toàn nói chuyện trên giới...

Ông Ba Mươi: Thực tình, ta ngụ ở xứ người cũng có phần âm u tí chút, nhưng cái loa công cộng rất vui tính ở cổng rừng già kia hàng ngày rót vào tai ta bao nhiêu là chuyện, rất những duyên do cánh báo chí các người nhật nhanh ở khắp các xó xỉnh hành tinh. Đến cỏ cây kia cũng còn biết bao nhiêu chuyện trên giới. Chúng vẫn luôn rì rầm, bàn tán với nhau. Còn con người chẳng biết cái gì cả lại cứ tưởng trời đất đang chuyển mùa. Hà Nội đang trở gió. Ôi cỏ cây! Cỏ cây đang hát - Những nỗi niềm huyền bí của thiên nhiên. Nhà thơ nào ca thế nhỉ? chỉ láo toét! Lũ cây cỏ đang cười các người đấy, đang đàm tiếu về các người đấy chứ hát hò cái nỗi gì? (Trần Đăng Khoa giờ nắm đấm lên, nhưng lại chợt nhìn thấy cái biển đề ở cửa sắt: Yêu cầu quý khách không chạm vào hiện vật. Anh bèn bỏ đi) Này, lại đây? Lại đây. Ta có nhờ xin lỗi con. Ta chưa nói hết chuyện mà? Còn rất nhiều chuyện nữa.

Có tiếng ồn ào. Một đám thanh niên đi ngang qua, O này, lạ không, lão kia

đang nói chuyện với hủ! Bậy!, Bậy gì, lão còn giờ sổ ghi ghi chép chép!
Người điên đấy! Điên đâu mà điên! Không điên sao lại nói chuyện với hủ?

Trần Đăng Khoa: (Vỗ vỗ vào cửa sắt. Ông Ba Mươi quay lại): Đó, Ngài có
nghe thấy gì không? Tai Ngài vẫn tốt đấy chứ?

Ông Ba Mươi: Ta điếc rồi, Hoàn toàn điếc đặc rồi,

Trần Đăng Khoa: (Bật cười) Ngài bảo Ngài điếc đặc Điếc đặc mà sao Ngài
tọc mạch thế?

Ông Ba Mươi: ấy là vì ta buồn. Ta buồn thôi. Nếu buồn thêm một tí nữa
không khéo ta thành thi sĩ mất. Biết đâu, lúc ấy, ta là ông Thế Lữ cũng nên...

Trần Đăng Khoa: Ngài biết ông Thế Lữ à?

Ông Ba Mươi: Biết chứ! Ông ấy với ta là bạn tâm giao. Gặm một mối cầm hờn trong cũi sắt - Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua... Hay thật? Phải thừa nhận rằng, Thế Lữ rất hiểu ta. Cũng phải thôi. Bởi ông ấy là chúa tể thi ca nên cũng dễ dàng hiểu được nỗi niềm của chúa tể rừng già. Thế Lữ đã mượn cái lưỡi của ta để bộc lộ nỗi niềm của mình. Lấy con mắt của ta để ngắm đại ngàn và rồi rút cuộc ta lại được nhìn đại ngàn bằng chính con mắt

Thế Lữ: Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối - Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan? Đâu những bình minh cây xanh, nắng gội - Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng? Thật bi tráng biết bao? Kỳ vĩ biết bao? Nhưng đây là chuyện của Thế Lữ, do Thế Lữ tưởng tượng khi ngài khoác tấm áo văn vận của ta.. Chứ thực sự với ta thì đêm trăng bên suối, ánh bình minh với tiếng chim ca chẳng có nghĩa lý gì. Ta chỉ yêu bóng đêm. Những đêm tối sẫm, nhất là đêm ba mươi. Đêm ấy, ta nhìn vạn vật trong suốt mà không bị vương ánh hào quang giả tạo. Vương quốc của ta chỉ thực sự tôn nghiêm, kỳ vĩ khi có bóng tối bao phủ. Ta cứ cười thầm ông Thế Lữ đã phải núp vào bóng ta mà kêu lên: Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu? Ông ấy đã khám phá ra một căn bệnh phổ biến của loài Nguyễn là nuôi tiếc quá khứ.

Trần Đăng Khoa: Thế Ngài không tiếc quá khứ sao? Cllí ít cũng là một thời tung hoành ngang dọc ở những cánh rừng già?

Ông Ba Mươi: Với ta, quá khứ chả là cái gì cả Chỉ cần chạm vào cái lá là ta

đã quên sạch. Ta không có quá khứ, cũng không có tương lai. Ta chỉ có hiện tại. Lúc nào với ta cũng là hiện tại...

Trần Đăng Khoa: Hiện tại của Ngài là đây này (Đập đập vào cái cũi sắt)

Ông Ba Mươi: Đúng rồi! Nhưng cái hiện tại han gĩ này đâu có ngăn ta bàn luận về con người. Phải thừa nhận rằng, con người ở thế kỷ này cực kỳ tài giỏi. Họ có thể phục hồi lại được mọi thứ đã mất, chỉ trừ thời gian. Bởi thế, họ mới nuối tiếc quá khứ, Nếu anh bắn vào quá khứ bằng súng lục, thì tương lai sẽ bắn vào anh bằng đại bác. Ông Tây nào nói thế nhỉ? Hãi quá.

Trần Đăng Khoa: Ta muốn nghe một chuyện về Ngài,

Ông Ba Mươi: Có một chuyện hình như là của ai đó.

Trần Đăng Khoa: Ngài có nhớ tên người ấy không,,

Ông Ba Mươi: Làm sao ta nhớ được tên các người, những cái thứ lằng nhằng như dây mây, dây mái ấy...

Trần Đăng Khoa: Vậy là Ngài không biết tên tác giả?

Ông Ba Mươi: Ta chỉ biết cái chuyện thôi. Nào, con hãy ngồi xuống đây, Thế? Được rồi! Câu chuyện bắt đầu từ một bà già. Bà sống trong một căn lều cỏ rách nát. Căn lều dựng ven rừng. Ngay sau lều là đại ngàn âm u, huyền bí. Chính cánh rừng đã nuôi bà cụ. Ngày ngày bà cụ vào rừng, kiếm củi, rồi mang ra chợ bán. Một buổi tối, trời sáng mờ, Bà cụ đang lụi củi từ rừng về nhà thì chợt nghe tiếng trẻ khóc. Tiếng khóc vẳng lên từ một cái hố ở ven đường. Không biết con cái nhà ai đi đâu mà lại rơi vào cạm bẫy hổ. Qua ánh trăng non lơ mờ như bụi rắc, bà cụ rụng rời khi nhìn thấy ở dưới đáy hố không phải là đứa trẻ, mà lại là một chú hổ con. Thôi, cho nó chết! Bà già bỏ đi. Nhưng vừa nhấc bó củi lên vai, bà đã khụy xuống, không bước nổi. Tiếng khóc cứ xói vào ngực bà, co thắt trái tim bà. Bà nghe rõ ràng là tiếng khóc trẻ con. Tiếng khóc của trẻ con - Người. Bà nhớ đến đứa con duy nhất của bà với người chồng xấu số. Thằng bé đã rơi xuống khe đá và chết đói ở dưới đó khi nó thơ thẩn đi đón bà ở ngoài bìa rừng. Thế là không còn băn khoăn gì nữa, bà bế con hổ con về nhà nuôi bằng chính dòng sữa của mình. Từ đó căn lều hoang lạnh của bà đã có tiếng cười. Những

người dân của làng đi làm về, thường ghé qua ngắm cậu bé. Ai cũng khen cậu đẹp, hiền hậu. Có người còn bảo cậu giống bà cụ. Hai mẹ con cứ như hai giọt nước. Thế rồi cậu đi học. Cậu học rất giỏi Bè bạn không ai có thể theo kịp. Điều ấy làm cho họ khó chịu. Còn ông thầy cũng không thấy vui nhiều khi còn bực bội, vì có điều thầy chưa kịp nói, cậu đã biết cả rồi. Và thế là họ quyết định gạt cậu ra khỏi cộng đồng, chỉ với một lý do: Cậu không phải là người. Cậu là một con hổ đẻ roi. Nhưng biết lấy bằng cứ gì để xác định cậu là hổ. Chẳng lẽ dựa vào cái lý lịch mờ mờ tỏ tỏ, pha màu huyền thoại mà người ta đã đồn thổi từ thời nào, thời nào, trong khi cậu lại học giỏi, ngoan ngoãn, hiền lành, thật thà như đếm, diện mạo sáng đẹp, giống y hệt một con người. Cậu chỉ có một cái tật: cứ chạm phải lá cây, cậu quên hết mọi sự. Nhưng chỉ một tật ấy thì cũng chưa thể đủ để buộc tội cậu. Học trò quên lời thầy là điều bình thường. Thế là ông thầy bèn ra một đề văn trắc nghiệm giới tính: Em hãy tả dòng suối trong một đêm trăng (Ngừng ngắn). Hừm, con người buồn cười thật, Họ tẻ nhạt đến đơn điệu, Cứ nói về hổ là lại dòng suối với đêm trăng. Tay nhà văn này cũng giống hệt ông Thế Lữ...

Trần Đăng Khoa: Xin Ngài hãy trao công việc bình luận văn chương cho các nhà phê bình, nghiên cứu. Đây không phải là việc của Ngài...

Ông Ba Mươi: Ta đang nói chuyện hổ đấy chứ. Đâu có phải chuyện văn chương. Ta không quan tâm lắm đến những công nghệ lằng nhằng của giới phê bình.

Trần Đăng Khoa: Vậy xin Ngài cứ kể tiếp, Thế rồi bài văn sao?

Ông Ba Mươi: Thì lũ trẻ hí hoáy làm bài. Những bài văn nhạt nhẽo và bọt

bạt, không hề có sinh khí. Nhưng đến bài của cậu bé thì không thể. Cậu ta tả tiếng gió âm u luồn trong bụng rừng. Những cành cây khô vẫy mình rặng rắc như tiếng xương gãy. ánh trăng lênh loáng trên mặt suối như máu. Mùi cỏ trên bờ thơm ngậy ngát. Những ngọn gianh sắc còn vương róm chút máu chân nai...

Thôi! - Thầy giáo quát lên. - Hãy dừng bút và bước ngay ra khỏi lớp? Mày là một con hổ!. Cậu bé ngỡ ngàng, không hiểu ra làm sao cả. Ra ngay! Con hổ ác độc! Không! - Cậu bé meo meo, - Em là người, là con người!, Người đâu có thể này, Máu... Máu.... Thế là cánh cửa lớp sập xuống sau lưng cậu, Cút đi! eút đi! Cút về rừng đi!. Lũ trẻ gào lên cho hả giận. Cậu bé thất thểu về nhà. Bà cụ hái củi đã chết vì cây đổ. Chẳng còn biết nương tựa vào đâu. Cậu bé nhớ đến những người hàng xóm tốt bụng. Những người đã từng ca ngợi cậu, khen cậu đẹp trai và giống mẹ như đúc. Nhưng vừa nhắc trông thấy cậu, họ đã đóng sập cửa. Họ chỉ biết cậu là con của hổ nên bị đuổi học. Cậu bé đói là chỉ mong có một miếng cơm cháy. Rồi cậu đi lang thang để kiếm cái ăn. Cậu nghe có tiếng bước chân rầm rập ở ngoài bìa rừng. Các bác ời, cho cháu một khúc sấn! Rồi cậu rụng rời cả chân tay khi phát hiện ra đám đông ấy không phải là người mà lại là một bầy hổ rừng. Đói chứ gì? Thế thì theo chúng tao!. Nhưng cháu không phải là hổ!, Nếu không phải hổ, sao con người lại ruồng bỏ mi, xua đuổi mi? Thế là cậu đã trở về với đại ngàn sâu thẳm huyền bí. Và chỉ ít phút sau, cậu đã có cái ăn. Nhưng không phải cơm, không phải sấn mà là thịt sống. Cậu nôn oẹ ra mật xanh, mật vàng. Bầy hổ phải vất vả lắm mới đào luyện cậu tiếp cận được với cuộc sống mới. Rồi cậu quen dần với đời sống hoang dại, quen dần mùi máu. Rồi cậu nghiện máu. Cậu thấy thèm thịt người. Cậu mang máng nhớ đến cái lớp học ở một làng xa xa. ở đấy có cơ man nào là người. Thế là cậu dẫn đoàn quân của rừng về.

Ôi! Em vào đây? Em ngoan quá! Thầy và các bạn đều nhớ em! - Thầy giáo kêu lên, giọng run rẩy. Không! Ta đến đây không phải để học. Chính em đã từng học ở đây mà! Em là một con người tuyệt vời. Con người viết hoa!. Không! Ta không phải là người. Chính ông đã bảo ta là hổ, đã bắt ta phải làm hổ! Thế là cậu và đoàn quân của rừng tràn vào lớp học. Thịt và máu ngập ngụa cả một vùng...

Trần Đăng Khoa: Hình như Ngài nhớ không chính xác...

Ông Ba Mươi: Thế ta mới là Hổ chứ. Có quan trọng gì ở sự chính xác của mấy con chữ. Miễn là cái chuyện nó sống trong bụng ta như thế. Ông nhà văn này thật khôn ngoan. Ông ấy đã biết tựa vào cái bóng oai linh của ta để tạo dựng lên một tác phẩm lớn, cũng như ông Thế Lữ.

Trần Đăng Khoa: Ngài lại chạm đến một vấn đề không thuộc về Ngài rồi. Tác phẩm lớn hay nhỏ đâu có phụ thuộc vào nhân vật mà nhà văn đề cập, ví như con muỗi mắt hay con voi rừng...

Ông Ba Mươi: Văn học có thể viết về con muỗi, về côn trùng. Nhưng nhà văn mà chỉ luân quần những muỗi mắt, côn trùng, giun dế, cóc nhái với cào cào châu chấu thì cũng không thể thành người được đâu, con ạ, Con cứ nhắn với các nhà văn như thế nhé. Cứ nói thẳng ra là ta nói thế đấy. Nếu ai cảm thấy khó chịu thì cứ đến cái góc rừng giả Thủ Lệ này gặp ta.

Tết Con Cọp Mậu Dần 1998